

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học
Hệ, bậc đào tạo: Đại học/Chính quy

Thanh Hóa, 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 2588/QĐ-ĐHHD, ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Giáo dục Tiểu học
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Primary Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	71402 02
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Khoa Giáo dục Tiểu học
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	128
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo (128 tín chỉ);- Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4);- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam);- Có chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Giáo dục Tiểu học
Vị trí làm việc:	<ul style="list-style-type: none">- Làm giáo viên dạy các môn cơ bản và một số môn đặc thù trong các trường Tiểu học; làm tốt công tác chủ nhiệm, phụ trách Sao Nhi đồng, Đội TNTP Hồ Chí Minh trong các trường tiểu học.- Làm công tác quản lý giáo dục: chuyên viên Phòng GDTH thuộc Sở GD&ĐT, các Phòng giáo dục, các Trung tâm Giáo dục cộng đồng, các cơ sở giáo dục hòa nhập.- Có thể học thêm để chuyển đổi nghề nghiệp hoặc kết hợp làm các công việc khác như: làm việc ở các thư viện, các Trung tâm chăm sóc tâm lý học sinh tiểu học, các Trung tâm tư vấn giáo dục v.v...

	- Có khả năng nghiên cứu khoa học tại các viện khoa học và các cơ sở giáo dục.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	- Tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ để thực hiện các chuyên đề bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về Giáo dục tiểu học. - Học chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành giáo dục Tiểu học để làm quản lý chuyên môn trong trường tiểu học, làm giảng viên trong các cơ sở đào tạo giáo viên tiểu học.
Chương trình tham khảo:	- CTĐT ngành GDTH - ĐH Sư phạm Hà Nội - CTĐT ngành GDTH-ĐH Đà Nẵng - CTĐT ngành GDTH – ĐH Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân ngành Giáo dục Tiểu học có phẩm chất và năng lực nghề nghiệp đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học; có năng lực chuyên môn, nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học để dạy học, làm việc, quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục tiểu học tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, và các đơn vị hành chính sự nghiệp giáo dục khác; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng tự học, tự bồi dưỡng để phát triển bản thân, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

PO1: Có kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội- môi trường; khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; kiến thức về giáo dục quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất phục vụ công tác chuyên môn và cuộc sống.

PO2: Có kiến thức cơ bản của khối ngành khoa học Giáo dục, lý luận và phương pháp dạy học phục vụ giảng dạy ở các trường tiểu học.

PO3: Có kiến thức cơ sở chuyên ngành, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ sư phạm về giáo dục tiểu học phục vụ cho quá trình nghiên cứu và giảng dạy ở các trường tiểu học.

1.2.2. Kỹ năng

PO4: Kỹ năng ngoại ngữ, tin học, chuyển đổi số, nghiên cứu khoa học phục vụ công tác chuyên môn và cải tiến chất lượng dạy học, giáo dục.

PO5: Kỹ năng hình thành ý tưởng, thiết kế, vận dụng và thực hiện các hoạt động giáo dục, dạy học ở các trường tiểu học trong bối cảnh toàn cầu hóa.

PO6: Các kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề thuộc chương trình giáo dục và tài liệu dạy học ở Tiểu học phục vụ thiết thực cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO7: Thể hiện phẩm chất cá nhân, đạo đức, phong cách chuẩn mực của một nhà giáo; xây dựng mối quan hệ, hợp tác thân thiện với đồng nghiệp, với học sinh và phụ huynh; có khả năng cải tiến, dẫn dắt chuyên môn và phát huy trí tuệ tập thể; tự học, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức lý thuyết và thực tế, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử, thể hiện mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Người học phải đạt bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ – TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ, cụ thể như sau:

2.1. Kiến thức

PLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Lý luận chính trị; quản lý ngành và pháp luật Việt Nam; kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất vào công việc chuyên môn và cuộc sống.

PLO2: Trình bày được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, môi trường, văn hóa nghệ thuật, công nghệ số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để vận dụng phù hợp, linh hoạt, sáng tạo với chuyên môn được đào tạo.

PLO3: Khái quát hóa được kiến thức về khoa học giáo dục, lí luận và phương pháp dạy học; từ đó vận dụng vào thực hiện kế hoạch giáo dục và kế hoạch bài dạy của giáo viên.

PLO4: Phân tích, lựa chọn được những phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học phù hợp nhằm phát huy một cách có hiệu quả tính tích cực, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của học sinh.

2.2. Kỹ năng

PLO5: Xây dựng và thực hiện được kế hoạch dạy học, các chủ đề tích hợp, các chuyên đề; tổ chức kiểm tra đánh giá; phân tích và phát triển chương trình giáo dục cấp Tiểu học.

PLO6: Xây dựng, tổ chức và thực hiện được các nhiệm vụ giáo dục (đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ, thể chất) thông qua việc giảng dạy, các hoạt động chính khóa và ngoại khóa. Có khả năng xử lý tình huống sư phạm hợp lý, xây dựng được môi trường giáo dục dân chủ an toàn thân thiện, thúc đẩy phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

PLO7: Sử dụng được ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam; ứng dụng các phương tiện, thiết bị trong việc hỗ trợ dạy học ở Tiểu học một cách hiệu quả; Khai thác, tra cứu, sử dụng và quản lý được các nguồn tài nguyên thông tin phục vụ cho các hoạt động dạy học và giáo dục ở Tiểu học.

PLO8: Nhận biết, phân tích được đặc điểm cá nhân và điều kiện, hoàn cảnh sống của người học, từ đó, dự báo được xu hướng phát triển của người học, để có những tư vấn hiệu quả cho người học, giúp người học xây dựng được kế hoạch phát triển cá nhân.

PLO9: Định hướng và thực hiện được các nghiên cứu cơ bản về giáo dục tiểu học, vận dụng kết quả nghiên cứu vào việc cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học các môn học ở tiểu học; thực hiện các nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục Tiểu học để phục vụ các hoạt động nghề nghiệp.

PLO10: Quản trị quá trình giáo dục và dạy học các môn học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học: Lập kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục từng khối lớp; Điều hành và giám sát các hoạt động theo kế hoạch.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO11: Tạo dựng được lối sống tự lực; khẳng định và bảo vệ được quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật. Luôn chủ động trong ứng xử, tự điều chỉnh hành vi bản thân để có cách ứng xử đúng. Điều chỉnh được hiểu biết, thái độ, kỹ năng, kinh nghiệm của cá nhân để thích ứng được với những thay đổi trong hoạt động mới, môi trường làm việc mới. Hình thành và sử dụng được các kỹ năng cá nhân trong việc giao tiếp, hợp tác và ứng xử với sự đa dạng và thay đổi của môi trường và xã hội.

PLO12: Thể hiện được trách nhiệm, tác phong sư phạm chuẩn mực của người giáo viên, đối với bản thân, học sinh, nhà trường, xã hội và sẵn sàng cống hiến cho sự nghiệp giáo dục; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tham gia các hoạt động truyền thông, tình nguyện, nhân đạo để phục vụ cộng đồng. Đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG		44							
I	Lý luận chính trị		13							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135		2	LL Mác-LN
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18		90	1	3	LL Mác-LN
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	1	4	LL Mác-LN
4	198030	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	21	18		90	1	5	LSD –TT HCM
5	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90	1	5	LSD –TT HCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90		4	Luật
II	Khoa học xã hội - nhân văn - NCKH		7							

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
7	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	18	6	90		1	Việt Nam học – Du lịch
8	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	26	10	135		5	QTKD
9	141035	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục Tiểu học	2	18	24		90	19	4	Toán
III	Nhân văn Nghệ thuật		6							
10	147085	Âm nhạc	3	27	0	36	135		6	Âm nhạc
11	143090	Mỹ thuật	3	27	30	6	135		6	Mỹ thuật
IV	Ngoại ngữ		10							
12	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180		1	NN KC
13	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	12	2	NN KC
14	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	13	3	NN KC
V	Toán-Tin-KHTN-CN-Môi trường		08							
15	172555	Công nghệ số	3	20	0	50	135		2	MMT-Ứng dụng
16	143011	Toán cao cấp	3	27	30	6	135		1	Toán
17	118011	Môi trường và con người	2	18	24		90		2	Sinh học
VI	Giáo dục thể chất		4							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	10		20	90		1	Bóng -ĐK
		Giáo dục thể chất 2 (Chọn 1 trong 5 học phần)	2							
a	191031	Bóng chuyên	2			30	90		2	Bóng -ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90		2	Bóng -ĐK
c	191033	Bóng đá	2			30	90		2	Bóng -ĐK
d	191034	Bóng rổ	2			30	90		2	Bóng -ĐK
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90		2	Bóng -ĐK
VII	Giáo dục quốc phòng (tiết)		165							TT GDQP
B	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP		84							
I	Kiến thức cơ sở ngành		14							
18	181001	Tâm lý học Tiểu học	4	36	48		180		2	Tâm lý
19	182006	Giáo dục học Tiểu học	4	36	48		180	18	3	Giáo dục
20	198010	Quản lý HCNN & QLGD	2	18	24		90	1 18 19	7	Giáo dục
21	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	243001	Sinh lý trẻ em & GDSK	2	18	24		90		3	Sinh học
b	243002	Sinh lý học người và ứng dụng	2	18	24		90		3	Sinh học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
22	Toán học tự chọn 1 (<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>)									
a	141023	Cơ sở lý thuyết toán ở Tiểu học	2	18	18	6	90	28	3	Toán
b	141000	Hình cao cấp	2	18	18	6	90	28	3	Toán
II	Kiến thức ngành		57							
23	142015	Ngôn ngữ học đại cương	2	18	18	6	90		1	Ngữ văn
24	142040	Tiếng Việt 1	4	36	42	6	180	23	3	Ngữ văn
25	142046	Tiếng Việt 2	3	27	30	6	135	24	4	Ngữ văn
26	142056	Văn học 1	2	18	18	6	90		1	Ngữ văn
27	142002	Văn học 2	3	27	30	6	135	26	4	Ngữ văn
28	141055	Số học	3	27	30	6	135	16	2	Toán
29	143000	Cơ sở Tự nhiên & Xã hội	3	27	15	21	135		1	Địa lí
30	Tiếng Việt tự chọn 1 (<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>)									
a	145161	RLKN sử dụng Tiếng Việt	3	27	30	6	135	32	6	Ngữ văn
b	142101	Tiếng Việt thực hành	3	27	30	6	135	32	6	Ngữ văn
31	Toán học tự chọn 2 (<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>)									
a	141140	Phương tiện KTDH và Ứng dụng CNTT trong dạy học Tiểu học	3	27	30	6	135	22	5	Toán
b	141065	Xác suất và thống kê toán	3	27	30	6	135	22	5	Toán
32	142025	PPDH Tiếng Việt ở Tiểu học	4	36	36	12	180	25 27	5	Ngữ văn
33	141025	PPDH Toán ở Tiểu học	3	27	30	6	135	22 28	4	Toán
34	141030	Rèn kỹ năng giải toán tiểu học	3	27	30	6	135	22 33	6	Toán
35	125900	PPDH Tự nhiên và Xã hội	4	36	30	18	180	29	6	Lịch sử
36	143060	Đạo đức và PPDH đạo đức ở Tiểu học	2	18	24		90	1	7	Lý luận – Mác Lênin
37	143030	PPDH Thể dục ở Tiểu học	2	15	9	21	90		7	GDTC
38	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	143026	PPDH Âm nhạc ở Tiểu học	3	27	0	36	135	10	7	Âm nhạc
b	147058	Âm nhạc nâng cao ở Tiểu học	3	27	0	36	135	10	7	Âm nhạc
39	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
a	143020	PPDH Mỹ thuật ở Tiểu học	2	18	18	6	90	11	7	Mỹ thuật
b	143003	Mỹ thuật (Kiến thức nâng cao)	2	18	18	6	90	11	7	Mỹ thuật
40	Toán học tự chọn 3 (<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>)									
a	141058	Một số Phương pháp sáng tác bài toán ở Tiểu học	2	18	18	6	90	34	7	Toán
b	141063	Lý thuyết đồng dư	2	18	18	6	90	34	7	Toán
41	Tiếng Việt tự chọn 2 (<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>)									
a	142020	Ngữ pháp chức năng	2	18	18	6	90	30	7	Ngữ văn
b	142010	Lý thuyết hội thoại	2	18	18	6	90	30	7	Ngữ văn
42	Văn học tự chọn (<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>)									
a	142044	Văn học 3	2	18	18	6	90	27	7	Ngữ văn
b	142035	Thi pháp văn học dân gian	2	18	18	6	90	27	7	Ngữ văn
43	<i>Chọn 1 trong 4 học phần</i>									
a	181004	Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	2	18	24		90	19	4	Giáo dục học
b	181170	Thực hành công tác đội và tổ chức hoạt động giáo dục NGLL ở trường Tiểu học	2	12	12	26	90	1	4	Giáo dục học
c	182058	Giáo dục hòa nhập	2	18	24		90	19	4	Giáo dục học
d	182006	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học	2	18	24		90	18	4	Giáo dục học
III	KT/TTN/KLTN/HP thay thế		13							
44	141010	Kiên tập sư phạm	2				90	18	5	
45	141060	Thực tập tốt nghiệp	5				225	44	8	
46	Khóa luận tốt nghiệp/HP thay thế KLTN									
46.1	141087	Khóa luận tốt nghiệp/	6							
46.2	Học phần thay thế KLTN		6							
a	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							Ngữ Văn
	142059	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu Tiếng Việt ở Tiểu học	3	27	30	6	135	41 42	8	Ngữ văn
	142050	Kiến thức Tiếng Việt trong trường Tiểu học	3	27	30	6	135	41 42	8	Ngữ văn

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
b	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3						Toán	
	141014	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Toán ở Tiểu học	3	27	30	6	135	34	8	Toán
	141066	Rèn luyện tư duy cho học sinh trong dạy học Toán ở Tiểu học	3	27	30	6	135	34	8	Toán
Tổng			128							

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
Học kỳ 1: 16 (16 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)								
1	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	x		18	18	6
2	133031	Tiếng Anh 1	4	x		36	24	24
3	143000	Cơ sở Tự nhiên & Xã hội	3	x		27	15	21
4	143001	Toán cao cấp	3	x		27	30	6
5	142015	Ngôn ngữ học đại cương	2	x		18	18	6
6	142056	Văn học 1	2	x		18	18	6
Học kỳ 2: 18 (18 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)								
1	196055	Triết học Mác - Lênin	3	x		32	26	
2	133032	Tiếng Anh 2	3	x		27	18	18
3	172555	Công nghệ số	3	x		20	0	50
4	181001	Tâm lý học Tiểu học	4	x		36	48	3
5	118011	Môi trường và con người	2	x		18	24	
6	141055	Số học	3	x		27	30	6
Học kỳ 3: 17 (13 TC bắt buộc, 4 TC tự chọn)								
1	196060	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	x		21	18	
2	133033	Tiếng Anh 3	3	x		27	18	18
3	142040	Tiếng Việt 1	4	x		36	42	6
4	182006	Giáo dục học Tiểu học	4	x		36	48	

5	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	243001	Sinh lý trẻ em & GDSK	2		x	18	24	a
b	243002	Sinh lý học người và ứng dụng	2		x	18	24	b
6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	141023	Cơ sở lý thuyết toán ở Tiểu học	2		x	18	18	6
b	141000	Hình cao cấp	2		x	18	18	6
Học kỳ 4: 17 (15 TC bắt buộc, 02 TC tự chọn)								
1	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		21	18	
2	197030	Pháp luật đại cương	2	x		18	12	12
3	142002	Văn học 2	3	x		27	30	6
4	141035	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục Tiểu học	2		x	18	24	
5	<i>Chọn 1 trong 4 học phần:</i>							
a	181003	Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	2		x		60	
b	181170	Thực hành công tác đội và tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp	2		x	12	36	0
c	182058	Giáo dục hòa nhập	2		x	18	24	
d	182059	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học	2		x	18	24	
6	142046	Tiếng Việt 2	3	x		27	30	6
7	141025	PPDH Toán ở Tiểu học	3	x		27	30	6
Học kỳ 5: 16 (13 TC bắt buộc, 03 TC tự chọn)								
1	198030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	x		21	18	
2	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x		21	18	
3	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	x		27	26	10
4	142025	PPDH Tiếng Việt ở Tiểu học	4	x		36	36	12
5	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	141040	Phương tiện KTDH và Ứng dụng CNTT trong dạy học Tiểu học	3		x	27	30	6

b	141065	Xác suất và thống kê toán	3		x	27	30	6
6	141010	Kiến tập sư phạm	2	x				60
Học kỳ 6: 16 (13TC bắt buộc, 03 TC tự chọn)								
1	143090	Mỹ thuật	3	x		21	30	12
2	147085	Âm nhạc	3	x		27	0	36
3	141030	Rèn kỹ năng giải toán tiểu học	3	x		27	30	6
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	145161	RLKN sử dụng Tiếng Việt	3		x	27	30	6
b	142101	Tiếng Việt thực hành	3		x	27	30	6
5	125008	PPDH Tự nhiên & Xã hội	4	x		36	30	18
Học kỳ 7: 17 (06 TC bắt buộc, 11 TC tự chọn)								
1	143030	PPDH Thể dục ở Tiểu học	2	x		15	9	21
2	143060	Đạo đức và PPDH đạo đức ở Tiểu học	2	x		18	24	
3	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	143026	PPDH Âm nhạc ở Tiểu học	3	x		27	0	36
b	147058	Âm nhạc nâng cao ở Tiểu học	3	x		27	0	36
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	143020	PPDH Mỹ thuật ở Tiểu học	2		x	18	18	6
b	143003	Mỹ thuật (kiến thức nâng cao)	2		x	18	18	6
5	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	141058	Một số Phương pháp sáng tác bài toán ở Tiểu học	2		x	18	18	6
b	141063	Lý thuyết đồng dư	2		x	18	18	6
6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	142020	Ngữ pháp chức năng	2		x	18	18	6
b	142010	Lý thuyết hội thoại	2		x	18	18	6
7	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	142044	Văn học 3	2		x	18	18	6
b	142035	Thi pháp văn học dân gian	2		x	18	18	6
8	198010	Quản lý HCNN & QLGD	2	x		18	24	
Học kỳ 8: 11 (05 TC bắt buộc, 06 TC tự chọn)								
1	141060	Thực tập tốt nghiệp	5	x				150

2	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế KLTN							
2.1	141087	Khóa luận tốt nghiệp	6					
2.1	Học phần thay thế KLTN		6					
a	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
	142059	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu Tiếng Việt ở Tiểu học	3		x	27	30	6
	142050	Kiến thức Tiếng Việt trong trường Tiểu học	3		x	27	30	6
b	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
	141014	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Toán ở Tiểu học	3		x	27	30	6
	141066	Rèn luyện tư duy cho học sinh trong dạy học Toán ở Tiểu học	3		x	27	30	6

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

5.1. Đội ngũ giảng viên:

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư	0	0	0
2	Phó giáo sư	1	0	1
3	Tiến sỹ	1	4	5
4	Thạc sỹ	4	10	14

5.2. Phòng học:

Nhà trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 253 người học.

Phòng học đa năng có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: Có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác; Phòng thực hành pháp luật gồm có: Bàn của hội đồng xét xử; Ghế của thành viên hội đồng xét xử; Bục khai báo; Bàn thư ký; Bàn kiểm sát viên; Bàn luật sư; Bàn của người tham gia tố tụng; Ghế tham dự phiên tòa... đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo; Thư viện và thư viện điện tử của Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo... cho các môn học chính.

5.3. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế

TT	Nội dung	Cơ quan/ Địa điểm
1	Thực hành/thực tế	- Các trường Tiểu học (Theo QĐ của Nhà trường)
2	Thực tập	- Các trường tiểu học (Theo QĐ của Nhà trường)

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần 1. Triết học Mác – Lênin / Marxist Philosophy

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)
- Mã học phần: 196055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.
- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
Tổng	32	26	0	0	0	135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2, CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2, CLO3	
	Trắc nghiệm/viết	Rubric 3 (Tính theo tỷ lệ số câu đúng/tổng số câu hoặc đánh giá mức độ nhận thức và liên hệ thực tiễn)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 4 (đánh giá khả năng tự nghiên cứu)	CLO1 CLO2, CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra viết	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra viết)	CLO1 CLO2, CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 (đánh giá bài thi trắc nghiệm)	CLO1 CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.

- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.

- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2021.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2006.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021

Học phần 2. Kinh tế chính trị Mác – Lenin / Political Economy

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

- CO3: Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	0	0	0	6
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0	0	18

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0	0	27
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0	0	13
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Tổng	21	18	0	0	0	0

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Thảo luận nhóm	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 3 (đánh giá khả năng tự nghiên cứu)	CLO1 CLO2, CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, (2021)

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2006.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.

Học phần 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học / Scientific Socialism

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)

- Mã học phần: 196065

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá đúng các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin

- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	4	0	0	0	9
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
Tổng	21	18	0	0	0	90

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	30%
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 (đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 (đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)	CLO1 CLO2 CLO3	

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
III. Thi kết thúc học phần				50%
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Bộ giáo dục & Đào tạo, (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ Giáo dục & Đào tạo, (2021), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

Học phần 4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam / History of communist party of Vietnam

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Nắm vững được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước thông qua Nghị quyết các Đại hội Đảng từ năm 1975 đến nay.

- CO2: Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử

- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).	6	6				25
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)	7	6				30
Tổng	21	18				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.

[2]. Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69). Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

Học phần 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh'S ideology

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

1. Mô tả học phần

Tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội

- CO2: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Xây dựng rèn luyện đạo đức, nhân cách. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh

- CLO2: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.

- CLO3: Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- CLO4: Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18

Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	4	4				24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2				12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO 1 CLO 2	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. *Hồ Chí Minh (2011), toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15)

[2]. Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.

Học phần 6. Pháp luật đại cương / General Law

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)

- Mã học phần: 197030

- Bộ môn quản lý học phần: Luật

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CO2: Người học vận dụng những kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CO3: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật; rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;

- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	6	6		0		30
Chương 2: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4	4		0		20
Chương 3: Luật Phòng, chống tham nhũng	2	3		0		10
Chương 4: Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình	2	5		0		10
Chương 5: Luật Hình sự	2	3		0		10
Chương 6: Luật Lao động	2	3		0		10
Tổng	18	24		0		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Viết	Rubric viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kì (01)				
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	20%
Thi cuối kì				
1	Trắc nghiệm	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân.

[2]. Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.

Học phần 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam / Basic of Vietnamese Culture

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 18TL: 6TH)
- Mã học phần: 121005
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa - xã hội.
- CO2: Người học nắm được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và cuộc sống.
- CO3: Người học có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại. Đồng thời người học có thái độ tôn trọng các giá trị khác biệt của các nền văn hóa khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO2: Nhận biết được những hiệu hiện, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.

- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.

- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	2	0	0	0	0
Nội dung 2 Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	2	0	0	0	10
Nội dung 3 Định vị văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	5
Nội dung 4 Tiến trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
Nội dung 5 Các vùng văn hoá Việt Nam	1	2	0	0	0	5
Nội dung 6 Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7 Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5
Nội dung 8 Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
Nội dung 9 Văn hoá tôn giáo	2	2	0	0	0	10
Nội dung 10 Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
Nội dung 11 Văn hoá giao tiếp và văn hoá nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Nội dung 12 Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
Nội dung 13 Tổng kết	1	2	0	0	0	0
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2	
4	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				
1	Tự luận	Rubic đánh giá kiểm tra giữa kỳ	CLO2	20%
Thi cuối kỳ				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Quốc Vượng (2008), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục

[2]. Đào Duy Anh (2021), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn học

Học phần 8. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo / Business startup and Innovation

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 36TL)

- Mã học phần: 154888

- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.

- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.

- CO3: Người học có thể tìm kiếm và đề xuất ý tưởng ĐMST từ đó tạo tiền đề để xây dựng các dự án khởi nghiệp ĐMST.

- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được bản chất của khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Phân tích và vận dụng được các kỹ thuật tư duy sáng tạo như (Mindmap, Scamper, động não, DOIT, đối tượng tiêu điểm...) trong tìm kiếm và xây dựng ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi cao.

- CLO3: Vận dụng kiến thức vào xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.

- CLO4: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng kế hoạch hoàn thiện năng lực.

- CLO5: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan tỏa tinh thần khởi nghiệp ĐMST đến mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	8		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	7		20

Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4		25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	9		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Tổng	27	36		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Day học theo dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số	
Kiểm tra thường xuyên (30%)					
1	Trắc nghiệm/viết	Đáp án	CLO1 CLO2	30%	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5		
Đánh giá giữa kỳ (20%)					
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc vấn đáp/trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5		20%
Thi cuối kỳ (50%)					
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%	
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ đk làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV</i>)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5		

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lê Hoàng Bá Huyền, Lê Thị Lan (2022), *Khởi nghiệp ĐMST – Lý thuyết & Thực tiễn*.

[2]. Nguyễn Ngọc Huyền (2018), – *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

Học phần 9. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Tiểu học / Research methods for Primary Education

- Số tín chỉ: **02 (18 LT, 24 TL, 0 TH)**
- Mã học phần: **141035**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán
- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học học phần Giáo dục học

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục. Các quan điểm trong NCKH nghiên cứu khoa học giáo dục; Hệ thống các phương pháp NCKH và cách thức vận dụng chúng trong quá trình NCKH; Logic tiến hành một SKKN, cấu trúc của công trình nghiên cứu sư phạm ứng dụng và logic tiến hành một đề tài NCKH gồm các giai đoạn: Xây dựng đề cương nghiên cứu gồm các bước lý do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, xác định khách thể và đối tượng nghiên cứu, xây dựng giả thuyết khoa học, xác định nhiệm vụ nghiên cứu, Giai đoạn thực hiện công trình nghiên cứu và giai đoạn đánh giá một công trình NCKH.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu rõ những kiến thức cơ bản về cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục; các quan điểm trong nghiên cứu KHGD, hệ thống các phương pháp nghiên cứu KHGD, logic tiến hành một đề tài NCKHGD, logic tiến hành một sáng kiến kinh nghiệm, các bước tiến hành đề tài nghiên cứu sư phạm ứng dụng.

- CO2: Người học hình thành được kỹ năng xây dựng đề cương nghiên cứu KHGD, kỹ năng viết sáng kiến kinh nghiệm, kỹ năng lựa chọn và thực hiện đề tài nghiên cứu sư phạm ứng dụng, kỹ năng lập kế hoạch nghiên cứu.

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tin tưởng vào đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; có thái độ nghiêm túc và cầu thị trong quá trình thực hiện công tác nghiên cứu khoa học tại nhà trường nơi mình công tác.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu rõ những kiến thức cơ bản về cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục; các quan điểm hệ thống cấu trúc, quan điểm lịch sử logic và quan điểm thực tiễn.

- CLO2: Nắm vững cách tiến hành một công trình NCKH cơ bản; nghiên cứu sư phạm ứng dụng và sang kiến kinh nghiệm.

- CLO3: Nắm vững các tiêu chí, phương pháp đánh giá một công trình NCKHGD, SKKN, Nghiên cứu SP ứng dụng.

- CLO4: Nhận dạng và phân biệt các quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong NCKHGD; Thực hiện và nhận xét, đánh giá một công trình NCKH cơ bản, công trình NCKH SP ứng dụng, SKKN.

- CLO5: Tự học, tự nghiên cứu tài liệu để phát hiện ra những vấn đề cấp thiết trong thực tiễn giáo dục và lựa chọn làm vấn đề nghiên cứu.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học	
	Giờ lên lớp (t)			TH		Khác
	LT	TL	BT			
<p>Chương 1: Cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục</p> <p>Khái niệm chung Hệ thống các quan điểm trong NCKHGD . Quan điểm hệ thống - cấu trúc . Quan điểm logic - lịch sử . Quan điểm thực tiễn</p>	2	0				
<p>Chương 2: Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục</p> <p>Khái niệm về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Các phương pháp nghiên cứu tổng quát Các phương pháp nghiên cứu cụ thể Phương pháp nghiên cứu quá trình dạy học Phương pháp nghiên cứu quá trình giáo dục Phương pháp nghiên cứu quản lí giáo dục</p>	8	8				
<p>Chương 3: Các hình thức nghiên cứu trong khoa học giáo dục</p> <p>Đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục Vaitrò Cấu trúc của đề tài khoa học giáo dục Thực hành xây dựng đề tài khoa học giáo dục</p> <p>Nghiên cứu sư phạm ứng dụng Vai trò</p>	6	12				

Cấu trúc của công trình nghiên cứu sư phạm ứng dụng Thực hành xây dựng công trình nghiên cứu sư phạm ứng dụng Sáng kiến kinh nghiệm Vai trò Cấu trúc của một sáng kiến kinh nghiệm Thực hành						
Chương 4: Đánh giá một công trình NCKHGD Hiệu quả nghiên cứu Hiệu quả khoa học Hiệu quả xã hội Hiệu quả kinh tế Phương pháp đánh giá Thông qua hội đồng nghiệm thu Ứng dụng, vận dụng kết quả thử nghiệm trong thực tiễn	4	0				

5. **Phương pháp dạy học:** Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. **Phương pháp kiểm tra, đánh giá**

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5-7	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-7	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-7	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kỳ	CLO1-6	20%
III	Thi cuối kỳ			
5	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1-7	50%

7. **Yêu cầu đối với sinh viên**

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Phạm Việt Vượng (2004), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, NXB đại học Quốc Gia.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ giáo dục và đào tạo, Dự án Việt Bỉ, *Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng*.

[2]. Phó Đức Hòa (2021), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học*, NXB ĐHSP.

Học phần 10. Âm nhạc / Music

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 36 BT,TH)
- Mã học phần: 147085
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Âm nhạc
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Cung cấp các kiến thức cơ bản về Lý thuyết Âm nhạc cơ bản; các kỹ năng cơ bản về Ký, xướng âm các giọng Đô trưởng, Son trưởng, Pha trưởng, Lathứ; kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản trên cây đàn Organ điện tử.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị hệ thống các kiến thức, các khái niệm về Lý thuyết âm nhạc cơ bản.
- CO2: Người học được trang bị kiến thức và kỹ năng thực hành Ký, xướng âm ở các giọng Đô trưởng, Pha trưởng, Son trưởng và La thứ.
- CO3: Người học được trang bị những kiến thức và kỹ năng thực hành trên cây đàn Organ điện tử.
- CO4: Người học vận dụng được các kiến thức đã học vào các học phần tiếp theo và vào thực tiễn dạy học âm nhạc ở các trường Tiểu học phổ thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có thể trình bày và giải thích được các khái niệm cơ bản về âm nhạc.
- CLO2: Người học phân tích, vận dụng được các kiến thức trong học phần vào thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc ở các trường Tiểu học phổ thông.
- CLO3: Người học có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề về khoa học có liên quan đến học phần.
- CLO4: Người học có khả năng phân tích, tổng hợp, khái quát hóa các kiến thức cơ bản về âm nhạc, từ đó vận dụng có hiệu quả trong thực tiễn.
- CLO5: Người học có khả năng tự đánh giá được năng lực của bản thân, từ đó làm cơ sở cho việc rèn luyện tư duy, lựa chọn các phương pháp học tập phù hợp với điều kiện của bản thân.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 : Lý thuyết Âm nhạc cơ bản Chương 1: Độ cao của âm thanh Chương 2 : Độ dài của âm thanh Chương 3: Quãng Chương 4: Điệu thức - Giọng - Cách xác định giọng	18	0	0	3	0	35
Nội dung 2: Ký, xướng âm Chương 1:Ký, xướng âm giọng Đô trưởng Chương 2: Ký, xướng âm giọng Son trưởng Chương 3: Ký, xướng âm giọng Pha trưởng Chương 4: Ký, xướng âm giọng La thứ	4	0	0	16	0	47
Nội dung 3: Phương pháp học đàn phím điện tử (Organ điện tử) Chương 1: Phương pháp luyện kỹ thuật cơ bản giọng Đô trưởng Chương 2: Phương pháp luyện kỹ thuật cơ bản giọng Pha trưởng Chương 3: Phương pháp luyện kỹ thuật cơ bản giọng Son trưởng Chương 4: Phương pháp luyện kỹ thuật cơ bản giọng La thứ	5	0	0	18	0	53
Tổng	27	0	0	36	0	135

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, trình bày thực hành xướng âm, trình bày thực hành nhạc cụ về việc sử dụng và soạn đệm trên đàn Organ điện tử.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC + 01)			
1	Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm /Thảo luận nhóm	CLO1	30%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đáp án, thang điểm	CLO1,CLO2, CLO3,CLO4	
3	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3,CLO4	

4	Chuyên cần	Rubric đánh giá mức độ chuyên cần	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Vấn đáp – Thực hành	Đáp án, thang điểm Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,CLO3, CLO4	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			
	Vấn đáp – Thực hành	Đáp án, thang điểm	CLO1, CLO3, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập thực hành và thảo luận nhóm.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. PGS. TS Phạm Tú Hương (2007), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trịnh Hoài Thu (2011), *Phương pháp dạy học kỹ xưởng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc phổ thông*, Nxb âm nhạc.

[2]. Cù Minh Nhật (2007), *ORGAN thực hành cho Thiếu nhi*, Nxb Âm nhạc.

Học phần 11. Mỹ thuật / Art

- Số tín chỉ: **03 (LT: 27; BT: 30; TH: 06)**

- Mã học phần: 143090

- Bộ môn quản lý học phần: Mỹ thuật

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Khái quát vài nét về nghệ thuật tạo hình, Vẽ theo mẫu, Màu sắc, Trang trí hình cơ bản, Vẽ tranh theo đề tài, Nặn tạo dáng tự do, Xé dán tranh tĩnh vật, Chữ mỹ thuật và ứng dụng trong trang trí, Kỹ thuật tạo hình bằng chất liệu tổng hợp. Vận dụng các kiến thức tổng quan bằng các kỹ thuật tạo hình để tạo ra các tác phẩm có giá trị nghệ thuật để phục vụ cho công tác đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục hiện nay.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững kiến thức lý luận chung về nghệ thuật tạo hình, vẽ tranh đề tài, vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, nặn tạo dáng, chữ mỹ thuật, vẽ tranh từ chất liệu tổng hợp.

- CO2: Rèn luyện cho người học các kỹ năng pha màu, tô màu, vẽ trang trí các hình cơ bản, vẽ tranh đề tài theo chủ đề, xé dán tranh tĩnh vật, nặn tạo dáng con vật, đồ vật, kẻ chữ, cắt chữ, làm tranh từ các vật liệu thiên nhiên, vật liệu tái chế và phát triển năng lực thẩm mỹ, nhận thức thẩm mỹ, xây dựng sản phẩm tạo hình và biết phân tích cảm thụ tác phẩm tạo hình.

- CO3: Người học có đủ năng lực tự học, tự nghiên cứu tài liệu liên quan đến học phần để đáp ứng quá trình học tập và công tác sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học **nhớ** được kiến thức lý luận cơ bản về các loại hình nghệ thuật, luật xa gần – giải phẫu tạo hình, vẽ theo mẫu, màu sắc, vẽ trang trí, tranh đề tài, nặn tạo dáng, xé dán giấy, cắt dán chữ và làm tranh bố cục từ chất liệu tổng hợp.

- CLO2: Người học **hiểu** được các phương pháp thể hiện bài vẽ theo mẫu khối đơn và mẫu ghép, vẽ trang trí các hình cơ bản, vẽ tranh đề tài, phương pháp nặn tạo dáng, cắt dán chữ, xé dán giấy và tranh bố cục chất liệu tổng hợp.

- CLO3: Người học thực hiện **thành thạo** các kỹ năng pha màu, tô màu, vẽ hình, tạo đậm nhạt bằng chì, xé dán giấy, kỹ năng nặn, và xây dựng bố cục tranh để ra tác phẩm tạo hình.

- CLO4: Người học có khả năng **phối hợp** khéo léo linh hoạt các kỹ năng, kỹ thuật để sáng tạo được nhiều sản phẩm đẹp và đa dạng.

- CLO5: Người học có khả năng **sáng tạo** ra nhiều tác phẩm tạo hình đẹp về hình thức, phong phú về nội dung chủ đề. Biết phân tích nhận xét đánh giá chất lượng, vẻ đẹp của sản phẩm tạo hình.

- CLO6: Người học đủ năng lực **đáp ứng** các nội dung trong học phần, từ đó học tập, nghiên cứu, rèn luyện kỹ năng, kỹ thuật tạo hình và nâng cao nhận thức thẩm mỹ để đáp ứng được quá trình học tập và công tác sau này.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái quát chung về nghệ thuật tạo hình 1. Các loại hình nghệ thuật 2. Ngôn ngữ của nghệ thuật tạo hình 3. Vai trò của nghệ thuật tạo hình trong sự phát triển xã hội và giáo dục con người	2					6
Chương 2: Vẽ theo mẫu 1. Khái niệm vẽ theo mẫu 2. Đồ dùng và cách sử dụng 3. Ngôn ngữ của vẽ theo mẫu 4. Giới thiệu khái quát định luật xa gần và giải phẫu tạo hình 5. Phương pháp tiến hành bài vẽ theo mẫu	3		4	2		18
Chương 3: Màu sắc 1. Khái niệm về màu sắc	2		3	2		13,5

2. Phân loại màu sắc trong hội hoạ 3. Cách pha màu và sử dụng màu sắc						
Chương 4: Trang trí hình cơ bản 1. Khái niệm 2. Một số loại hình trang trí 3. Các nguyên tắc trang trí 4. Phương pháp tiến hành làm một bài trang trí	3		6	2		21
Chương 5: Vẽ tranh theo đề tài 1. Khái niệm tranh theo đề tài 2. Một số hình thức bố cục tranh 3. Phương pháp xây dựng một bức tranh	2		6	2		21
Chương 6: Nặn tạo dáng tự do 1. Đặc điểm của nghệ thuật điêu khắc 2. Nguyên liệu và dụng cụ nặn 3. Những kỹ năng cơ bản của nặn 4. Phương pháp nặn	2		4			12
Chương 7: Xé dán tranh tĩnh vật 1. Khái niệm tranh tĩnh vật 2. Các thể loại tranh tĩnh vật 3. Phương pháp xé dán tranh tĩnh vật	2		6	2		18
Chương 8: Chữ mỹ thuật và ứng dụng trong trang trí 1. Các kiểu chữ cơ bản. 2. Cách bố cục chữ. 3. Cách kẻ, gập, cắt chữ 4. Ứng dụng chữ Mỹ thuật trong trang trí.	2		4	2		15
Chương 9: Kỹ thuật tạo hình bằng chất liệu tổng hợp 1. Giới thiệu một số vật liệu tạo hình 2. Một số kỹ thuật tạo hình 3. Phương pháp tạo hình	2		3			10,5
Tổng	21		36	12		135

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, phương pháp quan sát, phương pháp trực quan; phương pháp thực hành, vấn đáp, thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Thảo luận nhóm	Rubric 2		30%
2	Bài tập nhóm	Rubric 4		
3	Bài tập thực hành cá nhân	Rubric 3		
4	Bài tập thực hành cá nhân	Rubric 3		
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Bài tập thực hành cá nhân	Rubric 3		20%
Thi cuối kỳ				
1	Thực hành	Rubric 5		50%
2	Bài tập lớn/ Tiểu luận (Thay thế bài thi cuối kỳ)	Rubric 6		50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên: Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả học phần:

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu [1].
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận).
- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Điều kiện thực hiện tiểu luận/ làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần: Đến thời điểm lập danh sách, sinh viên có 1 điểm kiểm tra thường xuyên từ 8,0 và điểm kiểm tra giữa kỳ đạt 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Ngô Bá Công (2008), *Giáo trình Mĩ thuật cơ bản*, Nxb Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Tạ Phương Thảo (2004), *Giáo trình trang trí*, Nxb Đại học Sư phạm.

[2]. Đàm Luyện (2007), *Giáo trình bố cục*, Nxb Đại học Sư phạm.

Học phần 12. Tiếng Anh 1 / English 1

- Số tín chỉ: 4 (36LT, 24BT, 24TH)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2(bậc 2/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở trình độ A2, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Test đầu vào (Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1). 1.2. IPA: phonemic chart - vowels, consonants, monothongs, diphthongs	10	3	3	4	2	52

<p>1.3. Verb “to be”, Possesive Pronounce, Relexive Pronounce, Lesson 1A, 1B.</p> <p>1.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Writing, p.p. 15-17)</p> <p>1.5. Possesive Adjective</p> <ul style="list-style-type: none"> - Article - Lesson 1C, 4A, 2A <p>1.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Listening, p.p. 18-24)</p> <p>1.7. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Adjective and Adverb - Verb - Lesson 2B, 2C 						
<p>Nội dung 2:</p> <p>2.1. Simple Present</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lesson 3A, B, C <p>2.2. Write a paragraph in about 120 words to describe a famous person</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Reading, p.p.26-34) <p>2.3. Preposition</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lesson 4B, 4C <p>2.4. Possesive Adjective</p> <ul style="list-style-type: none"> - Article - Lesson 1C, 4A, 2A <p>2.5. Kiểm tra giữa kỳ</p> <p>Lesson 5A, 6B, 6C</p> <p>2.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Listening, p.p.38-44)</p>	11	3	3	5	1	52
<p>Nội dung 3:</p> <p>3.1. Simple Past</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lesson 7A, 7B, 7C <p>3.2. Workbook Unit 7A,B,C</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Reading, p.p.46-54) <p>3.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Past Continuous - Past Simple & Past Continuous - Lesson 8C <p>3.4. Workbook Lesson 8C</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cambridge Preliminary English Test 	11	3	3		1	52

2. (Test 3, Writing, p.p.55-57) 3.5. Noun - Lesson 8B, 9A, 9B 3.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Listening, p.p.58-64) - Make a video on topic given by teacher. 3.7. Comparison of Adjective and Adverb.				5		
Nội dung 4: 4.1. Future Expression with “be going to”, Future Structures - Simple Present - Lesson 10B, 10C 4.2. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Writing, p.p.75-77) 4.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 4 4.4. Present Perfect - Lesson 12A, B 4.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Listening and speaking p.p.78-85)	4	3	3	4	2	24

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	
III	Thi cuối kì			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2012, *English File–Elementary 3rd edition*, Oxford University Press.

[2]. Nguyễn Thị Quyết, (2018), *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*, Nxb. Thanh Hoá.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Raymond Murphy, (2013), *English Grammar in use. 130 bài ngữ pháp tiếng anh*, Nxb. Thời đại.

[2]. Cambridge ESOL, (2011), *Cambridge Preliminary English Test 2*, Cambridge University Press.

Học phần 13. Tiếng Anh 2 / English 2

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133032
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa đầu trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc

để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Present perfect vs. past simple tense Present perfect continuous Present perfect continuous or present perfect simple Past perfect Past perfect continuous Future perfect and future perfect continuous 1.2. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to Conditional sentences type 1 and 2 Conditional sentences type 3 Review 1/Subjunctive/Passive 1.3. Bài kiểm tra điều kiện 1 1.4. Reported speech -ing and the infinitive Be/get used to something (I'm used to...) Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something Defining relative clauses Non-defining relative clauses	7	2	2	3	1	33
Nội dung 2: 2.1. Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/though/even though, In spite of / despite, Even; - Review 2; - Unit 1 A, B 2.2. Unit 1C; 2 A, B 2.3. Kiểm tra giữa kỳ	7	2	2	4	1	33

<ul style="list-style-type: none"> - Unit 2C - Revise & Check 1&2 - Unit 3 A 2.4. Make a discussion in a group on the contents of lessons. - Do the exercises on the textbook - Do exercises on Unit 2C, 3A 						
<p>Nội dung 3:</p> <p>3.1. Unit 3B, C</p> <ul style="list-style-type: none"> - Exercises in the textbook Unit3B - Exercises in the textbook Unit 3C - Exercises in workbook Unit 3B, 3C <p>3.2. Unit 4A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Exercises in Unit 4B, C - Talk about your shopping habit <p>3.3. Bài kiểm tra thường xuyên 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Unit 4C; - Revise and check 3&4, <p>3.4. Exercises in HLBB1 Unit 4C, Revise and check 3&4</p>	7	3	2	4	1	33
<p>Nội dung 4:</p> <p>4.1. Unit 5A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Exercises in Unit 5A, B, C <p>4.2. Exercises in workbook Unit 5A, B Unit 5C, 6A</p> <p>4.3. Consult Unit 5C, 6 A,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Exercises in workbook Unit 5C, 6 A. <p>4.4. Unit 6B, C</p> <p>4.5. Listen to “Spotlight English News” and summarize the main content.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Write a composition on the given topic <p>Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3</p> <p>4.6. Revise and check 5&6;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Exercises in workbook Revise and check 5&6 	6	2	3	2	2	36

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	

II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình chính:

[1].Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, 2012. *English File–Preintermediate 3rd edition*.Oxford University Press.(Ký hiệu HLBB1).

[2]. Nguyễn Thị Quyết, 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2).

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Raymond Murphy (2013),*English Grammar In Use*, NXB Thời đại (HLTK1).

[2]. Cambridge ESOL (2011). *Cambridge Preliminary English Test 3*, Cambridge University Press.(HLTK2).

[3]. Cambridge ESOL (2014). *Cambridge Preliminary English Test 4*, Cambridge University Press.(HLTK3).

Học phần 14. Tiếng Anh 3 / English 3

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa cuối trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhấn trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Course Introduction - Course Orientation Bài 7A (1) & Bài 1.2 (2) - Grammar: Infinitive with “to” 1.2. Bài tập luyện 2.1 (2): 1.3. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test. Bài 7B (1) & Bài 1.1 (2) 1.4. Group discussion: giving opinion to a person using adjective describing people. 1.5. 7C (1) & Bài 8.1. (2) 1.6. Progress test 1: Multiple choice test 1.7. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test.	7	2	2	3	1	44

Nội dung 2: 2.1. Unit 8B (1) & 9.2 (2) Topics: Environment 2.2. Share their idea about the things can do to help the environment 2.3. Bài 9A & Bài 10.1 Topic: What would you do if... 2.4. Give a report to the class about giving advice 2.5. Mid-term Test 2.6. Unit 9C (1) & 2 7.2 (2) Topics: Leisure 2.5. Apply grammar theory to do different exercises.	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Bài 10B (1)& Bài 3.1 (2) Topic: famous people 3.2. Bài 10C (1)& Bài 10.2 (2) Topics: Music and festival 3.3. Progress test 2 – Writing test 3.4. Bài 11A (1)& 7.1 (2) Topic: Bad losers	7	3	2	4	1	33
Nội dung 4: 4.1. Bài 11B (1) & Bài 4.1 (2) Topics: Morning person 4.2. Bài 12A (1)& Bài 12.1 (2) Topic: News around the world 4.3. Bài 12B (1)& Bài 12.2 (2) Topic: Gossips 4.4. Progress Test 3 – speaking test	6	2	3	2	2	25

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	

II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, 2012. *English File–Pre-intermediate 3rd edition*. Oxford University Press.

[2]. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press

[2]. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press

Học phần 15. Công nghệ số / Digital Technology

- Số tín chỉ: 3 (20LT, 0, 50TH)
- Mã học phần: 172555
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
- CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;
- CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;
- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2) 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số	3	0	0	2		12
Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3) 2.1. Mạng máy tính 2.2. Internet và Internet of Things 2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. An toàn, an ninh mạng	2	0	0	3		10
Chương 3: Chuyển đổi số (5, 0, 0) 3.1. Giới thiệu 3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư 3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp 3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước 3.5. Chuyển đổi số trong xã hội	5	0	0	0		15
Chương 4. Giáo dục công dân số (3, 0, 0) 4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số 4.2. Kỹ năng công dân số 4.3. Giáo dục công dân số	3	0	0	0		9
Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số (4, 0, 35) 5.1. Soạn thảo văn bản 5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính 5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính	4	0	0	35		65
Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số (3, 0, 10) 6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu 6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến 6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến	3	0	0	10		24

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%
2	Kỹ thuật trình chiếu - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	Thực hành bảng tính - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
4	Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form,...) - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút + <i>Phần thực hành</i> : thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Minh Quý, 2013, *Microsoft Office 2007*, NXB Hồng Đức.

[2]. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.

Học phần 16. Toán cao cấp / Advanced Mathematics

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TL, BT)
- Mã học phần: 143011
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán.
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần gồm 5 chương: Cung cấp cho người học các kiến thức về: Tập hợp, quan hệ, ánh xạ và giải tích tổ hợp; các vấn đề về cơ sở của logic Toán như logic mệnh đề, logic vị từ, các phép suy luận và chứng minh; các kiến thức về cấu trúc đại số: Nửa nhóm, Nhóm, Vành, Trường, Vành đa thức một ẩn. Từ đó giúp người học vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập liên quan và có thể liên hệ được các kiến thức của Toán cao cấp với môn Toán ở trường Phổ thông nói chung, toán Tiểu học nói riêng.

2. Mục tiêu học phần

- C01: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở, đại cương về Toán cao cấp, làm điều kiện tiên quyết để người học có đủ kiến thức để tiếp thu những môn Toán cơ sở khác cũng như các học phần Toán thuộc kiến thức chuyên ngành Tiểu học.
- C02: Hình thành và phát triển năng lực phân tích, phát triển tư duy tổng hợp cho người học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học trường Tiểu học.
- C03: Giúp người học biết lựa chọn, vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học và hình thức dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học sẽ đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nắm vững các kiến thức về Tập hợp, quan hệ, ánh xạ, giải tích tổ hợp, logic mệnh đề, hàm mệnh đề, cấu trúc đại số.
- CLO2: Vận dụng các kiến thức về Tập hợp, quan hệ, ánh xạ, giải tích tổ hợp, logic mệnh đề, hàm mệnh đề để: Xác định một tập hợp; ảnh và tạo ảnh của một tập hợp; Tìm lớp tương đương, tập thương; Xác định một quan hệ là (hoặc không phải) quan hệ tương đương, quan hệ

thứ tự; Chứng minh một ánh xạ là (hoặc không phải) ánh xạ đặc biệt; Giải các bài toán liên quan đến giải tích tổ hợp; Chứng minh quy tắc suy luận, luật...

- CLO3: Vận dụng các kiến thức về cấu trúc đại số để: Chứng minh nửa nhóm, vị nhóm, nhóm, vành, trường; Phân tích được đa thức thành tích các nhân tử bất khả quy; Tìm được nghiệm hữu tỉ của đa thức, ...

- CLO4: Liên hệ được các kiến thức của Toán cao cấp với các kiến thức của môn Toán ở Tiểu học. Từ đó có khả năng vận dụng được các kiến thức về Toán cao cấp trong việc định hướng một số vấn đề về dạy học môn Toán ở Tiểu học.

- CLO5: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, có ý thức tự bồi dưỡng, trau dồi kiến thức về môn Toán nói chung, Toán cao cấp nói riêng.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức DH						
	LT	TL	Nhóm	BT	HDTH	TH	KTĐG
Chương 1: Những cơ sở của lý thuyết tập hợp	7	30'	1	7	20'	35	0
Chương 2: Những cơ sở của Logic Toán	5	20'	1	6	20'	25	1
Chương 3: Nhóm	6	20'	1	6	20'	35	0
Chương 4: Vành và trường	4			3	20'	15	0
Chương 5: Vành đa thức	5	30'	1	4	20'	25	1
Tổng	27	2	4	26	2	135	2

5. Hình thức, phương pháp dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, vấn đáp gợi mở, nêu và giải quyết vấn đề...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC + 01)			
1	Bài tập nhóm/ Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm / Thảo luận nhóm.	CLO1,CLO2 CLO3.	30%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đáp án, thang điểm.	CLO1,CLO2 CLO3.	
3	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,CLO2 CLO3, CLO5.	
	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần.	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết tự luận	Đáp án, thang điểm.	CLO1, CLO2.	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Viết tự luận	Đáp án, thang điểm.	CLO1- CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Trần Diên Hiền - Nguyễn Văn Ngọc (1997), *Giáo trình Toán cao cấp 1*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Tiến Quang, Phạm Thị [1]. Trần Diên Hiền (2007), *Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán*, NXB Giáo dục.

[2]. Nguyễn Văn Ngọc (1994), *Nhập môn lý thuyết, tập hợp và logic Toán*, Trường ĐHSP Hà Nội 1.

[3]. Hoàng Xuân Sính (1994), *Đại số đại cương*, NXB Giáo dục.

Học phần 17. Môi trường và con người / Environment and Human

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 24BT, TH)
- Mã số học phần: 118011
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò, mối quan hệ của môi trường đối với con người; các vấn đề sinh thái, phát triển bền vững; các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.
- CO2: Người học được trang bị các kỹ năng để nhận diện các vấn đề về môi trường, các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động cũng như việc xử lý các vấn đề nói trên trong thực tiễn.
- CO3: Người học có ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự chịu trách nhiệm trong ứng xử với môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- CLO2: Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động.

- CLO3: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.

- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn

- CLO5: Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động.

- CLO6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường và khoa học môi trường 1.1. Khái niệm, phân loại môi trường 1.1.1. Khái niệm về môi trường 1.1.2. Phân loại môi trường 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường 1.2.1. Đối tượng 1.2.2. Nhiệm vụ 1.3. Chức năng của môi trường 1.3.1. Chức năng cung cấp không gian sinh sống cho con người và sinh vật 1.3.2. Chức năng chứa đựng và cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên 1.3.3. Chức năng chứa đựng và tự làm sạch các phế thải của con người và sinh vật 1.3.4. Chức năng lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin</p>	2	3				15
<p>Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học trong khoa học môi trường 2.1. Nhân tố sinh thái. 2.1.1. Khái niệm chung. 2.1.2. Các định luật có liên quan. 2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái. 2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật. 2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật. 2.3. Quần thể và quần xã sinh vật. 2.3.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể.</p>	3	4				15

<p>2.3.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã.</p> <p>2.4. Hệ sinh thái.</p> <p>2.4.1. Định nghĩa và cấu trúc của hệ sinh thái.</p> <p>2.4.2. Đặc trưng của hệ sinh thái.</p> <p>2.5. Hệ sinh thái và con người.</p> <p>2.5.1. Vị trí của con người trong hệ sinh thái.</p> <p>2.5.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người.</p> <p>2.5.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.</p>						
<p>Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên</p> <p>3.1. Dân số</p> <p>3.1.1. Một số chỉ số cơ bản của dân số</p> <p>3.1.2. Gia tăng dân số trên thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số - Tình hình gia tăng dân số giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển - Dự báo phát triển dân số trên thế giới <p>3.1.3. Gia tăng dân số của Việt Nam</p> <p>3.1.4. Hậu quả của gia tăng dân số nhanh</p> <p>3.2. Một số vấn đề chung về tài nguyên thiên nhiên</p> <p>3.2.1. Khái niệm TNTN</p> <p>3.2.2. Phân loại TNTN</p> <p>3.2.3. Vai trò của TNTN</p> <p>3.2.4. Một số vấn đề về sử dụng TNTN</p> <p>3.3. Một số loại TNTN</p>	4	6				15
<p>Chương 4. Ô nhiễm môi trường</p> <p>4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường</p> <p>4.2. Ô nhiễm môi trường nước</p> <p>4.2.1. Khái niệm</p> <p>4.2.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước</p> <p>4.2.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới</p> <p>4.2.4. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục</p> <p>4.3. Ô nhiễm môi trường không khí</p> <p>4.3.1. Khái niệm</p>	3	4				15

<p>4.3.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí</p> <p>4.3.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí</p> <p>4.3.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường không khí và giải pháp khắc phục</p> <p>4.4. Ô nhiễm môi trường đất</p> <p>4.4.1. Khái niệm</p> <p>4.4.2. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất</p> <p>4.4.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường đất</p> <p>4.4.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục</p> <p>4.5. Các ô nhiễm khác</p>					
<p>Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững</p> <p>5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu</p> <p>5.1.1. Lắng đọng axit</p> <p>5.1.2. Hiệu ứng nhà kính</p> <p>5.1.3. Suy thoái tầng ôzôn</p> <p>5.2. Các công cụ quản lý môi trường</p> <p>5.2.1. Công cụ pháp lý</p> <p>5.2.2. Công cụ kinh tế</p> <p>5.2.3. Công cụ kỹ thuật</p> <p>5.3. Phát triển bền vững</p> <p>5.3.1. Khái niệm và yêu cầu của PTBV</p> <p>5.3.2. Nguyên tắc của PTBV</p> <p>5.3.3. Nội dung của PTBV</p> <p>5.3.4. Chiến lược phát triển bền vững của Việt nam</p>	3	4			15
<p>Chương 6: Vệ sinh, an toàn lao động</p> <p>6.1. Một số vấn đề chung về vệ sinh và an toàn lao động</p> <p>6.2. Chính sách, pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động;</p> <p>6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động ở cơ sở;</p> <p>6.4. Các yếu tố nguy hiểm, có hại đời sống, sản xuất và biện pháp khắc phục, phòng ngừa.</p>	3	3			15
Tổng	18	24			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực như: Vấn đáp; dạy học theo dự án; thảo luận nhóm; tự học, tự nghiên cứu ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm	Rubric viết	CLO1,2,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần (tinh thần thái độ học tập, xây dựng bài, ý thức xây dựng phong trào học tập của lớp...)	CLO1,2,3,4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm (Kết quả bài thảo luận, sự hợp tác nhóm, khả năng làm việc nhóm...)	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì				
1	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm trên máy	CLO1,2,3,4,5,6	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có đủ 03 bài điểm, 01 bài điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Học liệu

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb GDHN

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GD.

[2]. *Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14)*.

Giáo dục thể chất 1/ Physical education 1

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất và hiểu được nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.

- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác bài thể dục phát triển chung 9 động tác và thực hiện tốt kỹ thuật động tác môn đá cầu vào trong quá trình tập luyện

- CO4: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của bài TD tay không và môn Đá cầu rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu

- CLO3: Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: (LT) - Giáo dục thể chất trong các trường đại học - Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và một số điều luật cơ bản.	2					6
Nội dung 2: II. (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác: - Động tác: Tay - Động tác: Lườn - Động tác: Vặn mình			2			6
Nội dung 3: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. - Động tác: Bụng - Động tác: Lưng - Động tác: Chân			2			6
Nội dung 4: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. - Động tác: Toàn thân - Động tác: Thăng bằng - Động tác: bật nhảy			2			6
Nội dung 5: (TH) Ôn Tập phối hợp bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).			2			6
Nội dung 6: (TH) Ôn tập và kiểm tra bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).			2			6

Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn đá cầu - Học các động tác khởi động hỗ trợ chuyên môn. - Học kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân)			2			6
Nội dung 8: (TH) - Ôn tập kỹ thuật tâng cầu. kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân).			2			6
Nội dung 9: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng đùi và chuyền cầu bằng mu bàn chân bên thuận và không thuận.			2			6
Nội dung 10: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng ngực và chuyền cầu bằng mu bàn chân.			2			6
Nội dung 11: (TH) - Học kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.			2			6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện			2			6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6
Tổng	2		28			90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,...*).

T	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubic 1)	CLO.3.4	
3	Thực hành	Kỹ thuật tăng cầu (Rubric1)	CLO. 5.6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubric 2)	CLO.4.5.6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật tăng cầu nhiều điểm trạm - Kỹ thuật phát cầu thấp chân bằng mu chính diện (Rubric 3)	CLO.2.3.4.5.6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

- [1]. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học. Nxb TĐTT, Hà Nội
- [2]. Nguyễn Xuân Sinh (2009), Thể dục, Nxb TĐTT, Hà Nội.
- [3]. Đặng Ngọc Quang (2003), Giáo trình Đá cầu , NXB ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. ỦY BAN TĐTT (2003), Luật Đá cầu, NXB TĐTT.

Giáo dục thể chất 2/ Physical edycation

Chọn 1 trong 5 học phần:

a. Bóng chuyền

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191031
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cao tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tur thể chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng, Biết kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lầy đà ở vị trí số 4, kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng, có thể tham thi đấu phong trào môn bóng chuyền.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TĐTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1. Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; Các kỹ thuật bóng chuyền, luật thi đấu và trọng tài bóng chuyền; Tư thế chuẩn bị và di chuyển			2			6
Nội dung 2. Tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt; Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng)..			2			6
Nội dung 3. - Ôn tập tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt. - Học kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 4. Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 5. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Học kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 6. Ôn tập kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 7. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 8. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 9. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt.			2			6

Nội dung 10. - Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4.			2			6
Nội dung 11. - Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chắn bóng cá nhân.			2			6
Nội dung 12. Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 13. Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 14. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 15. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển(Rubric 1)	CLO.3,4,5	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt đối với nam và thấp tay trước mặt đối với nữ (Rubric 1)	CLO.4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng (Rubric 2)	CLO.5,6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Chuyên bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. (Rubric 3)	CLO.1,2,3,4, 5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Việt Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóngchuyên*, NXB ĐHSP

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Ủy ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyên - Bóng chuyên bãi biển*, NXB, TDTT.

[2]. Đinh Văn Lãm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyên*, NXB TDTT, Hà Nội.

b. Bóng đá

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191033
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài);

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng đá.
- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng, ném biên.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ.
- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyên; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá.
- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyền bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện.
- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TĐTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: (LT) Lịch sử phát triển của Bóng đá, tính năng tác dụng. Luật bóng đá, Giới thiệu các Kỹ thuật trong môn bóng đá			2			6
Nội dung 2: (TH) Bài tập khởi động Học một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tăng bóng.			2			6
Nội dung 3: (TH) Luyện tập một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tăng bóng. KT đá bóng bằng mu trong bàn chân.			2			6
Nội dung 4: (TH) Luyện tập đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. <i>Kiểm tra bài số 1</i>			2			6
Nội dung 5: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân.			2			6
Nội dung 6: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân			2			6
Nội dung 7: (TH) Học kỹ thuật ném biên, Giới thiệu kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân. <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>			2			6
Nội dung 8: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Giới thiệu KT đá bóng bằng mu chính diện.			2			6
Nội dung 9: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên			2			6
Nội dung 10: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên.			2			6
Nội dung 11: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong			2			6

bàn chân, kỹ thuật ném biên Giới thiệu kỹ thuật đánh đầu. <i>Kiểm tra bài số 2</i>						
Nội dung 12: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng sút cầu môn			2			6
Nội dung 13: (TH) Luyện tập ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng đánh đầu vào cầu môn. Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. <i>Kiểm tra bài số 3</i>			2			6
Nội dung 14: (TH) Giới thiệu bài tập phối hợp 2 đánh 1 sút cầu môn. Giới thiệu bài tập đá phạt hàng rào. Giới thiệu bài tập thi đấu và trọng tài.			2			6
Nội dung 15: (TH) Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. Kiểm tra bổ sung, kết thúc nội dung học tập.			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết); Phương pháp phân tích và thị phạm động tác (Phương pháp trực quan); Phương pháp trò chơi vận động; Giảng dạy phân chia – hợp nhất; Giảng dạy tập luyện nguyên vẹn động tác; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp, thực hành động tác; Phương pháp thi đấu, trọng tài; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR quan	liên	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Đánh giá nhanh trên lớp (Rubric 1)	CLO.1.2		30%
2	Thực hành	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào ô 2x2m (Nam 12m, Nữ 10m) (Rubric 1)	CLO.3.4.		
3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m(Rubric1)	CLO. 5.6.		
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)				

	Thực hành	Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 15m, Nữ 12m) (Rubric 2)	CLO. 4.5.6.	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Ném biên trong hành lang 3m - Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 20m, Nữ 16m50) (Rubric 3)	CLO.1.2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Ủy ban TDTT, Luật Bóng đá sân 5,11 người, Nxb TDTT.

[2]. TS. Phạm Quang, Giáo trình Bóng đá, Nxb TDTT, Hà Nội 2007

c. Bóng rổ

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần:191034
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tur thể chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ , phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ.

- CO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận môn bóng rổ, thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và có kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CO3: Có năng lực , kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa , tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.

- CO4: Vận dụng các kiến thức lý luận, kỹ thuật bóng rổ vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng trước mặt, cao tay trước mặt.

- CLO 2: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ.

- CLO 3: : Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Vị trí, tác dụng tập luyện - Lịch sử phát triển môn bóng rổ. - Luật thi đấu bóng rổ: - Giới thiệu kỹ thuật môn học			2			6
Nội dung 2: (TH) - Luật dẫn bóng - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ			2			6

+ Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh						
Nội dung 3: (TH) Ôn tập : - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh Kiểm tra bài 1: Luật Bóng rổ.			2			6
Nội dung 4: (TH) - Ôn kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Học kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao - Giới thiệu kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực			2			6
Nội dung 5: (TH) Học kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ: + Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay dưới thấp (Giới thiệu)			2			6
Nội dung 6: (TH) Ôn: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Học kỹ thuật chuyền - bắt bóng: + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật phối hợp di chuyển chuyền bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 1 tay.			2			6
Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu chiến thuật: + Tấn công nhanh + Phòng thủ khu vực. Kiểm tra giữa kỳ: - Kỹ thuật dẫn bóng nhanh			2			6

<p>Nội dung kiểm tra: Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tính thời gian Cách thực hiện kỹ thuật : - Sinh viên đứng sau vạch xuất phát cầm bóng, khi có hiệu lệnh của giáo viên thì sinh viên đẩy bóng rồi thực hiện dẫn bóng nhanh 20 m - Thực hiện dẫn đúng kỹ thuật, dẫn bằng một tay hoặc hai tay luân phiên. Dẫn bóng theo đường thẳng từ vạch xuất phát đến điểm đích 20m, Khi qua vạch đích phải kiểm soát được bóng không được bỏ bóng chạy qua vạch đích Dẫn bóng phạm luật: - Không được bỏ bóng chạy rồi bắt bóng tiếp tục dẫn bóng - Không được ngửa lưng bàn tay giữ bóng để dẫn bóng. - Không được dẫn bóng bằng cả hai tay cùng tiếp xúc bóng. - Không được để bóng chạm chân trong quá trình dẫn bóng - Không được bật nhảy khống chế bóng rồi dẫn bóng - Không được lăn bóng bắt bóng rồi dẫn bóng</p>					
<p>Nội dung 8: (TH) - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. - Ôn tập kỹ thuật: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Tổ chức thi đấu</p>			2		6
<p>Nội dung 9: (TH) Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rổ một tay trên cao - Tổ chức thi đấu</p>			2		6
<p>Nội dung 10: (TH) Chiến thuật: - Tấn công nhanh</p>			2		6

- Tổ chức thi đấu						
Nội dung 11: (TH) Chiến thuật phòng thủ khu vực 2-1-2, 2-3 Chiến thuật phòng thủ kèm người 1/2 sân - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật: - Dẫn bóng nhanh 20 m - Di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng một tay trên cao.			2			6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Kỹ thuật di chuyển hai bước bật	CLO.5.6.	

		nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao (Rubric 1)		
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. (Rubric 2)	CLO.4.5.6.	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. - Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao. (Rubric 3)	CLO2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), Giáo trình Bóng rổ, NXB, ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Ủy ban thể dục thể thao (2006), Luật Bóng rổ, NXB TDTT.

[2]. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), Giáo trình bóng rổ, NXB ĐH Thái Nguyên.

d. Thể dục Aerobic

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 193032
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn Thể dục Aerobic.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật, nhịp và tính chất nghệ thuật của bài Thể dục Aerobic.

- CO3 : Sinh viên có kỹ năng hoàn thành, thực hiện tốt kỹ thuật động tác chính xác và đẹp bài Thể dục Aerobic

- CO4: Vận dụng được những kiến thức đã học của Aerobic vào rèn luyện sức khỏe và đời sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe.

- CLO2: Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc.

- CLO3: Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TĐTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, của môn Aerobic - Tổ chức thi đấu Aerobic; - Bảy bước cơ bản			2			6
Nội dung 2 Các tư thế cơ bản			2			6
Nội dung 3: - Các tư thế cơ bản - Nhóm độ khó, thấp, - Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3)			2			6
Nội dung 4: - Ôn Nhóm độ khó, thấp, tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3) - Học mới tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7)			2			6

Nội dung 5: - Ôn tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7) - Học mới tổ hợp III (động tác 8 đến động tác 11)			2			6
Nội dung 6: - Ôn Liên kết 3 tổ hợp I,II,III - Học mới tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15)			2			6
Nội dung 7: - Ôn tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15) - Học mới tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19)			2			6
Nội dung 8: - Ôn tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19) Liên kết 5 tổ hợp từ I - V			2			6
Nội dung 9: - Liên kết 5 tổ hợp từ I – V - Học mới tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23)			2			6
Nội dung 10: - Ôn tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23) - Học mới tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26)			2			6
Nội dung 11: - Ôn tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26) - Hoàn thiện Liên kết tổ hợp từ I – VII			2			6
Nội dung 12: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 13: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 14: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 15: - Ôn bài hoàn thiện. - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập

luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Thực hành	Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp(7 bước cơ bản, Nhóm độ dẻo) (Rubric 1)	CLO1,2,3	30%
2	Thực hành	Các tổ hợp đơn lẻ (tổ hợp I,II) (Rubric 1)	CLO1,2,3,4	
3	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần.	CLO 4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Liên kết tổ hợp đơn lẻ từ I đến III (Rubric 2)	CLO1,2,3,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Toàn bộ bài Aerobic tổ hợp I đến VII (Rubric 3)	CLO1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

-Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

-Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Đinh Khánh Thu (2014) *Giáo trình Thể dục Aerobic*; TĐTT HN.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) *Thể dục*; TĐTT HN.

[2]. Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II* NXB TĐTT

e) Võ Vovinam.

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191005
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chào mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo
- CO2: Vận dụng được kỹ thuật cơ bản về nhập môn Vovinam – Việt võ đạo và thực hiện chính xác các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, phương pháp tập luyện bài long hổ quyền rèn luyện thể lực cho người học.
- CO3: Sinh viên thực hiện chính xác về Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản như trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam.
- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất đưa vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chào mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp.
- CLO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực.
- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Trung bình tân - Đỉnh tân - Chảo mã tân - Hạc tân (Độc cước tân) - Hồi tân			2			6
Nội dung 2: - Đám thẳng - Đám ngang (Đám móc) - Đám mức			2			6
Nội dung 3: -Đá thẳng -Đá vòng cầu (Đá tạt) -Đá cạnh chân			2			6
Nội dung 4: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)			2			6
Nội dung 5: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)			2			6
Nội dung 6: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)			2			6
Nội dung 7: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)			2			6
Nội dung 8: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)			2			6
Nội dung 9: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)			2			6
Nội dung 10: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)			2			6
Nội dung 11: (Ôn tập) - Bài long hổ quyền (từ động tác 31- 40)			2			6
Nội dung 12: - Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)			2			6

Nội dung 13: (TH) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 41 –45)			2		6
Nội dung 14: (TH) Hoàn thiện bài long hổ quyền (Từ động tác 1 – 45)			2		6
Nội dung 15: (TH) - Ôn tập và KT bài Long hổ quyền			2		6
Tổng			30		90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tấn pháp, thủ pháp (Rubric 1)	CLO.3,4	
3	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đâm (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đá (Rubric 2)	CLO.4,5,6	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành	Bài long hổ quyền (Rubric 3)	CLO.2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

[1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu (2008) “*Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TĐTT.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

[2]. Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thế Nhu khí công quyền 2*, NXB TĐTT, HN.

Giáo dục quốc phòng / Military Education

a) Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam/*National defense and security policy of the Communist Party of Vietnam*

- Số ĐVHT: 3 (37, 8, 0)

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị

- Học phần tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu của học phần.

- CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của lý luận, quan điểm của Đảng; tính tất yếu, yêu cầu đặt ra về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp; làm việc độc lập và phối hợp nhóm. Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập.

- CO3: Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực phòng chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
<i>Bài 1:</i> Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	2					10
<i>Bài 2:</i> Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	2	2				10
<i>Bài 3:</i> Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
<i>Bài 4:</i> Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
<i>Bài 5:</i> Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	4					15
<i>Bài 6:</i> Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4					15
<i>Bài 7:</i> Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4	2				15
<i>Bài 8:</i> Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4					15
<i>Bài 9:</i> Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng	4	2				15
<i>Bài 10:</i> Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	2	2				10
<i>Bài 11:</i> Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội						10

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I Kiểm tra thường xuyên				
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	30%
2	+ Thái độ, ý thức học tập của sinh viên (công tác chuẩn bị trước khi lên lớp: học bài cũ, đọc bài mới hay ghi nhớ lượng kiến thức đã học trong các nội dung trước...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
3	+ Ý thức tham gia thảo luận xây dựng bài thông qua gợi ý trong từng nội dung bài học (nhận thức bài học trên lớp ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
4	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung thảo luận nhóm	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II Kiểm tra giữa kỳ				
	Sau khi học một số chuyên đề (kết thúc bài 7), sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	20%
III Thi cuối kì				
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 45 phút	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình *Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[2]. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng (2014), *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, NXB Giáo dục Việt Nam.

b) Công tác quốc phòng và an ninh/Defense and security

- Số ĐVHT: 2 (22, 8, 0)

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam. Những kiến thức cơ bản trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực (môi trường; trật tự an toàn giao thông; xâm hại danh dự, nhân phẩm; vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống).

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp về quốc phòng và an ninh. Hình thành lối sống kỷ luật và tác phong quân sự.

- CO3: Phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Từ đó tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 1: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4					
Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	2				
Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					
Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					
Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				
Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				
Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	2				

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	30%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
3	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung thảo luận nhóm	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Sau khi học một số chuyên đề sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn).	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	20%

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
	* Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.			
III	Thi cuối kì			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 35 phút	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, NXB Giáo dục.

[2]. Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh (2012), *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh*.

[2]. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng (2014), *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, NXB Giáo dục.

c) Quân sự chung

- Số ĐVHT: 02 (Lý thuyết:14; Thực hành: 16)

- Mã học phần: GDQP 3

- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Sinh viên nắm được các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ địa hình quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Rèn luyện thuần thục động tác điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết cách thực hành tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội. Thành thạo điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQPAN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định toạ độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

- CO3: Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng Nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập. Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần	2	2	
2	Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2	2	
3	Điều lệnh đội ngũ đơn vị	4		4
4	Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	4		4
5	Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	4	4	
6	Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	4	2	2
7	Phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao	4	2	2
8	Ba môn quân sự phối hợp	6	2	4
	Cộng	30	14	16

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

T T	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Tron g số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập).	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	30%
2	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
3	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung huấn luyện thực hành	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Kết thúc bài 6 tiến hành 1 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	20%
III	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 30 phút	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Đức Đăng (2012), *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2*. NXB giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng, 2005, *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung*, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

[2]. Bộ quốc phòng (2015), *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân.

[3]. Bộ quốc phòng (2015), *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân.

d) Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

- Số ĐVHT: 04 (Lý thuyết: 04, Thực hành: 56)
- Mã học phần: GDQP 4
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật gồm: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Nắm chắc được tác dụng, tính năng, cấu tạo chung của súng tiểu liên AK và thuần thục động tác bắn súng tiểu liên AK. Tác dụng, tính năng, cấu tạo chung và biết sử dụng lựu đạn. Đặc điểm và cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Rèn luyện thành thục tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO3: Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thục và thành thạo tư thế, động tác nắm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK.

- CLO3: Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học HP		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	4		4
2	Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	8	2	6
3	Từng người trong chiến đấu tiến công	16		16
4	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	8		8
5	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	24	2	22
	Cộng	60	4	56

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số ĐVHT +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập.	Rubric đánh giá chuyên cần, rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
2	Thái độ, ý thức học tập của sinh viên (công tác chuẩn bị trước khi lên lớp: học bài cũ, đọc bài mới hay ghi nhớ lượng kiến thức đã học trong các nội dung trước...)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
3	Ý thức tham gia thảo luận xây dựng bài thông qua gợi ý trong từng nội dung bài học (nhận thức bài học trên lớp của sinh viên ...)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
4	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên ở các nội dung huấn luyện.	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
5	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung huấn luyện thực hành.	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3	

II	Kiểm tra giữa kỳ			
1	Kiểm tra viết (02 bài): Kết thúc bài 2 và bài 4 tiến hành kiểm tra viết theo hình thức tự luận	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	20%
2	Kiểm tra thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
III	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Đức Đăng (2012), *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn (2012), *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1*, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam.

Học phần 18. Tâm lý học Tiểu học / Primary School Psychology

- Số tín chỉ: 04
- Mã học phần: 181001
- Bộ môn quản lý học phần: Tâm lý học
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Tâm lý học là một khoa học; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách; Lý luận về sự phát triển tâm lý học sinh tiểu học; Đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh tiểu học; Các hoạt động cơ bản của HS tiểu học; Một số vấn đề cơ bản về tâm lý học sư phạm tiểu học tiểu học.

Năng lực đạt được: Người học có năng lực nhận diện được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh tiểu học nói riêng; lựa chọn và sử dụng được các phương pháp nghiên cứu tâm lý học sinh tiểu học; giải quyết được các tình huống nảy sinh trong hoạt động dạy học sinh tiểu học, Xác định được đặc điểm, vai trò và cách thức tổ chức các hoạt động

cơ bản cho học sinh tiểu học; hình thành các phẩm chất và năng lực của người giáo viên tiểu học trong tương lai.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học phân tích được những đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh tiểu học nói riêng.

- CO2: Phân tích được đặc điểm, vai trò và cách thức tổ chức các hoạt động cơ bản cho học sinh tiểu học.

- CO3: Phân tích được đặc điểm hoạt động dạy, hoạt động học, sự phát triển trí tuệ và các phương hướng tổ chức hoạt động dạy học nhằm phát triển trí tuệ, kỹ năng, kỹ xảo cho HS tiểu học.

-CO4: Phân tích được đặc điểm, cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức, cấu trúc nhân cách của người thầy giáo, các con đường hình thành đạo đức và phát triển, hoàn thiện nhân cách người giáo viên tiểu học.

- CO5: Vận dụng các kiến thức Tâm lý học tiểu học đã học để giải quyết các nhiệm vụ học tập, các tình huống thực tế trong dạy học và giáo dục học sinh

- CO6: Người học nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của kiến thức môn học trong học tập, trong đời sống, đặc biệt là trong hoạt động nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học mô tả được bản chất hiện tượng tâm lý người; Các phương pháp trong nghiên cứu tâm lý; Giải thích hiện tượng tâm lý trên cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội, các quy luật của sự phát triển tâm lý người.

- CLO2: Phân tích được khái niệm, đặc điểm, quy luật... của các quá trình nhận thức của con người nói chung và của học sinh tiểu học nói riêng

- CLO3: Phân tích được khái niệm, đặc điểm, các thuộc tính của nhân cách của con người nói chung và những nét nhân cách đặc trưng của học sinh tiểu học nói riêng; Mô tả được cấu trúc nhân cách người giáo viên tiểu học; Trình bày được các con đường để hình thành và phát triển nhân cách.

-CLO4: Mô tả được các hoạt động cơ bản của HS Tiểu học; Phân tích được những nội dung cơ bản của TLH dạy học tiểu học và TLH giáo dục học sinh tiểu học.

-CLO5: Nhận diện và giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong đời sống tâm lý con người, trong hoạt động dạy học và giáo dục học sinh Tiểu học dựa trên cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội, các quy luật của sự phát triển tâm lý người; xây dựng được các con đường hình thành và phát triển tâm lý, ý thức, nhân cách cho bản thân và cho HS tiểu học.

- CLO6: Thiết kế, tổ chức được các hoạt động dạy học và giáo dục phát huy tính tích cực cho HS tiểu học ở trong các nhà trường phổ thông.

- CLO7: Tham dự giờ học nghiêm túc, chủ động, tích cực học tập, tích lũy tri thức, kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn nghề nghiệp, phát triển bản thân, tự học suốt đời thích ứng nhanh những biến đổi của xã hội.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Tâm lý học là một khoa học 1. Đối tượng, nhiệm vụ của Tâm lý học 2. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý. 2.1. Bản chất các hiện tượng tâm lý 3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý 2.2. Chức năng 2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý	3	3				20
Chương 2. Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức 2. Cơ sở XH của tâm lý 2.1. Hoạt động 2.2. Giao tiếp 3. Ý Thức 4. Chú ý 1. Cơ sở sinh lí thần kinh của tâm lí	3	6				20
Chương 3. Hoạt động nhận thức 1. Nhận thức cảm tính 1.1. Khái niệm chung về cảm giác và tri giác 1.2. Các qui luật của cảm giác và tri giác 2. Nhận thức lý tính 2.1. Tư duy 2.2. Tưởng tượng 3. Trí nhớ 4. Ngôn ngữ	6	9				25
Chương 4. Nhân cách và sự hình thành nhân cách 1. Khái niệm nhân cách 1.1. Định nghĩa nhân cách 1.2. Đặc điểm nhân cách 2. Các thuộc tính của nhân cách 2.1. Xu hướng 2.2. Tính cách 2.3. Khí chất 2.4. Năng lực 3. Tình cảm, ý chí 4. Sự hình thành và phát triển nhân cách	6	9				25

5. Sự sai lệch trong sự phát triển nhân cách						
Chương 5. Lý luận về sự phát triển tâm lý học sinh tiểu học 1. Khái niệm chung về sự phát triển tâm lý trẻ em 2. Tiền đề của sự phát triển tâm lý học sinh tiểu học 1.2. Sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi 3. Các quan điểm sai lầm về sự phát triển tâm lý trẻ em	3	6				20
Chương 6. Đặc điểm tâm lý của học sinh tiểu học 1. Nhận thức của học sinh tiểu học - Tư duy, tưởng tượng, ngôn ngữ của học sinh tiểu học - Tri giác, trí nhớ, chú ý của học sinh tiểu học 2. Nhân cách của học sinh tiểu học - Nhu cầu, của học sinh tiểu học - Tình cảm của học sinh tiểu học. - Tính cách của HS tiểu học - Ý chí của HS tiểu học -Làm bài tập chương 6	3	3				20
Chương 7. Các hoạt động cơ bản của học sinh tiểu học 1.1.Khái quát về hoạt động học 1.2. HĐ học của HS tiểu học 1.2.1. HĐ học tập - hoạt động chủ đạo của học sinh tiểu học 1.2.2. Cấu trúc HĐ học của HS tiểu học 1.2.3. Hình thành hoạt động học tập của học sinh tiểu học 2. Các hoạt động khác của học sinh tiểu học - HĐ vui chơi, lao động, xã hội HĐ văn hóa- thể thao	3	6				25
Chương 8. Một số vấn đề Tâm lý học sư phạm tiểu học 1. Tâm lý học dạy học tiểu học 1.1. Khái niệm hoạt động dạy 1.4. Sự phát triển trí tuệ của HSTH 1.2. Dạy học ở tiểu học là tổ chức hoạt động học cho học sinh 1.3. Sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo, thói quen cho học sinh tiểu học.	9	6				25

<p>2. Một số vấn đề TLH giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học</p> <p>2.1. Khái niệm đạo đức và hành vi đạo đức</p> <p>2.2. Cấu trúc tâm lý của HVĐĐ</p> <p>2.3. Các con đường giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học</p> <p>3. Một số vấn đề TLH nhân cách giáo viên tiểu học</p> <p>3.1. Giáo dục tiểu học và người giáo viên tiểu học</p> <p>3.2. Cấu trúc nhân cách của người giáo viên tiểu học</p> <p>3.3. các con đường hình thành nhân cách của giáo viên tiểu học</p>						
--	--	--	--	--	--	--

5. Phương pháp dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, vấn đáp, tình huống.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,...*).

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần	Rubic đánh giá chuyên cần	CLO7	30%
2	Đánh giá bài nhóm	Rubic đánh giá bài nhóm	CLO1-CLO4	
3	Bài tập cá nhân tự học	Rubic đánh giá bài tập cá nhân tự học	CLO1-CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubic đánh giá bài viết có đáp án/thang điểm	CLO1-CLO6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thi viết	Rubic đánh giá bài viết có đáp án/thang điểm	CLO1-CLO7	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên) trên lớp, hoàn thành bài tập cá nhân tự học, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Quang Uẩn (2017), *Tâm lý học đại cương*, NXB ĐH Sư phạm.

[2]. Bùi Văn Huệ (2016), *Giáo trình Tâm lý học tiểu học*, NXB ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Dương Thị Thoan (2016), *Kỹ năng giảng dạy theo tín chỉ của giáo sinh thực tập sư phạm- một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Lao động.

Học phần 19. Giáo dục học Tiểu học / Primary Education

- Số tín chỉ: 04 (36 LT, 48 TL, 0 TH)

- Mã học phần: 182006

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học tiểu học

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học tiểu học

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về Giáo dục học tiểu học, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học; các khái niệm của Giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục tiểu học; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học tiểu học; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục tiểu học, công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về giáo dục học đại cương, lý luận dạy học tiểu học, lý luận giáo dục ở bậc tiểu học; hiểu biết chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm lao động của người giáo viên tiểu học và nội dung, nhiệm vụ, phương pháp công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường tiểu học.

- CO2: Người học hình thành một số kỹ năng cơ bản như: xác định các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách học sinh tiểu học; sử dụng nguyên tắc dạy học tiểu học, nguyên tắc giáo dục tiểu học, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và giáo dục phù hợp với đặc điểm học sinh tiểu học; có khả năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường tiểu học, giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tiễn giáo dục ở trường tiểu học.

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu rõ các khái niệm, chức năng, nhiệm vụ của Giáo dục học tiểu học; phân tích được vai trò của các yếu tố di truyền, môi trường và giáo dục đối với sự hình thành, phát triển nhân cách học sinh; hiểu rõ mục đích, mục tiêu giáo dục cấp tiểu học, hệ thống giáo dục quốc dân và những nhiệm vụ giáo dục ở trường tiểu học.

- CLO2: Sinh viên nắm vững hệ thống lý luận cơ bản về quá trình dạy học tiểu học, quá trình giáo dục và vận dụng vào quá trình dạy học, giáo dục ở trường tiểu học.

- CLO3: Sinh viên hiểu rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà giáo tiểu học và đặc điểm lao động sư phạm, những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người giáo viên tiểu học từ đó biết vận dụng vào hoạt động nghề nghiệp.

- CLO4: Sinh viên phân tích, so sánh bản chất của hoạt động giáo dục tiểu học; xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành nhân cách học sinh tiểu học; Phân bước đầu xác định mục tiêu học tập của cá nhân phù hợp với mục đích giáo dục của xã hội.

- CLO5: Sinh viên có kỹ năng phát hiện, giải quyết những tình huống sư phạm trong thực tiễn dạy học và giáo dục ở trường tiểu học trên cơ sở vận dụng các nguyên tắc, phương pháp dạy học và giáo dục tiểu học vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

- CLO6: Sinh viên hình thành và rèn luyện kỹ năng tự học, tự đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học tiểu học.

- CLO7: Tăng cường khả năng thích ứng với những thay đổi của chương trình môn học; Sinh viên xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân, có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với nghề nghiệp.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Phần I. Những vấn đề chung của Giáo dục học Chương I: Giáo dục học là một khoa học 1. Giáo dục là một hiện tượng đặc trưng của xã hội loài người 2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học 3. Một số khái niệm cơ bản của Giáo dục học 4. Hệ thống các khoa học về giáo dục và mối quan hệ của chúng với các khoa học khác	3	4				
Chương II: Giáo dục và sự phát triển nhân cách 1. Sự phát triển nhân cách của con người 2. Vai trò của di truyền và môi trường trong sự phát triển nhân cách 3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách	3	4				
Chương III: Mục đích và nhiệm vụ giáo dục 1. Mục đích giáo dục 2. Hệ thống giáo dục quốc dân 3. Nguyên lý giáo dục 4. Những nhiệm vụ giáo dục của nhà trường 5. Nội dung giáo dục (theo chương trình giáo dục phổ thông 2018)	3	4				
Chương 4. Người giáo viên tiểu học 1. Đặc điểm của lao động sư phạm.	3	4				

<p>2. Chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên TH</p> <p>3. Những yêu cầu đối với GV TH</p> <p>3. Những yêu cầu đối với GV tiểu học.</p> <p>4. Hoạt động giáo dục ở trường tiểu học</p> <p>5. Người giáo viên đối với việc không ngừng nâng cao trình độ nghề nghiệp và những lời khuyên đối với giáo</p>						
<p>Phần 2:</p> <p>Chương 1. Những vấn đề cơ bản của lí luận DHTH</p> <p>1. Quá trình dạy học TH</p> <p>1.1. Khái niệm và cấu trúc của quá trình dạy học</p> <p>1.2. Bản chất của quá trình dạy học tiểu học</p> <p>1.3. Các nhiệm vụ dạy học ở trường tiểu học</p> <p>1.4. Lô gíc và động lực của quá trình dạy học tiểu học</p> <p>2. Nguyên tắc dạy học tiểu học.</p> <p>3. Nội dung dạy học TH</p> <p>3.1. Khái niệm về nội dung dạy học tiểu học.</p> <p>3.2. Xu thế đổi mới nội dung dạy học ở TH (Nội dung dạy học các môn học theo CTGDPT mới)</p>	4	6				
<p>Chương 3. Phương pháp dạy học ở trường TH</p> <p>2.1. Phương pháp và phương tiện DH ở tiểu học</p> <p>2.1.1. Khái niệm về phương pháp dạy học</p> <p>2.1.2. Hệ thống các phương pháp dạy học ở tiểu học</p> <p>2.1.3. Đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.</p> <p>2.1.4. Phương tiện dạy học ở tiểu học</p> <p>2.2. Các hình thức tổ chức dạy học ở trường tiểu học</p> <p>2.2.1. Các PP và kỹ thuật đánh giá HSTH</p> <p>2.2.2. Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực</p> <p>2.2.3. Hướng dẫn cách thức đánh giá HS TH.</p>	4	6				
<p>Chương 1. Quá trình giáo dục</p> <p>1.1. Khái niệm, cấu trúc của quá trình giáo dục tiểu học.</p> <p>1.2. Bản chất của quá trình giáo dục tiểu học.</p> <p>1.3. Đặc điểm của QTGD tiểu học.</p>	4	6				
<p>Chương 2. Nguyên tắc giáo dục tiểu học.</p> <p>2.1. Khái niệm chung về nguyên tắc giáo dục.</p> <p>2.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục</p>	4	6				

Chương 3. Phương pháp giáo dục tiểu học. 3.1. Khái niệm phương pháp giáo dục 3.2. Hệ thống các phương pháp GD. 3.3. Lựa chọn và vận dụng phối hợp các PPGD.	4	6				
Chương 4. Kết hợp giữa NT-GĐ và XH trong việc GDHS TH 4.1. Ý nghĩa của việc kết hợp giữa NT- GD và XH trong việc GDHSTH. 4.2. Kết hợp GD giữa NT và GĐ. 4.3. Kết hợp GD giữa NT và XH	4	6				

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên(05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO7,8,9	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-6	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
5	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu chính:

[1]. Phạm Viết Vượng (2008), *Giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Trần Thị Tuyết Oanh (2007), *Giáo trình Giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
[2]. Đặng Vũ Hoạt (chủ biên) - Hà Thị Đức (2008), *Lí luận dạy học đại học*, NXBĐHSP.

Học phần 20. Quản lý HCNN & QLGD / State Administrative Management and Educational Management

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL, 0 TH)

- Mã học phần: 198000

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học các học phần Triết học Mác - Lênin, Tâm lý học Tiểu học, Giáo dục học Tiểu học.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo, cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, lý luận về quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo; Luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước CHXH CN Việt Nam, lý luận về QLHCNN và QLGD và ĐT, luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT của bộ Giáo dục & Đào tạo.

- CO2: Người học hình thành một số kỹ năng cơ bản: kỹ năng nhận biết cơ cấu tổ chức nhà nước về GD-ĐT, cơ cấu quản lý, phân cấp quản lý trong GD-ĐT; kỹ năng vận dụng đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về GD-ĐT vào thực tiễn nghề nghiệp; kỹ năng vận dụng các quy định luật pháp (Luật công chức, viên chức; Luật Giáo dục; Điều lệ GD các cấp học) vào điều kiện thực tiễn nghề nghiệp...

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tin tưởng vào đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; có thái độ chấp hành nghiêm túc luật pháp và những văn bản pháp quy; xác định đúng đắn trong việc rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học phân tích được bản chất của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước, cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; hiểu rõ khái niệm quản lý hành chính nhà nước, nội dung quản lý hành chính nhà nước, phương pháp, hình thức, phương tiện quản lý hành chính nhà nước.

- CLO2: Người học phân biệt được khái niệm công chức, viên chức; hiểu rõ đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo và vận dụng được nội dung các văn bản luật (Luật công chức, viên chức; Luật giáo dục; Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học) vào thực tiễn.

- CLO3: Người học có khả năng làm việc nhóm và tự lập kế hoạch học tập, độc lập nghiên cứu và giải quyết các nhiệm vụ môn học.

- CLO4: Người học tự định hướng, thích nghi với môi trường nơi làm việc, sống và làm việc tuân theo phân cấp, phân quyền và pháp luật trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự

nghiệp công lập...; có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động học tập và nghề nghiệp tương lai.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương I: Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, quản lý giáo dục và công chức, viên chức 1. Nhà nước CHXHCN Việt nam 2. Quản lí hành chính nhà nước 3. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo 4. Công chức, viên chức 5. Những thay đổi liên quan tới tiền lương, việc làm của cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 1/7/2020	6	7				28,5
Chương II: Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo 1. Khái quát về tình hình giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020 2. Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo 3. Nghị quyết số 88/2014/QH1 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014) về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông	6	9				31,5
Chương III: Luật giáo dục 1. Sự cần thiết phải ban hành Luật Giáo dục 2. Nội dung cơ bản của Luật Giáo dục	3	4				15
Chương IV: Điều lệ, quy định của Bộ GD và ĐT đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông 1. Khái quát bộ cục Điều lệ nhà trường 2. Nội dung cơ bản của Điều lệ nhà trường	3	4				15

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-4	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1-4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			

4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4	20%
III Thi cuối kì				
5	Vấn đáp	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Phạm Viết Vượng. (2006), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo*, NXB Đại học sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo, Điều lệ các bậc học. (Thông tư 52, 28, 32) của Bộ giáo dục và Đào tạo về Ban hành điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT

Học phần 21. Chọn 1 trong 2 học phần

a) Sinh lý trẻ em & GDSK / Pediatric Physiology and Health Education

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 243001
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Sinh học.
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Sinh lý trẻ em và GDSK bao gồm các nội dung về sự sinh trưởng, phát triển, sinh sản, trao đổi chất và cấu tạo, chức năng của các cơ quan trong cơ thể người, mối quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể cũng như việc giữ gìn vệ sinh cơ thể.

Qua học phần người học chứng minh được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng và thiết lập được mối quan hệ giữa các bộ phận, cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể trong quá trình hoạt động chức năng; ứng dụng được các kiến thức đã học về tế bào học để giải thích các hiện tượng liên quan.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về sự sinh trưởng, phát triển, sinh sản, trao đổi chất và cấu tạo, chức năng của các cơ quan trong cơ thể người, mối quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể cũng như việc giữ gìn vệ sinh cơ thể.
- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng mô tả, phân tích, chứng minh mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể người. Trên cơ sở kiến thức

đã có được, Sinh viên có được những tư duy khoa học và khả năng vận dụng vào thực tiễn dạy học ở bậc tiểu học. Người học có được phương pháp luận của khoa học sinh lý trẻ em cũng như những yêu cầu cần thiết phải giải quyết để bảo vệ sức khỏe và vệ sinh học đường một cách hợp lý. Từ đó có thể vận dụng vào cuộc sống, lao động một cách hiệu quả nhất.

- CO3: Giúp cho Sinh viên có được ý thức tốt đối với bảo vệ sức khỏe và giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học. Tạo được động lực tốt trong việc vận dụng kiến thức đã học vào giảng dạy sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Trình bày được quá trình sinh trưởng, phát triển của trẻ, quá trình trao đổi chất ở trẻ em lứa tuổi tiểu học.

- CLO2: Trình bày được cấu tạo sơ lược và quá trình sinh lý thực hiện chức năng các bộ phận, các cơ quan trong cơ thể.

- CLO3: Trình bày được quá trình trao đổi chất ở trẻ em lứa tuổi tiểu học.

- CLO4: Phân tích được các quy luật phản xạ, ức chế phản xạ và các quy luật hoạt động thần kinh cấp cao ở người..

- CLO5: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và có kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề theo nhóm.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Sinh trưởng và phát triển	2	1	0	0	0	6
Hệ thần kinh	2	1	0	0	0	8
Hoạt động thần kinh cấp cao	3	6	0	0	0	8
Các cơ quan phân tích	2	1	0	0	0	8
Hệ nội tiết và hệ sinh dục	1	2	0	0	0	8
Hệ vận động	1	2	0	0	0	8
Hệ tuần hoàn	1	2	0	0	0	8
Hệ hô hấp	1	2	0	0	0	8
Hệ tiêu hoá	2	1	0	0	0	10
Hệ bài tiết	1	2	0	0	0	10
Trao đổi chất	2	4	0	0	0	8
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10%
II. Kiểm tra thường xuyên				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu chính:

[1]. Trần Trọng Thủy, Sinh lý học trẻ em, NXB giáo dục - NXB đại học sư phạm, 2006.

[2]. Lê Thanh Vân, Giáo trình sinh lý học trẻ em, Nxb ĐHSP 2009.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Tạ Thuý Lan (chủ biên) - Trần Thị Loan, Giải phẫu sinh lý người, tập 1, 2. NXB ĐHSP Hà Nội.

b) Sinh lý học người và ứng dụng / Pediatric Physiology and Health Education

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL)

- Mã học phần: 243002

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Sinh học.

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Sinh lý trẻ em và GDSK bao gồm các nội dung về sự sinh trưởng, phát triển, sinh sản, trao đổi chất và cấu tạo, chức năng của các cơ quan trong cơ thể người, mối quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể cũng như việc giữ gìn vệ sinh cơ thể.

Qua học phần người học chứng minh được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng và thiết lập được mối quan hệ giữa các bộ phận, cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể trong quá trình hoạt động chức năng; ứng dụng được các kiến thức đã học về tế bào học để giải thích các hiện tượng liên quan.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về sự sinh trưởng, phát triển, sinh sản, trao đổi chất và cấu tạo, chức năng của các cơ quan trong cơ thể người, mối quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể cũng như việc giữ gìn vệ sinh cơ thể.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng mô tả, phân tích, chứng minh mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể người. Trên cơ sở kiến thức đã có được, Sinh viên có được những tư duy khoa học và khả năng vận dụng vào thực tiễn dạy học ở bậc tiểu học. Người học có được phương pháp luận của khoa học sinh lý học người từ đó có thể vận dụng vào cuộc sống, lao động một cách hiệu quả nhất.

- CO3: Giúp cho Sinh viên có được ý thức tốt đối với bảo vệ sức khỏe và giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học. Tạo được động lực tốt trong việc vận dụng kiến thức đã học vào giảng dạy sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Trình bày được quá trình sinh trưởng, phát triển của cơ thể người, quá trình trao đổi chất ở người.

- CLO2: Trình bày được cấu tạo sơ lược và quá trình sinh lý thực hiện chức năng các bộ phận, các cơ quan trong cơ thể.

- CLO3: Trình bày được quá trình sinh lý các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể người. Từ đó xây dựng cơ sở khoa học cho việc bảo vệ sức khỏe.

- CLO4: Phân tích được các quy luật phản xạ, ức chế phản xạ và các quy luật hoạt động thần kinh cấp cao ở người..

- CLO5: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và có kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề theo nhóm.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Sinh trưởng và phát triển	2	1	0	0	0	6
Hệ thần kinh	2	1	0	0	0	8
Hoạt động thần kinh cấp cao	3	6	0	0	0	8
Các cơ quan phân tích	2	1	0	0	0	8
Hệ nội tiết và hệ sinh dục	1	2	0	0	0	8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Hệ vận động	1	2	0	0	0	8
Hệ tuần hoàn	1	2	0	0	0	8
Hệ hô hấp	1	2	0	0	0	8
Hệ tiêu hoá	2	1	0	0	0	10
Hệ bài tiết	1	2	0	0	0	10
Trao đổi chất	2	4	0	0	0	8
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10%
II. Kiểm tra thường xuyên				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu chính:

[1]. Tạ Thuý Lan (chủ biên) - Trần Thị Loan, Giải phẫu sinh lý người tập 1, 2.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Quang Mai, Sinh lý học động vật và người, NXB Khoa học kỹ thuật HN, 2004.
[2]. W.D.Philips - T.J.Chalton, Sinh học (2 tập), NXB Giáo dục, 1998.

Học phần 22. Toán học tự chọn 1 / Maths Optional 1 (Chọn 1 trong 2 học phần)

a) Cơ sở lý thuyết toán ở Tiểu học / Theoretical Foundations of Primary Schools

Mathematics

- Mã học phần: 141023
- Số tín chỉ: 2TC (18LT; 18BT; 6TH)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán
- Điều kiện tiên quyết: Số học

1. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung của học phần được chia thành 3 chương, bao gồm những nội dung chính như sau:

- Cơ sở lý thuyết tập hợp của việc dạy học toán ở tiểu học: Dạy học Số tự nhiên ở Tiểu học, Dạy học Số thập phân ở Tiểu học. Vận dụng các kiến thức của Lý thuyết tập hợp vào định hướng giải quyết các vấn đề trong dạy học giải toán ở tiểu học ;

- Cơ sở Cấu trúc đại số của việc dạy học toán ở tiểu học: Cơ sở Lý thuyết tập hợp và Cấu trúc đại số của nội dung dạy học các phép tính Số học ở Tiểu học, Vận dụng các kiến thức của Lý thuyết tập hợp và Cấu trúc đại số vào định hướng các vấn đề trong dạy học giải toán ở tiểu học;

- Cơ sở Logic của việc dạy học toán ở tiểu học: Cơ sở Logic của nội dung dạy học Toán ở Tiểu học. Thực hành định hướng giải quyết các bài toán ở tiểu học bằng kiến thức Logic toán.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của cơ sở lý thuyết toán ở Tiểu học.

- CO2: Vận dụng sáng tạo các kiến thức lí luận của cơ sở lý thuyết toán Tiểu học để giải thích được bài giải các bài toán ở tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

- CO3: Phát triển năng lực chuẩn đoán, đánh giá, tư vấn và phát triển chương trình.

- CO4: Phát triển kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp xử lý các tình huống trong dạy học toán ở tiểu học. Phát triển năng lực tự học và phát triển bản thân.

- CO5: Hình thành kỹ năng sử dụng tài liệu dạy học môn Toán ở tiểu học; sử dụng CNTT trong việc tìm kiếm thông tin; tìm hiểu và nghiên cứu vấn đề về dạy học toán ở tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học sẽ đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nắm vững các kiến thức về Cơ sở lý thuyết toán ở tiểu học, bao gồm: Cơ sở lý thuyết tập hợp ; Cơ sở Cấu trúc đại số; Cơ sở Logic của việc dạy học toán ở tiểu học.

- CLO2: Vận dụng các kiến thức về Cơ sở lý thuyết toán ở tiểu học để giải thích cơ sở của việc đề xuất các bài toán ở Tiểu học; chỉ ra cơ sở toán học cho lời giải của các bài toán ở tiểu học; giải thích lời giải cho các bài toán ở tiểu học; định hướng cách giải các bài toán ở tiểu học.

- CLO3: Sử dụng tài liệu dạy học môn Toán ở tiểu học; tìm hiểu và nghiên cứu vấn đề cơ sở lý thuyết toán tiểu học để định hướng giải các bài toán ở tiểu học.

- CLO4: Tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Cơ sở Lý thuyết tập hợp của việc dạy học Toán ở Tiểu học	7	1	6	2	0	35
Chương 2: Cơ sở cấu trúc đại số của việc dạy học toán ở Tiểu học	6	1	5	2	0	30
Chương 3: Cơ sở Logic và việc dạy học toán ở Tiểu học	5	1	4	2	0	25
Tổng	18	3	15	6	0	90

5. Hình thức, phương pháp dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, vấn đáp gợi mở, nêu và giải quyết vấn đề...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	CLO1	30%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đáp án, thang điểm	CLO2	
3	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3	
	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết tự luận	Đáp án, thang điểm	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết tự luận	Đáp án, thang điểm	CLO1-CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Trần Diên Hiền, Nguyễn Thủy Chung (2018), *Cơ sở Toán học của môn Toán tiểu học*, NXB ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Trần Diên Hiền (1997), *Giáo trình lý thuyết số*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Văn Ngọc (1994), *Nhập môn Lý thuyết tập hợp và logic Toán*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

b) Hình cao cấp / High Geomaty

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 141000
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán
- Điều kiện tiên quyết: Số học.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Nội dung học phần gồm 4 chương: Chương 1 cung cấp cho người học các kiến thức về không gian véc tơ, không gian véc tơ con. Chương 2 trình bày lý thuyết về không gian Afın, không gian Afın 2 chiều, 3 chiều, tọa độ Afın, quan hệ song song, tỉ số đơn, ánh xạ Afın và biến đổi Afın. Chương 3 gồm các kiến thức về không gian Öclit, mặt phẳng trong các không gian Öclit 2 chiều, 3 chiều, góc và các phép biến đổi đẳng cự. Chương 4 cung cấp cho người học những kiến thức về các hình hình học: mặt cầu, hình cầu, đường gấp khúc, đường, mặt, khối, đa giác, khối đa diện, khối tròn xoay, đo diện tích và thể tích, các hình đẳng hợp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về Hình học cao cấp như: Không gian véc tơ, không gian afın, không gian véc tơ Euclid, không gian Euclid, các hình hình học... các bài toán suy luận logic và cách giải của nó trong chương trình Tiểu học.

- CO2: Người học được phát triển các kỹ năng: khái quát hóa, tổng quát hóa, cụ thể hóa, đặc biệt hóa, tương tự hóa các dạng toán cơ bản trong chương trình để giải các bài toán về Hình hình học ở môn Toán Tiểu học. Từ đó, vận dụng linh hoạt kiến thức về Hình học cao cấp vào việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm, dạy học phân hóa cho học sinh.

- CO3: Người học rèn luyện được năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục Tiểu học; có năng lực tự học, tự cập nhật tích lũy kiến thức liên quan đến chương trình ở tiểu học; Có ý thức cập nhật phương pháp, hình thức dạy học mới và thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu các vấn đề cơ bản về: cơ sở và số chiều, hệ véc tơ độc lập tuyến tính và phụ thuộc tuyến tính, tọa độ của một véc tơ ánh xạ tuyến tính, các tính chất của các loại không gian,...

- CLO2: Vận dụng các kiến thức về các không gian để tìm cơ sở và số chiều của các loại không gian, chứng minh hệ véc tơ độc lập tuyến tính và phụ thuộc tuyến tính, tìm tọa độ của một véc tơ ánh xạ tuyến tính, một điểm,...

- CLO3: Vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức về khoảng cách, góc, tỷ số, các hình hình học... trong việc học Toán và các hoạt động dạy học môn Toán ở Tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

- CLO4: Có tác phong làm việc khoa học; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có ý thức tự học, tự nghiên cứu các vấn đề về Hình học cao cấp để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tự tin trở thành giáo viên sau khi ra trường.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần						
	LT	TL	BT	Thực hành	TH		Khác
Đồng dư thức	4	1	2		8		
Vành các lớp thặng dư	2		2		8		
Hệ thặng dư	2		2		8		
Định lý Ôle, Phécma	2		4		10		
Các khái niệm chung, điều kiện có nghiệm	2		1		8		
Phương trình đồng dư bậc nhất một ẩn	2		1		8		
Phương trình đồng dư bậc cao theo mô đun nguyên tố	1	1	1		6		
Các khái niệm, điều kiện có nghiệm	1			1	8		
Hệ phương trình đồng dư tương đương	1				8		
Thực hành giải hệ phương trình đồng dư bậc nhất và bậc hai một ẩn			2		8		
Phương trình đồng dư và phương trình Đi – ô – phăng	1				10		
Tổng	18	2	15	1	90		6

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan, ...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2	10%
II. Kiểm tra thường xuyên				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO3	– 30%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO3	– 50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình / tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc:

[1]. Nguyễn Mộng Hy (2007), *Hình học cao cấp*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Tiến Tài (1998), *Hình học*, NXB Giáo dục.

[2]. Văn Như Cương – Tạ Mân (1998), *Hình học Afın và Hình học Oclit*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Học phần 23. Ngôn ngữ học đại cương / General Linguistics

- Mã học phần: 142015

- Số tín chỉ: 2TC (18LT; 24BT, TH)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung, khái quát về ngôn ngữ học, gồm: những vấn đề chung về ngôn ngữ (bản chất của ngôn ngữ, chức năng của ngôn ngữ, hệ thống ngôn ngữ, nguồn gốc ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ); những tri thức nền tảng về ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ pháp, phong cách; từ đó, người học có thể hiểu vận dụng để hiểu thêm về ngôn ngữ mẹ đẻ và các ngôn ngữ khác trong quá trình học tập và nghiên cứu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và kiến thức nền tảng về ngôn ngữ, bao gồm những vấn đề chung về ngôn ngữ (bản chất của ngôn ngữ, chức năng của ngôn ngữ, hệ thống ngôn ngữ, nguồn gốc ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ); những tri thức nền tảng về ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ pháp, phong cách.

- CO2: Người học vận dụng kiến thức để phân tích và đánh giá sử dụng tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt) và một ngôn ngữ thứ hai trong học tập, nghiên cứu.

- CO3: Giúp người học vận dụng kiến thức đã học để lí giải một số vấn đề có liên quan đến nội dung môn tiếng Việt trong trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của ngôn ngữ: đại cương về ngôn ngữ, đại cương về ngữ âm, đại cương về từ vựng ngữ nghĩa học, đại cương về ngữ pháp học, đại cương về phong cách học.

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức để phân tích và đánh giá sử dụng tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt) và một ngôn ngữ thứ hai trong học tập, nghiên cứu.

- CLO3: Người học vận dụng kiến thức lí giải một số vấn đề có liên quan đến nội dung môn tiếng Việt trong trường Tiểu học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đại cương về ngôn ngữ	6	6	0	0	0	23
Đại cương về ngữ âm	4	6	0	0	0	18
Đại cương về TV ngữ nghĩa học	4	4	0	0	0	16
Đại cương về ngữ pháp học	2	4	0	0	0	12
Đại cương về phong cách học	2	4	0	0	0	11
Tổng	18	24	0	0	0	80

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric 2 (đánh giá mức độ làm bài tập cá nhân)	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Tham gia thảo luận	Rubric 3,4 (đánh giá mức độ làm bài tập nhóm và tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
4	Làm bài kiểm tra	Rubric 6 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
5	Viết	Rubric 7 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Mai Ngọc Chừ - Hoàng Trọng Phiến - Vũ Đức Nghiệu (2000), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Thiện Giáp, Nguyễn Minh Thuyết, Đoàn Thiện Thuật (2008), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Đỗ Hữu Châu - Bùi Minh Toán (2005), *Đại cương ngôn ngữ học, Tập 2*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Đinh Trọng Lạc (2001), *Phong cách học tiếng Việt*, ĐHSP.

Học phần 24. Tiếng Việt 1 / Vietnamese 1

- Mã học phần: 142040
- Số tín chỉ: 4TC (36LT; 48BT, TH)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ âm và từ vựng tiếng Việt, những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, câu, đoạn văn, văn bản. Các chủ đề này gồm: Kiến thức chung về nguồn gốc của tiếng Việt; kiến thức về ngữ âm học tiếng Việt như hệ thống âm vị, âm tiết tiếng Việt, chính tả tiếng Việt; Kiến thức về từ vựng - ngữ nghĩa học tiếng Việt như: cấu tạo từ, các kiểu từ xét theo cấu tạo, các thành phần ý nghĩa của từ, trường nghĩa, các lớp từ vựng tiếng Việt; kiến thức từ loại tiếng Việt; kiến thức về cụm từ; kiến thức về câu tiếng Việt; kiến thức về đoạn văn, cấu trúc đoạn văn, khái niệm văn bản, tính liên kết trong văn bản, các phương tiện liên kết. Từ đó, người học có thể hiểu vận dụng giải quyết các vấn đề về ngữ âm và từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt trong quá trình học tập và nghiên cứu cũng như trong giảng dạy môn tiếng Việt ở trường tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về kiến thức cơ bản về ngữ âm và từ vựng tiếng Việt, những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, câu, đoạn văn, văn bản.

- CO2: Người học vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề cơ bản của tiếng Việt và vận dụng những kiến thức tiếng Việt vào giải quyết các vấn đề về ngữ âm và từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt, về từ loại, cụm từ, câu, đoạn văn, văn bản cụ thể.

- CO3: Giúp người học vận dụng kiến thức đã học để dạy môn tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 5 ở trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của ngôn ngữ: đại cương về tiếng Việt, ngữ âm học tiếng Việt hiện đại, từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt, những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, câu, đoạn văn, văn bản.

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề cơ bản của tiếng Việt và vận dụng những kiến thức tiếng Việt vào giải quyết các vấn đề về ngữ âm và từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt, về từ loại, cụm từ, câu, đoạn văn, văn bản cụ thể.

- CLO3: Người học vận dụng kiến thức đã học để dạy môn tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 5 ở trường Tiểu học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đại cương về tiếng Việt	4	2	0	0	0	30
Ngữ âm học tiếng Việt hiện đại	7	10	0	0	0	30
Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	6	10	0	0	0	30
Từ loại Tiếng Việt	6	8	0	0	0	30
Cụm từ Tiếng Việt, câu tiếng Việt	7	10	0	0	0	30
Ngữ pháp văn bản	6	8	0	0	0	30
Tổng	36	48	0	0	0	180

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
4	Viết	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	
5	Viết	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
6	Làm bài kiểm tra	Rubric 6 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
7	Viết	Rubric 7 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

- [1]. Lê A (2015), *Giáo trình tiếng Việt 1,2* NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. Đỗ Hữu Châu (2006), *Giáo trình từ vựng học tiếng Việt*, NXB ĐHSP.
- [3]. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Thiện Giáp (2016), *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB GD.
- [2]. Đoàn Thiện Thuật (1999), *Ngữ âm tiếng Việt*, NXB ĐHQG Hà Nội.
- [3]. Bùi Minh Toán (Chủ biên) (2007), *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB ĐHSP, HN.

Học phần 25. Tiếng Việt 2 / Vietnamese 2

- Mã học phần: 142046
- Số tín chỉ: 3TC (27LT; 36BT, TH)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt 1.

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chủ đề chính là phong cách học Tiếng Việt, ngữ dụng học và từ Hán Việt;

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về phong cách học tiếng Việt như : nhận diện các phong cách chức năng, các phương tiện tu từ, biện pháp tu từ; kỹ năng phân tích cấu tạo cụm từ, cấu tạo câu, kỹ năng phân tích hiệu quả biểu đạt của phương tiện và biện pháp tu từ.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học như: nghĩa của từ trong ngữ cảnh (sự chiếu vật), câu trong ngôn bản (vấn đề hành vi ngôn ngữ và lý thuyết lập luận) nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn;

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về từ Hán Việt như khái niệm, đặc điểm, cấu tạo của từ Hán Việt, bổ sung vốn từ Hán Việt; từ đó, người học có thể hiểu vận dụng giải quyết các vấn đề cơ bản về ngữ dụng, từ Hán Việt trong quá trình học tập và nghiên cứu cũng như trong việc vận dụng kiến thức liên quan đến giảng dạy môn Tiếng Việt ở trường tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học một cách hệ thống kiến thức cơ bản và kiến thức nền tảng về phong cách học Tiếng Việt, ngữ dụng học và từ Hán Việt.
- CO2: Hình thành cho người học kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích ngữ liệu dạy học có nội dung liên quan đối với môn Tiếng Việt ở các lớp 1,2,3,4,5.
- CO3: Giúp người học vận dụng kiến thức đã học để lí giải một số vấn đề có liên quan đến môn Tiếng Việt trong trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu biết một cách hệ thống kiến thức cơ bản và kiến thức nền tảng về phong cách học Tiếng Việt, ngữ dụng học và từ Hán Việt .

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức để phân tích để phân tích ngữ liệu dạy học có nội dung liên quan đối với môn Tiếng Việt ở các lớp 1,2,3,4,5.

- CLO3: Người học vận dụng kiến thức, lí giải những vấn đề có liên quan đến ngữ liệu môn tiếng Việt trong trường Tiểu học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Phong cách học Tiếng Việt	8	10	0	0	0	40
Ngữ dụng học	8	10	0	0	0	40
Từ Hán Việt	11	16	0	0	0	55
Tổng	27	36	0	0	0	135

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
4	Viết	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
5	Làm bài kiểm tra	Rubric 6 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
6	Viết	Rubric 7 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

- [1]. Đinh Trọng Lạc (2001), *Phong cách học tiếng Việt*, NXB, ĐHSP.
- [2]. Đỗ Hữu Châu (2005), *Tuyển tập – Tập 2 (Đại cương – Ngữ dụng học – Ngữ pháp văn bản)*, NXB Giáo dục.
- [3]. Đặng Đức Siêu (2005), *Dạy và học từ Hán – Việt ở trường phổ thông* (tái bản lần thứ ba) NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Đinh Trọng Lạc (1998), 99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt, NXB Giáo dục.
- [2]. Đỗ Thị Kim Liên (2002), *Ngữ dụng học*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Tài Cẩn (2000), *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán - Việt*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

Học phần 26. Văn học 1 / Literature 1

- Mã học phần: 142056
- Số tín chỉ: 2TC (18LT; 24BT, TH)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Văn học 1 cung cấp cho các sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học một hệ thống tri thức lý luận cơ bản về lý luận văn học và thi pháp học, góp phần quan trọng hình thành tư duy lý luận cũng như bồi đắp tình yêu, sự rung cảm thẩm mỹ sâu sắc đối với tinh hoa văn hóa dân tộc, tinh hoa văn học nước ngoài.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu biết một cách hệ thống kiến thức cơ bản và kiến thức nền tảng về văn học Việt Nam và thế giới.
- CO2: Áp dụng hệ thống kiến thức về Lý luận văn học và Thi pháp học để hình thành và phát triển được kỹ năng phân tích, tổng hợp. So sánh, đối chiếu và có khả năng lý giải thỏa đáng các hiện tượng văn học. Vận dụng kiến thức để phân tích tác phẩm văn học trên phương diện thi pháp. Vận dụng kiến thức phục vụ học tập và nghiên cứu.
- CO3: Vận dụng sáng tạo các kiến thức để phân tích, lí giải các vấn đề có liên quan đến phân môn Tiếng Việt ở Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học vận dụng những kiến thức lý luận và thi pháp học vào lí giải những hiện tượng văn học trong chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học như: Kể chuyện, đọc hiểu văn bản, hoạt động trải nghiệm...

- CLO2: Kỹ năng nhận diện, tìm hiểu, phân tích tác giả, tác phẩm văn học cụ thể theo từng thể loại văn học. Có kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập. Khả năng thích ứng với yêu cầu dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học.

- CLO3: Kỹ năng nghiên cứu các vấn đề về lí luận và thi pháp học nhằm góp phần vào việc tìm hiểu và lí giải những vấn đề khoa học có liên quan đến kiến thức Tiếng Việt ở Tiểu học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Lý luận văn học	9	12	0	0	0	45
Thi pháp học	9	12	0	0	0	45
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Tham gia thảo luận	Rubric 3,4 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
2	Bài tập cá nhân	Rubric 2 (đánh giá mức độ làm bài tập cá nhân)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
4	Làm bài kiểm tra	Rubric 6 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
5	Viết	Rubric 7 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Hà Minh Đức (chủ biên) (2003), *Lý luận văn học*, NXB Giáo dục.

[2]. Trần Đình Sử (1993), *Một số vấn đề về Thi pháp học hiện đại*, NXB Bộ Giáo dục Đào tạo – Vụ Giáo viên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nhiều tác giả (2001), *Văn học Việt Nam từ 1900–1945*, NXB Giáo dục.

[2]. Lê Bảo, Hà Minh Đức, Đỗ Kim Hồi (1999), *Giảng văn văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục.

[3]. Nguyễn Lộc (1999), *Văn học Việt Nam (Nửa cuối thế kỉ XVIII – Hết thế kỉ XIX)*, NXB Giáo dục.

Học phần 27. Văn học 2 / Literature 2

- Mã học phần: 142002

- Số tín chỉ: 3TC (27LT; 36BT,TH)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Văn học 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về văn học dân gian; văn học viết Việt Nam, văn học thiếu nhi và văn học nước ngoài. Trên cơ sở đó người học có hướng tiếp cận với các khái niệm cơ bản về văn học Việt Nam, văn học nước ngoài cũng như kiến thức về một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu, từ đó người học có thể vận dụng trong quá trình học tập và nghiên cứu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và kiến thức nền tảng về văn học, bao gồm các kiến thức về văn học dân gian, văn học viết Việt Nam, văn học thiếu nhi Việt Nam và văn học thiếu nhi nước ngoài.

- CO2: Hình thành cho người học kỹ năng vận dụng kiến thức để tìm hiểu tác giả, phân tích tác phẩm văn học cụ thể theo từng giai đoạn khác nhau trong học tập, nghiên cứu.

- CO3: Giúp người học vận dụng kiến thức đã học để lí giải một số vấn đề có liên quan đến nội dung môn tiếng Việt trong trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của văn học: văn học dân gian, văn học viết Việt Nam, văn học thiếu nhi Việt Nam và văn học thiếu nhi nước ngoài.

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức để tìm hiểu tác giả, phân tích tác phẩm văn học cụ thể theo từng giai đoạn khác nhau trong học tập, nghiên cứu.

- CLO3: Người học vận dụng kiến thức lí giải một số vấn đề có liên quan đến nội dung môn tiếng Việt trong trường Tiểu học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Văn học dân gian	7	10	0	0	0	35
Hệ thống hóa kiến thức về văn học viết Việt Nam qua các thời kì	8	10	0	0	0	45
Văn học thiếu nhi Việt Nam	8	8	0	0	0	30
Văn học thiếu nhi nước ngoài	4	8	0	0	0	25
Tổng	27	36	0	0	0	135

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
4	Viết	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
5	Làm bài kiểm tra	Rubric 6 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
II. Thi kết thúc học phần				
6	Viết	Rubric 7 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Văn Long (2001), *Đại cương văn học* (Giáo trình), NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lã Thị Bắc Lý (2005), *Giáo trình Văn học trẻ em*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

[2]. Nhiều tác giả (1998), *Văn học dân gian*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Nhiều tác giả (1988), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

Học phần 28. Số học / Arithmetic

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 141055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm hệ thống kiến thức về các tập hợp số: Tập hợp số tự nhiên gồm khái niệm số tự nhiên, quan hệ thứ tự, các phép toán trên tập hợp các số tự nhiên, ghi số và các dấu hiệu chia hết. Lý thuyết chia hết trên tập số nguyên gồm: phép chia hết và chia có dư, ước chung lớn nhất (UCLN), bội chung nhỏ nhất (BCNN), thuật toán Oclit, số nguyên tố cùng nhau, số nguyên tố. Tập hợp số hữu tỷ, tập hợp số hữu tỷ không âm Q_+ : Khái niệm số hữu tỷ, các phép toán trong Q_+ , quan hệ thứ tự trong Q_+ , phân số trong chương trình môn Toán trường Tiểu học, số thập phân vô hạn tuần hoàn, liên phân số hữu hạn. Tập hợp số thực và số phức: khái niệm số thực, số phức; các phép toán trên tập hợp số thực, số phức; dạng lượng giác của số phức, công thức Moavơơ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản liên quan đến: Tập hợp; Tập số tự nhiên; Tập số nguyên; Tập số hữu tỉ; Tập số thực; Tập số phức; Tập hợp tương đương; Tập hợp vô hạn; Tập hợp hữu hạn; Các phép toán trên tập hợp số tự nhiên; Hệ ghi số g- phân và các dấu hiệu chia hết, lý thuyết chia hết trên tập hợp số nguyên, sự mở rộng các tập hợp số.

- CO2: Người học được phát triển các kỹ năng: Kỹ năng nghiên cứu, phân tích và tổng hợp khi giải các bài toán số học cấp Tiểu học, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ Toán thông qua các hoạt động nhóm, kỹ năng sử dụng tài liệu trong môn Toán thông qua việc tìm tòi cách giải các bài toán liên quan đến môn học. Từ đó, vận dụng linh hoạt kiến thức về số học vào việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm, dạy học phân hóa cho học sinh.

- CO3: Vận dụng sáng tạo các kiến thức về Tập hợp; Tập số tự nhiên; Tập số nguyên; Tập số hữu tỉ; Tập số thực; Tập số phức; Tập hợp tương đương;... trong việc học Toán và các hoạt động dạy học môn Toán ở Tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu rõ các kiến thức liên quan về: Tập hợp; Tập số tự nhiên; Tập số nguyên; Tập số hữu tỉ; Tập số thực; Tập số phức.

- CLO2: Vận dụng các kiến thức về các tập hợp số để chứng minh các tính chất của các phép toán, thực hành giải các bài tập về: tập hợp tương đương, hệ ghi số, phép chia hết, chia có dư, ƯCLN, BCNN, biểu diễn số hữu tỷ dưới dạng số thập phân và liên phân số, biểu diễn số phức dưới dạng lượng giác,....

- CLO3: Sử dụng các kiến thức về các tập hợp số để giải thích cơ sở của các kiến thức số học ở tiểu học, góp phần vào việc thực hiện hoạt động dạy học môn Toán ở tiểu học.

- CLO4: Tự học, tự nghiên cứu tài liệu liên quan đến các tập hợp số và các lĩnh vực liên quan khác để nâng cao năng lực nghề nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức DH						
	LT	TL	BT	Thực hành	Khác		TH
Tập hợp tương đương. Tập hợp hữu hạn và tập hợp vô hạn	2	0	1	1			10
Số tự nhiên	3	0	2	0			10
Các phép toán trên tập hợp các số tự nhiên	2	1	2	0			10
Ghi số và các dấu hiệu chia hết	3	0	2	0			12
Phép chia hết và chia có dư	2	0	2	0			8
Ước chung lớn nhất (ƯCLN)	1	0	1	0			6
Số nguyên tố cùng nhau	1	0	2	0			8
Bội chung nhỏ nhất (BCNN)	1	0	2	0			8
Số nguyên tố	2	0	2	0			8
Tập hợp số hữu tỷ không âm Q_+	2	0	3	0			12
Số thập phân	2	0	2	0			11
Số hữu tỷ	3	0	3	0			12
Số thực	1	1	2	0			10
Số phức	2	1	2	0			10
Tổng	27	3	28	5			135

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan, ...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 - CLO4	10%

II. Kiểm tra thường xuyên				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (<i>đánh giá bài thi viết</i>)	CLO1 - CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình, tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Tiến Tài – Nguyễn Hữu Hoan (2001), *Số học*, NXB Giáo Dục.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Diên Hiền – Nguyễn Tiến Tài – Nguyễn Văn Ngọc (1997), *Giáo trình lý thuyết số*, NXB Giáo dục.

[2]. Nguyễn Hữu Hoan (2004), *Lý thuyết số*, NXB Đại học Sư phạm.

Học phần 29. Cơ sở Tự nhiên & Xã hội / Natural & Social Facilities

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 36BT,TH), Tự học: 135

- Mã học phần: 143000

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Cơ sở tự nhiên & xã hội cung cấp những kiến thức cơ bản về 4 chủ đề: (1) Khoa học, bao gồm các kiến thức về đặc điểm chung khái quát về giới thực vật, động vật, một số kiến thức về vật chất và năng lượng thường gặp ảnh hưởng đối với đời sống của con người. (2) Xã hội, bao gồm những kiến thức cơ bản về gia đình, trường học, quê hương. (3) Lịch sử, bao gồm các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu theo dòng thời gian của lịch sử Việt Nam từ buổi đầu dựng nước cho tới nay. (4) Địa lý, bao gồm những kiến thức cơ bản về Trái Đất và Bản đồ, địa lý các châu lục và địa lý Việt Nam. Bên cạnh đó, sinh viên còn được đi thực tế giáo trình môn học để phát triển các kỹ năng gắn lý thuyết với thực tiễn, khám phá tri thức thông qua tham quan thiên nhiên và tìm hiểu những sự kiện khoa học, lịch sử và địa lý.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về về sự trao đổi chất và sự sinh sản ở thực vật, động vật và vật chất, năng lượng; học phân tích được khái quát cơ thể người, nguyên nhân và cách phòng tránh một số bệnh thông thường và tai nạn thường gặp khi ở nhà, ở trường và trên đường cho học sinh. Người học có thể trình bày được các sự vật, hiện tượng và các mối quan hệ địa lý ở Việt Nam và trên thế giới; trình bày được các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch

sử tiêu biểu có hệ thống theo dòng thời gian của lịch sử Việt Nam từ buổi đầu dựng nước cho tới nay. Bên cạnh đó, người học biết được cách thức tổ chức gia đình, trường học, quê hương hiện nay ở địa phương mình;

- CO2: Người học được phát triển các kỹ năng lựa chọn và vận dụng những kiến thức đã học để dạy học các môn TN&XH, khoa học, lịch sử và địa lý ở tiểu học; hoàn thiện kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan; kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học môn TN&XH. Phát triển các kỹ năng gắn lí thuyết với thực tiễn, khám phá tri thức thông qua tham quan thiên nhiên và tìm hiểu những sự kiện khoa học, lịch sử và địa lý.

- CO3: Người học rèn luyện được năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục Tiểu học; có năng lực tự học, tự cập nhật tích lũy kiến thức liên quan đến chương trình ở tiểu học; Có ý thức cập nhật phương pháp, hình thức dạy học mới và thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm; kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nắm được nội dung chương trình, cấu trúc SGK, SGV môn cơ sở tự nhiên và xã hội; Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

- CLO2: Có những tri thức cơ bản về sự trao đổi chất và sự sinh sản ở thực vật, động vật và vật chất, năng lượng; phân tích khái quát cơ thể người, nguyên nhân và cách phòng tránh một số bệnh thông thường và tai nạn thường gặp khi ở nhà, ở trường và trên đường cho học sinh. SV nắm được hệ thống kiến thức cơ bản về các sự vật, hiện tượng tự nhiên xảy ra trên bề mặt Trái Đất và các mối quan hệ địa lý ở Việt Nam và trên thế giới. SV trình bày được các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu tương đối có hệ thống theo dòng thời gian của lịch sử Việt Nam từ buổi đầu dựng nước cho tới nay. Và biết được tổ chức gia đình, trường học, quê hương hiện nay ở địa phương mình.

- CLO3: Rèn luyện các kỹ năng phân tích, đánh giá nội dung môn học; xác định được vị trí nội dung môn học; vận dụng tốt trong dạy học và cuộc sống. Rèn luyện các kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan; kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học môn TN&XH; rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động nhóm cho HS trong quá trình vận dụng phương pháp, hình thức dạy học trong học phần. Rèn luyện các kỹ năng gắn lí thuyết với thực tiễn, khám phá tri thức thông qua tham quan thiên nhiên và tìm hiểu những sự kiện khoa học, lịch sử và địa lý.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung Tự nhiên và xã hội ở trường tiểu học.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn

đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực tự nhiên và xã hội; Từ đó, SV có đủ trình độ chuyên môn và tự tin để trở thành giáo viên sau khi ra trường.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Chủ đề khoa học 1.1. Đặc điểm chung của giới thực vật và vai trò của thực vật đối với tự nhiên và con người. 1.2. Cơ quan dinh dưỡng và cơ quan sinh sản của thực vật 1.3. Động vật 1.4. Vật chất và năng lượng	9	12				45
Chương 2. Chủ đề Địa lí 2.1. Địa lý tự nhiên đại cương 2.2. Khái quát về địa lý các châu lục 2.3. Địa lý Việt Nam	9	12				45
Chương 3. Chủ đề Xã hội 3.1. Gia đình 3.2. Trường học 3.3. Quê hương	3	3				15
Chương 4. Chủ đề Lịch sử 4.1. Buổi đầu dựng nước, giữ nước 4.2. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc. 4.3. Buổi đầu giành độc lập và nhà nước Đại Việt (1010 – 1858) 4.4. Kháng chiến chống thực dân Pháp và cách mạng tháng Tám. 4.5. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. 4.6. Đất nước trên con đường đổi mới.	6	9				30
Chương 5. Chủ đề Thực hành tham quan thiên nhiên, lịch sử và địa lí trên con đường Di sản miền Trung. 5.1. Nội dung học tập tham quan - Về địa lý: tham quan thực tế về thiên nhiên duyên hải miền trung: dãy Trường Sơn, đồng bằng ven biển, địa hình đá vôi; tìm hiểu sơ lược về TP Đà Nẵng, Hội An. - Về lịch sử: Tìm hiểu các di vật triều đại phong kiến nhà Nguyễn qua các công trình kiến trúc, điêu khắc, hội họa, lăng tẩm, viện bảo tàng cổ vật.... 5.2. Các yêu cầu						

- Sau khi học tập, tham quan thực địa về mỗi SV phải có một bài viết thu hoạch. - Số tiết quy định: 10 tiết (tương ứng với 5 ngày, chưa kể 2 ngày đi, về). 5.3 Địa điểm học tập tham quan - Về Địa lý: Phong Nha (Quảng Bình), Lao Bảo (Quảng Trị), TP Huế, TP Đà Nẵng, TP Hội An (Quảng Nam) - Về Lịch sử: Các địa điểm tham quan ở TP Huế: Đại nội, chùa Thiên Mụ, lăng Tự Đức, lăng Khải Định; ở TP Đà Nẵng: Bà Nà, làng nghề Ngũ hành Sơn, Bảo tàng điêu khắc Chăm, Di sản Mỹ Sơn						
Tổng	27	36				135

(Ghi chú: Chương 5 theo lịch trình của phòng Đào tạo; và không tính tiết trong phân phối chương trình dạy của học phần;

Chương 1: BM Sinh học, Khoa KHTN dạy; Chương 2: BM Địa lí, Khoa KHXH dạy; Chương 3,4: BM Lịch sử, Khoa KHXH dạy; Chương 5: GV các BM tham gia)

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề, thực tế giáo trình môn học cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
Thi cuối kỳ (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	
Thực tế giáo trình môn học		Rubric thực hành	CLO 2,3,4,5	Xét điều kiện thi cuối kỳ

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 05 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Sinh viên phải hoàn thành thực tế giáo trình môn học mới đủ điều kiện được dự thi cuối kỳ.

- Sau khi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

-SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Lê Văn Trường (chủ biên); *TN & XH và PPDHTN & XH ở Tiểu học (tập 1)*, NXB Giáo dục 2007.

[2]. Bùi Phương Nga (chủ biên); *PPDHTN & XH ở Tiểu học*, NXB Giáo dục 2007.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *SGK, SGV Tự nhiên-Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí các lớp 1, 2, 3, 4, 5*.

[2]. Nguyễn Quang Mai (chủ biên), *Sinh lí học người và động vật*, NXB Khoa học kỹ thuật Hà Nội 2004.

[3]. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB giáo dục năm 2000.

[4]. Hoàng Thị Sản, Trần Văn Ba, *Hình thái giải phẫu học thực vật*, NXB Giáo dục, Hà Nội 2001.

[5]. Nguyễn Trọng Hiếu (chủ biên), *Địa lý tự nhiên đại cương 1* – NXB ĐHSP Hà Nội 2006.

[6]. Mạng Internet: trang website: <http://www.google.com.vn> ; <http://www.gso.gov.vn>.

Học phần 30. Tiếng Việt tự chọn 1 / Vietnamese Language Optional 1 (Chọn 1 trong 2 học phần)

a) Rèn luyện kỹ năng sử dụng Tiếng Việt / Practice Vietnamese Skills

- Mã học phần: 145161

- Số tín chỉ: 3TC (27LT; 36BT, TH)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp khái quát những kiến thức cơ bản về các nội dung của học phần. Cụ thể: Kỹ năng đọc (bao gồm nội dung, mục tiêu của việc rèn kỹ năng đọc; các hình thức đọc); kỹ năng nghe – nói (bao gồm nội dung, mục tiêu của việc rèn luyện kỹ năng nghe – nói; các hình thức

nghe – nói; kĩ năng viết chữ (bao gồm nội dung, mục tiêu của việc rèn luyện kĩ năng viết chữ thường, chữ hoa, chữ số); kĩ năng tạo lập văn bản (bao gồm nội dung, mục tiêu của việc rèn luyện kĩ năng viết văn bản; các kiểu văn bản dạy ở Tiểu học); Kĩ năng kể chuyện (bao gồm nội dung mục tiêu của rèn luyện kĩ năng kể chuyện; các thể loại truyện ở Tiểu học); Kĩ năng dùng từ đặt câu (bao gồm nội dung, mục tiêu của việc dùng từ, đặt câu; phát hiện và chữa lỗi sai về từ và câu; đồng thời giúp người học rèn luyện các kĩ năng này vận dụng trong dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học và trong giao tiếp.

Học phần trang bị và rèn luyện cho sinh viên kĩ năng tổ chức các hoạt động: đọc, viết, kể chuyện, nói và nghe tương tác trong dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học một cách hệ thống kiến thức cơ bản và kiến thức nền tảng về ngôn ngữ tiếng Việt.

- CO2: Hình thành cho người học khả năng vận dụng kiến thức để phân tích các kĩ năng trong dạy học môn Tiếng Việt ở các lớp 1,2,3,4,5.

- CO3: Người học vận dụng kiến thức, lí giải các kĩ năng sử dụng tiếng Việt trong môn Tiếng Việt ở trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu biết một cách hệ thống kiến thức cơ bản và kiến thức nền tảng về ngôn ngữ tiếng Việt.

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức để phân tích các hoạt động dạy học đối với các kĩ năng trong dạy học môn Tiếng Việt ở các lớp 1,2,3,4,5.

- CLO3: Người học vận dụng kiến thức, lí giải các kĩ năng sử dụng tiếng Việt trong môn Tiếng Việt ở trường Tiểu học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Luyện kĩ năng đọc	6	6	0	0	0	23
Luyện kĩ năng viết chữ	5	6	0	0	0	22
Luyện kĩ năng viết văn bản	5	6	0	0	0	23
Luyện kĩ năng nghe-nói	4	6	0	0	0	22
Luyện kĩ năng kể chuyện	4	6	0	0	0	22
Luyện kĩ năng phát hiện lỗi dùng từ, đặt câu	3	6	0	0	0	23
Tổng	27	36	0	0	0	135

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
4	Viết	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
5	Làm bài kiểm tra	Rubric 6 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
6	Viết	Rubric 7 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Đào Ngọc, Nguyễn Quang Ninh (2002) - *Rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt*, NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lê Phương Nga, Nguyễn Trí (1999), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học*, NXB ĐHQG Hà Nội I.

[2]. SGK và Sách giáo viên *Tiếng Việt*, từ lớp 1 đến lớp 5. NXB Giáo dục Việt Nam.

b) Tiếng Việt thực hành / Vietnamese Practice

- Mã học phần: 142101
- Số tín chỉ: 2TC (18LT; 24BT,TH)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức chung về giao tiếp, văn bản, về kỹ năng dùng từ, đặt câu, tạo lập đoạn văn, văn bản, cách phát hiện và sửa lỗi sai về dùng từ, đặt câu, xây dựng đoạn văn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức khái quát về giao tiếp, văn bản, về từ, câu, đoạn văn, văn bản, cách phát hiện và sửa lỗi sai về dùng từ, đặt câu, xây dựng đoạn văn.
- CO2: Hình thành cho người học kỹ năng tạo lập, phân tích văn bản, kỹ năng dùng từ, đặt câu, tạo lập đoạn văn, kỹ năng phát hiện và sửa lỗi về từ, câu, đoạn văn, kỹ năng hướng dẫn cho học sinh tiểu học kỹ năng giao tiếp, xây dựng, phân tích văn bản.
- CO3: Giúp người học vận dụng kiến thức đã học để dạy kiến thức tiếng Việt trong chương trình tiếng Việt ở trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản về giao tiếp, văn bản, về từ, câu, đoạn văn, văn bản, cách phát hiện và sửa lỗi sai về dùng từ, đặt câu, xây dựng đoạn văn.
- CLO2: Người học vận dụng kiến thức để có kỹ năng tạo lập, phân tích văn bản, kỹ năng dùng từ, đặt câu, tạo lập đoạn văn, kỹ năng phát hiện và sửa lỗi về từ, câu, đoạn văn, kỹ năng hướng dẫn cho học sinh tiểu học kỹ năng giao tiếp, xây dựng, phân tích văn bản.
- CLO3: Người học vận dụng kiến thức đã học để dạy kiến thức tiếng Việt trong chương trình tiếng Việt ở trường Tiểu học.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Giao tiếp và văn bản	5	4	0	0	0	20
Giản yếu về đoạn văn	4	5	0	0	0	30
Giản yếu về câu tiếng Việt	5	8	0	0	0	20
Lựa chọn từ ngữ	4	7	0	0	0	20
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Viết	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
4	Làm bài kiểm tra	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
5	Viết	Rubric 6 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2003) *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục – Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lê A, *Giáo trình Tiếng Việt thực hành B*, (2001), NXB Giáo dục.

[2]. Vương Hữu Lễ và Đinh Xuân Quỳnh (2003) *Tiếng Việt thực hành*, NXB Thuận Hóa, Huế.

[3]. Bùi Minh Toán và Nguyễn Quang Ninh (2004) *Tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHSP.

[4]. Trần Ngọc Thêm, *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, (2000), NXBGD.

Học phần 31. Toán học tự chọn 2 / Maths Optional 2 (Chọn 1 trong 2 học phần)

a) Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học Tiểu học / Means of Technical Teaching and Applications of Information Technology in Primary Education

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 30 TL, 06 TH)
- Mã học phần: 141040
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán.
- Điều kiện tiên quyết: Toán học tự chọn 1.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu một số thiết bị phương tiện kỹ thuật hỗ trợ dạy học hiện đại, một số phần mềm toán học hỗ trợ dạy học ở tiểu học. Thực hành thiết kế giáo án điện tử trong dạy học ở tiểu học bằng các phần mềm Power point, phần mềm Violet,...Cách khai thác trao đổi thông tin qua mạng Internet.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở, đại cương về phương tiện KTDH và ứng dụng CNTT trong dạy học tiểu học, làm điều kiện tiên quyết để người học có đủ kiến thức để lập kế hoạch và tổ chức: hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm, dạy học phân hóa, hòa nhập và đánh giá người học; thiết kế kế hoạch dạy học, các chủ đề dạy học tích hợp liên môn phát triển năng lực học sinh.

- CO2: Hình thành và phát triển năng lực phân tích, phát triển tư duy tổng hợp cho người học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học trường Tiểu học.

-CO3: Giúp người học biết lựa chọn, vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học và hình thức dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững khái niệm, tác dụng, cách sử dụng của một số thiết bị và phương tiện dạy học hiện đại trong quá trình dạy học ở tiểu học.

- CLO2: Hiểu rõ vai trò, tác dụng, cách khai thác và sử dụng của một số phần mềm có tác dụng hỗ trợ dạy học ở tiểu học như: Equation Editor, Excel, Draw và Paint, Power point...

- CLO3: Thiết kế và sử dụng một số giáo án điện tử bằng cách vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phần mềm có tác dụng hỗ trợ dạy học ở tiểu học.

- CLO4: Khai thác và tìm kiếm thông tin trên mạng Internet, trao đổi thông tin qua mạng thành thạo.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương I: Giới thiệu một số thiết bị PTKT hỗ trợ dạy học hiện đại	7	8	0	0	0	34
Chương II: Khái niệm về phần mềm DH và giới thiệu một số	7	7	0	2	0	34

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
phần mềm DH						
Chương III: Thực hành soạn giáo án điện tử	7	5	3	3	0	39
Chương IV: Khai thác trao đổi thông tin qua mạng Internet	6	6	1	1	0	28
Tổng	27	26	4	6	0	135

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	CLO1	30%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đáp án, thang điểm	CLO2	
3	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3, CLO4	
4	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Vấn đáp – Thực hành	Đáp án, thang điểm	CLO1, CLO2, CLO5	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp – Thực hành	Đáp án, thang điểm	CLO1- CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/chính:

[1]. Đào Thái Lai (Chủ biên) (2006), *Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Dương Minh Hoàng Nhân – Đức Hùng (2007), *Hướng dẫn thực hành từng bước với Power Point*, NXB Hải Phòng.

[2]. Hồ Cẩm Hà (2020), *Hướng dẫn dạy học môn Tin học và Công nghệ*, NXB ĐHSP, Hà Nội

[3]. Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, *Sách giáo khoa ở tiểu học*, theo chương trình giáo dục phổ thông mới, 2018, NXB GD.

b) Xác suất và thống kê toán / Probability and Statistics

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 30 TL, 06 TH)

- Mã học phần: 141065

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán.

- Điều kiện tiên quyết: Toán học tự chọn 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Cung cấp các kiến thức về Xác suất và thống kê. Trong đó, phần Xác suất đưa ra các khái niệm: xác suất theo tần suất, xác suất hình học; xác suất nhị thức; xác suất điều kiện; biến ngẫu nhiên rời rạc, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên rời rạc; phân phối chuẩn, phân phối nhị thức, phân phối poisson, phân phối hình học,... cùng các tính chất, định lý và các công thức có liên quan. Phần Thống kê trình bày các kiến thức về ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê; các yếu tố thống kê trong dạy học môn Toán ở tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở, đại cương về xác suất và thống kê toán, làm điều kiện tiên quyết để người học có đủ kiến thức để tiếp thu những môn Toán cơ sở khác cũng như các học phần Toán thuộc kiến thức chuyên ngành Tiểu học.

- CO2: Hình thành và phát triển năng lực phân tích, phát triển tư duy tổng hợp cho người học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học trường Tiểu học.

- CO3: Giúp người học biết lựa chọn, vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học và hình thức dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu rõ các khái niệm về xác suất, thống kê. Nắm vững các tính chất, công thức liên quan.

- CLO2: Vận dụng các kiến thức về tổ hợp, nhị thức Newton, lý thuyết xác suất, biến cố ngẫu nhiên độc lập, các công thức về xác suất,... để tính xác suất của một biến cố, xác suất điều kiện, xác suất nhị thức, số lớn nhất trong phân phối nhị thức.

- CLO3: Vận dụng các kiến thức về biến ngẫu nhiên rời rạc để ước lượng xác suất của một biến ngẫu nhiên trong phân phối nhị thức, kiểm định kỳ vọng của biến ngẫu nhiên trong phân phối chuẩn và giải các bài toán về kì vọng và phương sai của biến ngẫu nhiên.

- CLO4: Sử dụng các kiến thức về xác suất và thống kê toán vào dạy học các yếu tố thống kê trong môn Toán ở trường Tiểu học.

- CLO5: Nghiên cứu khoa học và làm việc độc lập.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương I: Các kiến thức bổ trợ	2	0	1	0	0	10
Chương II: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất	8	0	9	2	0	43
Chương III: Biến ngẫu nhiên	8	0	11	2	0	43
Chương IV: Thống kê Toán	9	0	9	2	0	39
Tổng	27	0	30	6	0	135

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	CLO1	30%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đáp án, thang điểm	CLO2	
3	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3, CLO4	
4	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết tự luận	Đáp án, thang điểm	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết tự luận	Đáp án, thang điểm	CLO1- CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/chính:

[1]. Phạm văn Kiều (1998), *Xác suất thống kê (Giáo trình đào tạo giáo viên tiểu học)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Duy Tiên – Vũ Viết Yên (2000), *Lý thuyết Xác suất*, NXB Giáo Dục.

[2]. Đào Hữu Hồ (2001), *Xác suất thống kê*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[3]. Vũ Viết Yên (2006), *Bài tập Lý thuyết xác suất*, NXB ĐHSP.

Học phần 32. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học / Methods of Teaching Vietnamese in Primary School

- Mã học phần: 142025
- Số tín chỉ: 4TC (36LT; 48BT, TH)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Văn học 2, Tiếng Việt 2.

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức lí thuyết cơ bản về Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học, như: Cơ sở khoa học, đối tượng, nhiệm vụ, chương trình, sách giáo khoa; các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức quá trình dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học.

Học phần trang bị và rèn luyện cho sinh viên kĩ năng thực hành thiết kế các hoạt động dạy học: đọc, viết, nói và nghe tương tác trong dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học một cách hệ thống kiến thức cơ bản và kiến thức nền tảng về phương pháp dạy học, bao gồm những vấn đề chung của Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học và phương pháp dạy học các kĩ năng, hoạt động trong các bài học Tiếng Việt ở Tiểu học.

- CO2: Hình thành cho người học kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích các hoạt động dạy học đối với môn Tiếng Việt ở các lớp 1,2,3,4,5.

- CO3: Giúp người học vận dụng kiến thức đã học để lí giải quy trình tổ chức các hoạt động dạy học môn Tiếng Việt trong trường Tiểu học và một số vấn đề có liên quan đến môn Tiếng Việt trong trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu biết một cách hệ thống kiến thức cơ bản và kiến thức nền tảng về phương pháp dạy học môn Tiếng Việt.

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức để phân tích các hoạt động dạy học đối với môn Tiếng Việt ở các lớp 1,2,3,4,5.

- CLO3: Người học vận dụng kiến thức, lí giải quy trình tổ chức các hoạt động dạy học môn Tiếng Việt trong trường Tiểu học và những vấn đề có liên quan đến môn tiếng Việt trong trường Tiểu học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, nhiệm vụ của PPDHTV	3	3	0	0	0	12
Cơ sở khoa học của PPDHTV	2	4	0	0	0	12
Môn Tiếng Việt ở trường Tiểu học	2	4				12
Chương trình, sách giáo khoa Tiếng Việt ở Tiểu học	3	2	0	0	0	12
Nguyên tắc dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	2	4	0	0	0	12
Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	3	2	0	0	0	12
Hình thức kiểm tra, đánh giá môn Tiếng Việt ở Tiểu học	3	3	0	0	0	12
Phương pháp dạy Học văn	3	4	0	0	0	14
Phương pháp dạy Tập viết	2	4	0	0	0	12
Phương pháp dạy Tập đọc	3	4	0	0	0	14
Phương pháp dạy Chính tả	2	3	0	0	0	14
Phương pháp dạy Luyện từ và câu	3	3	0	0	0	14
Phương pháp dạy Tập làm văn	3	4	0	0	0	14
Phương pháp dạy Kể chuyện	2	4	0	0	0	14
Tổng	36	48	0	0	0	180

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
4	Viết	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	
5	Viết	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	

II. Kiểm tra giữa kỳ				
6	Làm bài kiểm tra	Rubric 6 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
7	Viết	Rubric 7 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Lê Phương Nga (Chủ biên), Lê A, Đặng Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo (2009), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I* (Giáo trình dành cho CT đào tạo cử nhân GDTH hệ từ xa), NXB ĐHSP, Hà Nội.

[2]. Lê Phương Nga (2012) *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học II* (Giáo trình dành cho CT đào tạo cử nhân GDTH hệ từ xa), NXB ĐHSP, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lê Phương Nga, Đặng Kim Nga (2005), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học* ((Dự án phát triển GV Tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo), NXB ĐHSP, Hà Nội.

[2]. SGK và Sách giáo viên *Tiếng Việt*, từ lớp 1 đến lớp 5, NXB Giáo dục Việt Nam.

Học phần 33. Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học / Methods of Teaching Mathematics in Elementary School

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TL)

- Mã học phần: 141025

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán.

- Điều kiện tiên quyết: Số học, Toán học tự chọn 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Cung cấp những vấn đề chung về PPDH Toán ở tiểu học: Khái quát chung về bộ môn PPDH Toán ở trường Sư phạm; Mục tiêu, nội dung, PPDH, phương tiện, kế hoạch và đánh giá trong dạy học môn toán ở tiểu học. Đồng thời vận dụng PPDH vào dạy các nội dung cụ thể trong chương trình môn toán ở tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu biết các vấn đề cơ bản về lí luận dạy học môn toán ở tiểu học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

- CO2: Hiểu sâu sắc mục tiêu, nội dung, PPDH, chương trình và nguyên tắc dạy học môn Toán ở tiểu học.

- CO3: Áp dụng những kiến thức về lí luận dạy học và chương trình môn Toán ở tiểu học để tìm hiểu, phân tích chương trình, sách giáo khoa môn Toán cấp tiểu học.

- CO4: Vận dụng sáng tạo các kiến thức lí luận dạy học toán vào hoạt động thiết kế và thực hiện kế hoạch dạy học môn Toán ở tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

- CO5: Phát triển năng lực chuẩn đoán, đánh giá, tư vấn và phát triển chương trình.

- CO6: Phát triển kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp xử lý các tình huống trong dạy học toán ở tiểu học. Phát triển năng lực tự học và phát triển bản thân.

- CO7: Hình thành kỹ năng sử dụng tài liệu dạy học môn Toán ở tiểu học; sử dụng CNTT trong việc tìm kiếm thông tin; tìm hiểu và nghiên cứu vấn đề về dạy học toán ở tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững các PP nghiên cứu của khoa học PPDH toán ở tiểu học; mục tiêu, nội dung chương trình, SGK môn Toán ở tiểu học; các PPDH thường dùng trong dạy học Toán ở tiểu học; các kiến thức về đánh giá kết quả hoạt động học tập môn toán cho học sinh tiểu học.

- CLO2: Hiểu rõ các kiến thức về thiết kế và thực hiện kế hoạch dạy học môn Toán ở tiểu học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho HS.

- CLO3: Thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn toán ở tiểu học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh.

- CLO4: Vận dụng các phương pháp, hình thức, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của người học trong dạy học môn toán ở tiểu học.

- CLO5: Vận dụng PP nghiên cứu của khoa học PPDH toán ở tiểu học và những hiểu biết về ND, chương trình, SGK môn Toán để thực hiện các nghiên cứu về giáo dục môn Toán ở tiểu học.

- CLO6: Sử dụng CNTT trong việc tìm kiếm thông tin, thiết kế giáo án điện tử và thực hiện kế hoạch dạy học môn toán ở tiểu học.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng và nhiệm vụ của bộ môn PPDH toán TH.	1	0	0	0	0	2
Cơ sở khoa học và những khoa học có liên quan đến PPDH môn toán TH.	1	0	0	0	0	2
PP nghiên cứu của khoa học PPDH toán TH.	1	0	0	0	0	2
Mục tiêu dạy học môn toán ở trường TH.	1	0	0	0	0	2
Thực hiện nguyên lí giáo dục trong DH toán ở tiểu học.	1	0	0	0	0	2
Nội dung dạy học Toán ở trường tiểu học.	2	1	0	0	0	4
PPDH môn toán ở trường tiểu học.	2	1	0	0	0	4
Phương tiện dạy học toán.	1	0	0	0	0	5
Đánh giá trong dạy học Toán ở tiểu học.	1	0	0	0	0	5
Kế hoạch dạy học toán.	2	0	0	0	0	4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
DH Số và Phép tính ở tiểu học.	8	1	10	1	6	50
DH Đại lượng và Đo đại lượng ở tiểu học.	2	0	3	0	3	18
DH Yếu tố Thống kê ở TH.	1	0	1	0	0	5
DH Yếu tố hình học ở TH	2	0	3	0	3	18
DH Giải toán có lời văn ở tiểu học.	1	0	3	0	2	12
Tổng	27	2	20	0	14	135

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát hiện và giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm; Hoạt động trải nghiệm...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO8 CLO9	5%
2	Bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	Rubric 2 (đánh giá bài tập nhóm / thảo luận nhóm)	CLO4 CLO5 CLO6CLO7 CLO9	25%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đáp án, thang điểm	CLO3 CLO4 CLO5CLO8	
4	Bài tập cá nhân	Rubric 3 (đánh giá bài tập cá nhân)	CLO6CLO4 CLO5 CLO8	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
5	Viết tự luận	Đáp án, thang điểm	CLO3CLO4 CLO5 CLO8	20%
III. Thi kết thúc học phần				
6	Vấn đáp	Rubric 4 (đánh giá bài thi vấn đáp)	CLO2CLO3CLO4 CLO5 CLO1 CLO8	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Thanh Hưng (2009), PPDH môn Toán ở tiểu học, NXB Giáo dục Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2014), *Lý luận dạy học hiện đại*, NXB ĐHSP.
- [2]. Đỗ Hoàng Mai - Lương Thị Thu Thủy - Lê Phương Chi - Nguyễn Thị Quyên (2019), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm môn Toán ở tiểu học*, NXB Thanh Hóa.
- [3]. Trần Ngọc Lan (2011), *Giáo trình phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học*, NXB ĐHSP.
- [4]. Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, *Sách giáo khoa Toán, Vở bài tập Toán ở tiểu học, theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, 2018, NXB GD.

Học phần 34. Rèn kỹ năng giải toán Tiểu học / Forging Primary School Math Skills

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 141030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán.
- Điều kiện tiên quyết: PPDH Toán ở tiểu học, Toán học tự chọn 1

1. Mô tả học phần

Cung cấp cơ sở lí luận của việc dạy học giải bài tập toán ở tiểu học; các phương pháp thường dùng trong giải toán tiểu học. Đồng thời vận dụng các phương pháp giải toán vào giải và hướng dẫn học sinh tiểu học giải các dạng toán điển hình; các dạng toán cụ thể trong chương trình môn toán ở tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu sâu sắc các vấn đề cơ bản về lí luận của việc dạy học giải bài tập toán ở tiểu học; khái niệm các phương pháp thường dùng trong giải toán tiểu học, các bước giải toán khi dùng các phương pháp giải toán đó.

- CO2: Áp dụng các phương pháp thường dùng trong giải toán tiểu học để nhận dạng bài toán; cách trình bày lời giải.

- CO3: Vận dụng các phương pháp thường dùng trong giải toán tiểu học để giải và hướng dẫn học sinh giải toán.

- CO4: Vận dụng sáng tạo các phương pháp thường dùng trong giải toán tiểu học vào việc thực hiện kế hoạch dạy học môn Toán ở tiểu học

- CO5: Phát triển kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp xử lý các tình huống trong dạy học giải toán ở tiểu học. Phát triển năng lực tự học và phát triển bản thân.

- CO6: Hình thành kỹ năng sử dụng tài liệu dạy học môn Toán ở tiểu học; sử dụng CNTT trong việc tìm kiếm thông tin; tìm hiểu và nghiên cứu vấn đề về giải toán ở tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu rõ các khái niệm về bài toán, cấu trúc bài toán, giải toán, cách phân loại các dạng bài toán ở tiểu học.

- CLO2: Nắm vững khái niệm, các bước giải của các phương pháp giải toán ở tiểu học.

- CLO3: Vận dụng PP tư duy toán học và các phương pháp giải toán ở tiểu học để giải, hướng dẫn HS tiểu học giải bài toán.

- CLO4: Biết sử dụng tài liệu dạy học môn Toán ở tiểu học; sử dụng CNTT trong việc tìm kiếm thông tin; tìm hiểu và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến giải toán ở tiểu học.

- CLO5: Giao tiếp, xử lý các tình huống trong dạy học giải toán ở tiểu học, có ý thức tự học, tự nghiên cứu để nâng cao năng lực nghề nghiệp.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đại cương về DH giải toán ở tiểu học.	1	1	1	0	1	9
Các bài toán điển hình ở tiểu học.	2	1	2	0	1	10
PP dùng sơ đồ đoạn thẳng.	3	0	2	0	1	10
PP chia tỉ lệ.	2	0	3	0	1	10
PP rút về đơn vị và PP tỉ số.	3	0	2	0	0	10
PP thử chọn.	2	0	2	0	0	10
PP thay thế.	2	0	2	0	0	8
PP đại số.	2	0	2	0	0	8
PP khử.	2	0	1	0	1	8
PP giả thiết tạm.	1	0	2	0	0	10
PP tính ngược từ cuối.	2	0	2	0	1	10
PP đồ thị.	1	0	2	0	0	10
PP sử dụng nguyên lí Đê-rích-lê.	2	0	2	0	0	10
PP diện tích.	2	0	2	0	1	12
Tổng	27	2	27	0	7	135

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát hiện và giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm; Hoạt động trải nghiệm...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO9 CLO10	5%
2	Bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	Rubric 2 (đánh giá bài tập nhóm / thảo luận nhóm)	CLO6 CLO7 CLO9	25%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đáp án, thang điểm	CLO3 CLO4 CLO5CLO7 CLO8	
4	Bài tập cá nhân	Rubric 3 (đánh giá bài tập cá nhân)	CLO3 CLO4 CLO5 CLO8	

II. Kiểm tra giữa kỳ				
5	Viết tự luận	Đáp án, thang điểm	CLO3CLO4 CLO5 CLO8	20%
III. Thi kết thúc học phần				
6	Vấn đáp	Rubric 4 (<i>đánh giá bài thi vấn đáp</i>)	CLO2CLO3CLO4 CLO5 CLO6 CLO8	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Trần Diên Hiền, *Rèn kỹ năng giải toán Tiểu học*, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2008.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Đỗ Trung Hiệu, Vũ Dương Thụy (1999), *Các Phương pháp giải toán ở Tiểu học*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Đỗ Trung Hiệu, Nguyễn Hùng Quang, Kiều Đức Thành (2000), *Phương pháp dạy học toán tập hai (phần thực hành giải toán) - Giáo trình đào tạo giáo viên Tiểu học hệ CĐSP*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, *Sách giáo khoa Toán, Vở bài tập Toán ở tiểu học*, theo chương trình giáo dục phổ thông mới 2018, NXB GD.

Học phần 35. Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội / Natural and Social Sciences Teaching Methods

- Số tín chỉ: 04 (36LT, 48BT, TH)

- Mã học phần: 125900

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử.

- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở tự nhiên và xã hội

1. Mô tả học phần

Phương pháp DHTN và XH là học phần bắt buộc thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học, trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận chung về phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học: Giới thiệu nội dung, chương trình, sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý; Tìm hiểu các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đặc trưng môn Tự nhiên và Xã hội; kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn TN&XH, Khoa học, Lịch sử và Địa lý; Hướng dẫn cho sinh viên vận dụng hệ thống phương pháp phù hợp giảng dạy các môn TN&XH, Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV có những kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận chung về phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng được các phương pháp, hình thức DH đặc trưng để xây dựng kế hoạch và tổ chức bài học môn TN-XH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

- CO3: SV có ý thức cập nhật phương pháp, hình thức dạy học mới và thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm; Yêu nghề, đam mê sáng tạo để nâng cao hiệu quả bài học; Tự tin, có tinh thần hợp tác và biết giải quyết các tình huống sư phạm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được mục tiêu, nội dung chương trình mới, cấu trúc SGK môn TN-XH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

- CLO2: Phân tích được cơ sở xác định PP cho BH (các thành tố của quá trình DH). Từ đó, SV xác định và trình bày được các hình thức và phương pháp dạy học đặc trưng (bao gồm cả hệ thống phương pháp truyền thống và hiện đại) khi tiến hành bài học môn TN và XH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

- CLO3: Trình bày được quy trình và phương pháp đánh giá theo hướng đổi mới để vận dụng vào môn học;

- CLO4: Vận dụng được các phương pháp, hình thức DH đặc trưng để xây dựng kế hoạch và tổ chức bài học môn TN-XH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

- CLO5: SV hình thành và phát triển các kỹ năng vận dụng hiệu quả các kiến thức liên quan (chương trình, các thành tố tác động đến quá trình DH, hệ thống phương pháp, yêu cầu về xây dựng giáo án...) để thiết kế kế hoạch dạy học.

-CLO6: SV có kỹ năng lựa chọn và tổ chức các hình thức, phương pháp DH phù hợp với các bài học của môn học; Kỹ năng tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực của HS; phát triển các kỹ năng chung: Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, xử lý tình huống, kỹ năng tự học...

- CLO7: SV có ý thức cập nhật phương pháp, hình thức dạy học mới và thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm; Yêu nghề, đam mê sáng tạo để nâng cao hiệu quả bài học; Trách nhiệm, tự tin, có tinh thần hợp tác và biết giải quyết các tình huống sư phạm.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Một số vấn đề lý luận chung	2	1	0	0	0	10
Nội dung 2: Một số phương pháp dạy học đặc trưng các môn TN-XH, khoa học, lịch sử và địa lí ở tiểu học	2	2	0	0	0	10
Nội dung 3: Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học hiện đại sử dụng	3	2	0	0	0	10

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
trong môn TN-XH, khoa học, lịch sử và địa lý ở tiểu học						
Nội dung 4:Đánh giá trong dạy học các môn TN-XH, khoa học, lịch sử và địa lí ở tiểu học (2,3)	2	3	0	0	0	10
Nội dung 5:Hướng dẫn dạy học chủ đề <i>Gia đình</i> môn TN-XH (lớp 1,2,3)	2	1	0	1	0	15
Nội dung 6: Hướng dẫn dạy học chủ đề <i>Trường học</i> môn TN-XH (lớp 1,2,3)	2	1	0	1		15
Nội dung 7: Hướng dẫn dạy học chủ đề Chủ đề <i>Cộng đồng địa phương</i> môn TN-XH (lớp 1,2,3)	2	2	0	1		15
Nội dung 8: Hướng dẫn dạy học bài học <i>Lịch sử</i> của môn Lịch sử và Địa lý (lớp 4,5)	3	6	0	3		20
Nội dung 9. Hướng dẫn dạy học các bài có nội dung địa lý của môn TN-XH (lớp 1,2,3)	6	3	0	3		15
Nội dung 10. Hướng dẫn dạy học các bài về chủ đề Địa lý của môn Lịch sử và địa lý (lớp 4,5)	9	3	0	3		15
Nội dung 11. Hướng dẫn dạy học các bài về Con người và sức khỏe	3	2	0	1		10
Nội dung 12: Hướng dẫn dạy học chủ đề Thực vật (2,3)	2	2	0	1		10
Nội dung 13. Hướng dẫn dạy học chủ đề động vật	1	2	1	1		10
Nội dung 14: Hướng dẫn dạy học chủ đề vật chất và năng lượng	3	2	0	1		10
Tổng	36	33	0	15	0	135

5. Hình thức dạy học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng đồ dùng trực quan, sử dụng công nghệ thông tin, đóng vai, thảo luận... Đặc biệt chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm với các kỹ thuật dạy học hiện đại như nhóm chuyên gia, bẻ cá, mảnh ghép, theo góc, kỹ thuật 3-2-1...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO7	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO 4,5,6,7	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO 2,3,4,5,6	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO2,3,4,5,6,7	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	- Đề và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 05 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Lê Văn Trường (chủ biên), TN-XH và PPDH TN-XH ở tiểu học(tập 1,2), NXB giáo dục 2007.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[2]. Robert J. Marzano (2013), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, NXB Giáo dục Việt Nam.

Học phần 36. Đạo đức và PPDH Đạo đức ở Tiểu học / Morality and Teaching Methods of Marals at Primary School

- Số tín chỉ: 2 (18LT, 24BT,TH)

- Mã học phần: **143060**

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Triết học Mác-Lênin.

1. Mô tả học phần:

Học phần ĐĐ&PPDH môn ĐĐ ở Tiểu học gồm 2 phần: Đạo đức học và Phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu học. Phần Đạo đức học trình bày nguồn gốc, bản chất, chức năng, nhiệm vụ của Đạo đức học; các phạm trù cơ bản của đạo đức học Mác – Lênin; nội dung yêu cầu đạo đức mới trong quan hệ gia đình, bạn bè, tình bạn, tình yêu, học tập, giao tiếp; các giá trị đạo đức truyền thống, đạo đức Hồ Chí Minh cần gìn giữ và phát huy. Phần Phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu học trình bày vị trí, vai trò, nhiệm vụ, mục tiêu, đặc điểm của môn đạo đức ở Tiểu học; hệ thống các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập môn đạo đức ở bậc tiểu học; cách thức xây dựng kế hoạch bài dạy môn đạo đức ở bậc Tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất, chức năng, nhiệm vụ của Đạo đức học; các phạm trù cơ bản của đạo đức học Mác – Lênin; nội dung yêu cầu đạo đức mới trong quan hệ gia đình, bạn bè, tình bạn, tình yêu, học tập, giao tiếp; các giá trị đạo đức truyền thống, đạo đức Hồ Chí Minh cần gìn giữ và phát huy; vị trí, vai trò, nhiệm vụ, mục tiêu, đặc điểm của môn đạo đức ở Tiểu học; hệ thống các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học, đánh giá kết quả học tập môn đạo đức ở bậc tiểu học; cách thức xây dựng kế hoạch bài dạy môn đạo đức ở bậc Tiểu học

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng được các phương pháp, hình thức DH đặc trưng để xây dựng kế hoạch và tổ chức bài học môn đạo đức ở bậc Tiểu học

- CO3: Xây dựng cho sinh viên ý thức cập nhật phương pháp, hình thức dạy học mới và thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm; Yêu nghề, đam mê sáng tạo để nâng cao hiệu quả bài học; Tự tin, có tinh thần hợp tác và biết giải quyết các tình huống sư phạm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên trình bày được về nguồn gốc, bản chất, chức năng, nhiệm vụ của Đạo đức học; các phạm trù cơ bản của đạo đức học Mác – Lênin; nội dung yêu cầu đạo đức mới trong quan hệ gia đình, bạn bè, tình bạn, tình yêu, học tập, giao tiếp; các giá trị đạo đức truyền thống, đạo đức Hồ Chí Minh cần gìn giữ và phát huy; vị trí, vai trò, nhiệm vụ, mục tiêu, đặc điểm của môn đạo đức ở Tiểu học; hệ thống các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học, đánh giá kết quả học tập môn đạo đức ở bậc tiểu học; cách thức xây dựng kế hoạch bài dạy môn đạo đức ở bậc Tiểu học

- CLO2: Phân tích được cơ sở xác định PP cho BH (các thành tố của quá trình DH). Từ đó, SV xác định và trình bày được các hình thức và phương pháp dạy học đặc trưng (bao gồm cả hệ thống phương pháp truyền thống và hiện đại) khi tiến hành bài học môn Đạo đức ở Tiểu học.

- CLO3: Trình bày được quy trình và phương pháp đánh giá theo hướng đổi mới để vận dụng vào môn học;

- CLO4: Vận dụng được các phương pháp, hình thức DH đặc trưng để xây dựng kế hoạch và tổ chức bài học môn Đạo đức ở Tiểu học.

- CLO5: SV hình thành và phát triển các kỹ năng vận dụng hiệu quả các kiến thức liên quan (chương trình, các thành tố tác động đến quá trình DH, hệ thống phương pháp, yêu cầu về xây dựng giáo án...) để thiết kế kế hoạch dạy học.

-CLO6: SV có kỹ năng lựa chọn và tổ chức các hình thức, phương pháp DH phù hợp với các bài học của môn học; Kỹ năng tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực của HS; phát triển các kỹ năng chung: Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, xử lý tình huống, kỹ năng tự học...

- CLO7: SV có ý thức cập nhật phương pháp, hình thức dạy học mới và thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm; Yêu nghề, đam mê sáng tạo để nâng cao hiệu quả bài học; Trách nhiệm, tự tin, có tinh thần hợp tác và biết giải quyết các tình huống sư phạm.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Phần I: Chương 1	2		0	0	0	9
Chương 2	2	2	0	0	0	9
Chương 2	2	2	0	0	0	9
Chương 3	2	2	0	0	0	9
Chương 4, chương 5	2	2	0	0	0	9
Phần 2: PPDH ĐĐ. Chương 1,	1	2	0	0	0	9
Chương 2,	1	2	0	0	0	9
Chương 3,	2	2	0	0	0	9
Chương 3, chương 4	2	2	0	2	0	9
Chương 5, chương 6	2	2	0	2	0	9
Tổng	18	20	0	4	0	90

5. Hình thức, phương pháp dạy học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: kể chuyện, đàm thoại, sử dụng đồ dùng trực quan, đóng vai, thảo luận nhóm, dự án... kỹ thuật mảnh ghép,...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO7	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập	CLO 4,5,6,7	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	- Ngân hàng đề và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Giáo trình Đạo đức học (1998), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Hữu Hợp, *Giáo trình phương pháp dạy học môn Đạo đức ở tiểu học*, Nxb Đại học sư phạm, Hà nội 2006.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. HL3: Trần Đăng Sinh, Nguyễn Thị Thọ, *Giáo trình Đạo đức học*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội 2008.

[2]. Đặng Vũ Hoạt, Nguyễn Hữu Dũng, Lưu Thu Thủy, *Giáo trình phương pháp dạy học đạo đức*, Nxb Giáo dục 1998.

Học phần 37. PPDH Thể dục ở Tiểu học / Teaching method of Gymnastics

- Số tín chỉ: 02 (15LT; 30BT,TH)

- Mã học phần: 143030

- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC

- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học bao gồm ba phần cơ bản. Đó là: Đặc điểm phát triển thể chất của học sinh tiểu học; Phương pháp dạy học TD ở tiểu học; Và trò chơi vận động. Sinh viên biết phân tích, xác định, mô tả và thể hiện được nhiều phương pháp phát triển thể chất, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thực hiện trò chơi vận động cho học sinh tiểu học; Lập được các loại kế hoạch, giáo án chi tiết cho môn thể dục; Tổ chức, điều khiển, giảng dạy trò chơi vận động cho HS; Góp phần hình thành thế giới quan duy vật biện chứng, nhân sinh quan khoa học, bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp cho SV, giúp cho họ tiếp tục hoàn thiện nhân cách người GV XHCN.

Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực nhận thức, phân tích, giảng giải và trình bày, đánh giá các vấn đề liên quan đến các kiến thức đã được học từ môn PPDH TD ở tiểu học; Có được những sáng kiến mới trong quá trình giảng dạy thể dục cho học sinh; Có năng lực tổ chức và điều hành các hoạt động thể thao cho học sinh; Xác định được mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển cho quá trình học tập, giảng dạy các môn thể thao sau này; Có ý thức tự học tập,

nâng cao trình độ, tích lũy các kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu về môn học PPDH thể dục ở tiểu học làm vốn kiến thức cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học sau này.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hiểu được Đặc điểm phát triển của học sinh tiểu học;
- CO2: Sinh viên hiểu được; Phương pháp dạy học môn Thể dục ở tiểu học;
- CO3: Sinh viên hiểu được Phương pháp tổ chức, hướng dẫn và thực hành trò chơi vận động nhằm phát triển kỹ năng vận động và các tố chất thể lực cho học sinh tiểu học.
- CO3: Kỹ năng phát hiện và giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục ở bậc Tiểu học;
- CO4: Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động dạy học, các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học và các kỹ năng chuyên biệt đáp ứng yêu cầu đặc thù của bậc tiểu học;
- CO5: Kỹ năng tổ chức thành thạo hoạt động dạy học, giáo dục học sinh tiểu học theo định hướng phát triển toàn diện;
- CO6: Kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tự học, tự nghiên cứu; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập;
- CO7: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, đồng thời hiểu rõ được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập môn phương pháp dạy học thể dục trong công tác giảng dạy và huấn luyện các môn thể thao
- CO8: Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này. Có ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thích ứng nhanh những điều biến đổi của xã hội và của ngành giáo dục tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về PPDH thể dục tiểu học: Xác định, mô tả, phân tích được các phương pháp phát triển thể chất cho HS tiểu học; Các nguyên tắc và phương pháp vệ sinh trong tập luyện TDTT; Sự cần thiết của việc giữ gìn sức khỏe và vệ sinh trong tập luyện TDTT; Vấn đề giữ gìn vệ sinh trong học tập, trong tập luyện TDTT và cuộc sống; Tổ chức, hướng dẫn và thực hành trò chơi vận động cho học sinh tiểu học.
- CLO2: Có kỹ năng xây dựng kế hoạch giảng dạy chung, kế hoạch bài dạy, tổ chức, đánh giá hoạt động dạy học môn GDTC, các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học và các kỹ năng chuyên biệt đáp ứng yêu cầu đặc thù của bậc tiểu học;
- CLO3: Có kỹ năng về phương pháp tổ chức, hướng dẫn và điều hành thi đấu trò chơi vận động nhằm phát triển kỹ năng vận động và các tố chất thể lực cho học sinh tiểu học
- CLO4: Vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo, phát triển năng lực của người học.
- CLO5: Kỹ năng phát hiện và giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục ở bậc Tiểu học;
- CLO6: Hình thành kỹ năng học tập và nghiên cứu phương pháp phát triển thể chất thích hợp cho HS tiểu học.
- CLO7: Có kỹ năng tổ chức và điều hành các hoạt động thể thao cho học sinh tiểu học;

- CLO8: Có được những sáng kiến mới trong quá trình giảng dạy GDTC cho học sinh tiểu học;

- CLO9: Sinh viên có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CLO10: Có ý thức tự học tập, nâng cao trình độ, tích lũy các kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu về môn học PPDH TD ở tiểu học làm vốn kiến thức cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG, ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC						
Những vấn đề chung. Đặc điểm phát triển thể chất của học sinh tiểu học.	3					9
Đặc điểm phát triển thể chất của học sinh tiểu học		3				4.5
PHẦN II: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN TD Ở HỌC SINH TIỂU HỌC						
Phương pháp dạy học môn thể dục cho học sinh ở tiểu học	6					18
- Lập kế hoạch giảng dạy năm học, học kỳ - Soạn giáo án giảng dạy		3				4.5
Thực hành giảng dạy một giờ học thể dục cho học sinh				15		45
PHẦN III: TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG						
Trò chơi vận động	6					18
Trò chơi vận động cho HS tiểu học và phương pháp tổ chức - hướng dẫn TCVD cho sh tiểu học.		3				4.5
Tổ chức hướng dẫn và thực hành các trò chơi vận động bậc tiểu học				6		18
Tổng	15	9		21		121.5

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp nêu vấn đề;
- Phương pháp xêmina;
- Phương pháp trực quan;

- Phương pháp rèn nghề; (hướng dẫn thực hành, thực hành giảng dạy);
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Vấn đáp	Rubric1 Nội dung 1,2,3	CLO 1,5,6	30%
2	Thảo luận	Rubric2 Nội dung 1	CLO 1	
3	Thực hành	Rubric3 Nội dung 2,3	CLO 2,3,4,7	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Thực hành	Rubric5 Nội dung 2,3	CLO 2,3,4,7	20%
III	Thi cuối kì			
1	Vấn đáp	Rubric6 Ngân hàng đề thi	CLO1 - 10	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm kiểm tra thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Viết Minh (Chủ biên) - Đâu Bình Hương (2007), *Phương pháp dạy học thể dục và trò chơi vận động cho học sinh Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2017), *LL & PP TDTT*, Nxb TDTT Hà Nội
- [2]. Phạm Xuân Thành (Chủ biên), Nguyễn Hữu Thái, Đỗ Anh Tuấn, (2014), *Giáo trình Trò chơi vận động*, Nxb TDTT, Hà Nội.

Học phần 38. Chọn 1 trong 2 học phần

a) PPDH Âm nhạc ở Tiểu học / Methods of Teaching Music in Elementary Schools

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 36 BT,TH)
- Mã học phần: 143026
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Âm nhạc
- Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

1. Mô tả học phần

- Những vấn đề chung về giáo dục âm nhạc ở Tiểu học: Vai trò của giáo dục âm nhạc đối với sự hình thành và phát triển toàn diện nhân cách học sinh; mục đích, yêu cầu giáo dục âm nhạc ở Tiểu học; đặc điểm tâm sinh lý và khả năng âm nhạc của học sinh Tiểu học; tìm hiểu nội dung chương trình môn Âm nhạc bậc Tiểu học.

- Phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc cho học sinh Tiểu học: học Hát; Nghe nhạc; Đọc nhạc; Nhạc cụ; Âm nhạc thường thức. Xây dựng kế hoạch bài học chính khóa.

- Hoạt động trải nghiệm âm nhạc ở trường Tiểu học; thực hành các bài hát trong chương trình giáo dục âm nhạc ở Tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về giáo dục Tiểu học và mục tiêu vai trò của môn Âm nhạc. Các vấn đề cơ bản về lí luận dạy học môn Âm nhạc ở trường Tiểu học

- CO2: Biết ứng dụng tốt các phần mềm công nghệ thông tin, ngoại ngữ vào việc dạy học Âm nhạc

- CO3: Hiểu kiến thức tâm lý học sư phạm, đặc điểm sinh lý lứa tuổi, khả năng Âm nhạc của học sinh, vận dụng vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học Âm nhạc cho học sinh Tiểu học

- CO4: Áp dụng kiến thức Âm nhạc, lí luận dạy học và tích hợp một số môn học khác vào dạy học và giáo dục Âm nhạc cho học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực

- CO5: Có kỹ năng hợp tác, giao tiếp với đồng nghiệp; Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm; Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phát triển bản thân; Kỹ năng thiết kế thành thạo và thực hiện tốt kế hoạch dạy học môn Âm nhạc ở Tiểu học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; Kỹ năng thiết kế, tổ chức các hoạt động trải nghiệm Âm nhạc cho học sinh Tiểu học và thực hiện dạy học phân hóa; Kỹ năng vận dụng các phương pháp, hình thức, kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh; Kỹ năng phân tích, đánh giá, phát triển chương trình, tài liệu giáo dục Âm nhạc ở Tiểu học.

- CO6: Có phẩm chất đạo đức tốt; có tác phong Sư phạm chuẩn mực. Yêu nghề, yêu nghệ thuật Âm nhạc. Biết cách hòa đồng và chia sẻ với mọi người, có tinh thần hợp tác làm việc vì mục tiêu chung, có thái độ cởi mở thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc. Tự tin, bản lĩnh, năng động, sáng tạo, khẳng định năng lực bản thân. Có tinh thần tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về giáo dục Tiểu học, mục tiêu, vai trò của Âm nhạc trong giáo dục thẩm mỹ, đạo đức, trí tuệ, thể chất cho học sinh Tiểu học. Cập nhật việc đổi mới nội dung chương trình giáo dục âm nhạc ở trường Tiểu học.

- CLO2: Hiểu và nắm được đặc điểm tâm sinh lý, khả năng âm nhạc của học sinh Tiểu học để vận dụng vào thiết kế và thực hiện kế hoạch giảng dạy Âm nhạc cho từng khối lớp.

- CLO3: Hiểu được ý nghĩa giáo dục, mục đích, yêu cầu cần đạt, các phương pháp, tiến trình dạy học theo hướng đổi mới của các hoạt động giáo dục Âm nhạc, như: dạy học Hát, Đọc nhạc, Nghe nhạc, Nhạc cụ, Âm nhạc thường thức. Ý nghĩa của các hoạt động âm nhạc ngoại khóa; biết thiết kế, tổ chức các hoạt động trải nghiệm Âm nhạc cho học sinh Tiểu học

- CLO4: Biết vận dụng kiến thức Âm nhạc, lý luận dạy học, tích hợp một số môn học khác vào việc thiết kế, xây dựng kế hoạch bài học Âm nhạc phù hợp cho từng đối tượng khối lớp ở Tiểu học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học; Vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; Kỹ thuật kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, khai thác được những khả năng chuyên biệt đặc thù Âm nhạc của học sinh.

- CLO5: Biết vận dụng kiến thức công nghệ thông tin, ngoại ngữ vào dạy học Âm nhạc

- CLO6: Biết hợp tác, giao tiếp, làm việc nhóm với đồng nghiệp, biết thuyết trình các bài tập giảng viên giao. Biết tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ.

- CLO7: Có năng lực tổng kết những sáng kiến kinh nghiệm từ thực tiễn những nhiệm vụ giảng viên giao, có khả năng thích ứng với mọi môi trường và hoàn cảnh làm việc, có thể tham gia vào các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục Tiểu học

- CLO8: Biết đánh giá và tự đánh giá kết quả học tập của bản thân, đồng nghiệp; biết kết luận, đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học Âm nhạc, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phát triển bản thân.

- CLO9: Có phẩm chất đạo đức tốt, tác phong Sư phạm, có phong cách trình diễn nghệ thuật Âm nhạc. Biết cách hoà đồng và chia sẻ với mọi người, có tinh thần hợp tác làm việc vì mục tiêu chung; có thái độ cởi mở, thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc. Tự tin, bản lĩnh, năng động, sáng tạo, khẳng định năng lực của bản thân; có tinh thần hợp tác làm việc nhóm; thích ứng và hoà nhập với môi trường cộng đồng.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Những vấn đề chung về giáo dục âm nhạc cho học sinh Tiểu học	4	0	0	0	0	30
Nội dung 2: Phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc cho học sinh Tiểu học	19	0	0	17	0	55
Nội dung 3: Hoạt động trải nghiệm âm nhạc ở nhà trường Tiểu học và thực hành hát các bài hát trong chương trình giáo dục âm nhạc ở Tiểu học	4	0	0	19	0	50
Tổng	27	0	0	36	0	135

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, trình bày xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hành tập giảng, trình bày thiết kế và thực hành một số hoạt động trải nghiệm âm nhạc ở Tiểu học bằng báo cáo sản phẩm; thực hành tập hát và biểu diễn các bài hát trong chương trình âm nhạc ở Tiểu học.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm /Thảo luận nhóm	CLO3,CLO4, CLO5,CLO6, CLO7,CLO8, CLO9	30%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đáp án, thang điểm	CLO1,CLO2, CLO3,CLO4	
3	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3,CLO4, CLO5,CLO7, CLO8,CLO9	
4	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO6,CLO7, CLO8,CLO9	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Vấn đáp - Thực hành	Đáp án, thang điểm Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3,CLO4, CLO5,CLO9	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			
	Vấn đáp - Thực hành	Đáp án, thang điểm	CLO1,CLO2, CLO3,CLO4, CLO5,CLO6, CLO7,CLO8, CLO9	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết học phần, các giáo trình, tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập thực hành và thảo luận nhóm.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Minh Toàn, Nguyễn Hoàn Thông, Nguyễn Đắc Quỳnh, *Âm nhạc và phương pháp dạy học tập 1* – Nxb Giáo dục năm 2002.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lê Anh Tuấn (2004, 2005,2006), *Thiết kế bài giảng âm nhạc lớp 3,4,5* - Nxb Hà nội.

[2]. Lê Anh Tuấn, Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai (2021, 2022, 2023,2024, bộ sách Cánh Diều), *sách giáo khoa Âm nhạc lớp 1, 2,3,4,5*, Nxb Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Lê Anh Tuấn, Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai (2021, 2022, 2023,2024, bộ sách Cánh Diều), *sách giáo viên Âm nhạc lớp 1, 2,3,4,5*, Nxb Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

b) Âm nhạc nâng cao ở Tiểu học / Advanced music in elementary school

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 36 BT,TH)
- Mã học phần: 147058
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Âm nhạc
- Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

1. Mô tả học phần

Cung cấp các kiến thức cơ bản về kỹ thuật ca hát và thực hành các kỹ năng ca hát; Phương pháp dàn dựng và thực hành tổ chức các chương trình biểu diễn nghệ thuật ở trường Tiểu học; Hướng dẫn sử dụng và thực hành luyện tập một số loại nhạc cụ giai điệu trong chương trình giáo dục âm nhạc ở Tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị hệ thống các kiến thức về kỹ thuật ca hát, phương pháp dàn dựng chương trình biểu diễn nghệ thuật, kiến thức cơ bản về sử dụng và cách chơi một số loại nhạc cụ giai điệu dạy cho học sinh trong chương trình giáo dục âm nhạc ở Tiểu học.
- CO2: Người học được trang bị một số kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành ca hát phổ thông trong chương trình dạy học ca hát ở trường Tiểu học.
- CO3: Người học được trang bị những kiến thức về kỹ năng thực hành dàn dựng và biểu diễn các chương trình biểu diễn nghệ thuật cho học sinh ở trường Tiểu học.
- CO4: Người học biết vận dụng các kiến thức cơ bản trong việc sử dụng và thực hành luyện tập, cách chơi các loại nhạc cụ giai điệu ứng dụng vào thực tiễn dạy học cho học sinh ở các trường Tiểu học phổ thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có thể trình bày và giải thích được các khái niệm cơ bản về kỹ thuật ca hát, phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật, kiến thức sử dụng các loại nhạc cụ giai điệu.
- CLO2: Người học phân tích, vận dụng được các kiến thức trong học phần vào thực hành các kỹ năng, kỹ thuật ca hát; phương pháp thực hành dàn dựng, biểu diễn các tiết mục của chương trình nghệ thuật; sử dụng cơ bản và chơi thành thạo một số loại nhạc cụ giai điệu trong chương trình dạy học âm nhạc ở Tiểu học, tổ chức được các hoạt động giáo dục âm nhạc ở các trường Tiểu học phổ thông.
- CLO3: Người học có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề về khoa học có liên quan đến học phần.
- CLO4: Người học có khả năng phân tích, tổng hợp, khái quát hóa các kiến thức cơ bản về ca hát, về dàn dựng chương trình nghệ thuật, về ứng dụng thực hành luyện tập một số loại nhạc cụ giai điệu để vận dụng có hiệu quả trong thực tiễn dạy học ở Tiểu học.
- CLO5: Người học có khả năng tự đánh giá được năng lực của bản thân, từ đó làm cơ sở cho việc rèn luyện tư duy, lựa chọn các phương pháp học tập phù hợp với điều kiện của bản thân.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Tự học
	Giờ lên lớp			Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập thực hành		
Chương 1 : Kỹ thuật ca hát 1. Một số vấn đề cơ bản về ca hát 2. Một số kỹ thuật ca hát 2. Thực hành luyện tập hát và biểu diễn 3.1. Phương pháp và kỹ thuật luyện thanh 3.2. Thực hành một số bài hát trong chương trình ở Tiểu học	5	0	12	0	45
Chương 2: Phương pháp dàn dựng và tổ chức chương trình nghệ thuật ở trường Tiểu học 1. Chương trình biểu diễn Âm nhạc 2. Lựa chọn người hát và chọn bài hát 3. Dàn dựng bài hát 4. Xây dựng chương trình 5. Múa, hoạt động phụ họa và trang phục 6. Kỹ năng biểu diễn	17	0	12	0	60
Chương 3: Thực hành hướng dẫn sử dụng và luyện tập cơ bản một số loại nhạc cụ giai điệu trong chương trình giáo dục âm nhạc ở Tiểu học 1. Thực hành hướng dẫn sử dụng và luyện tập cơ bản sáo Recorder 2. Thực hành hướng dẫn sử dụng và luyện tập cơ bản kèn phím Melodica 3. Thực hành luyện tập các tác phẩm	5	0	12	0	30
Tổng	27	0	0	0	135

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, trình bày thực hành biểu diễn ca hát, trình bày thực hành và biểu diễn nhạc cụ về việc sử dụng sáo Recorder và kèn phím Melodica.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC + 01)			
1	Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm /Thảo luận nhóm	CLO1,CLO2	30%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đáp án, thang điểm	CLO1,CLO2, CLO3,CLO4	

3	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3,CLO4	
4	Chuyên cần	Rubric đánh giá mức độ chuyên cần	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Vấn đáp – Thực hành	Đáp án, thang điểm Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,CLO3, CLO4	20%
III	Thi cuối kì (01)			
	Vấn đáp – Thực hành	Đáp án, thang điểm	CLO1,CLO2 CLO3,CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, thi giữa kỳ và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập thực hành và thảo luận, thực hành theo nhóm.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Ngô Thị Nam (2004), *Hát*, Giáo trình Cao đẳng Sư phạm, Nxb Đại học Sư phạm.

[2]. Lê Anh Tuấn (2007), *Giáo trình dàn dựng chương trình Âm nhạc tổng hợp*, Nxb Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Đỗ Thị Minh Chính - Nguyễn Thị Thanh Bình - Hoàng Long (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh vân, Nguyễn Thị Phương Mai, Trần Thị Kim Thăng, (2021, 2022, 2023, 2024), *Âm nhạc lớp 1,2,3,4,5*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[2]. Yamaha (2023), *Cùng học, cùng vui với sáo Yamaha Recorder*, Nxb Yamaha.

Học phần 39. Chọn 1 trong 2 học phần

a) Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở Tiểu học / Methods of teaching Art in Elementary Schools

- Số tín chỉ: 02 (18LT; 18 BT,TL; 6TH)

- Mã học phần: 143020

- Bộ môn quản lý học phần: Mỹ thuật

- Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

1. Mô tả học phần

Học phần được đề cập đến các ND về Mỹ thuật Việt Nam qua các thời kì; Tranh dân gian Việt nam; Phân tích một số tác phẩm tranh nghệ thuật tạo hình (Tranh tượng); Phương pháp

DH thường vận dụng để dạy MT ở TH Mĩ thuật; Chương trình môn Mĩ thuật ở Tiểu học; PPDH 5 loại bài Mĩ thuật ở TH; Tập soạn giáo án, làm đồ dùng dạy học và tập giảng.

Sinh viên tiếp thu được kiến thức cơ bản về lịch sử mĩ thuật Việt Nam qua các thời kỳ, có khả năng phân tích, thưởng thức các tác phẩm tranh, tượng nghệ thuật. Đồng thời nắm vững các phương pháp dạy học Mĩ thuật ở Tiểu học, các kỹ năng soạn giáo án và làm đồ dùng dạy học, tổ chức dạy học theo chương trình Mĩ thuật Tiểu học hiện hành và chương trình mới.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững kiến thức lý luận về các nội dung học phần: Mĩ thuật Việt Nam qua các thời kỳ; Tranh dân gian Việt Nam; Phân tích một số tác phẩm tranh nghệ thuật tạo hình (Tranh tượng); Phương pháp DH dạy MT ở TH Mĩ thuật; Chương trình môn Mĩ thuật ở Tiểu học; PPDH 5 loại bài Mĩ thuật ở TH; Tập soạn giáo án, làm đồ dùng dạy học và tập giảng.

- CO2: Rèn luyện cho người học các kỹ năng thiết kế bài giảng, tổ chức các hoạt động dạy học mĩ thuật, kỹ năng giảng dạy - truyền đạt kiến thức. Rèn luyện cho người học các kỹ năng đánh giá, nhận xét, phân tích cảm thụ tác phẩm tạo hình và nâng cao nhận thức thẩm mĩ.

- CO3: Người học có đủ năng lực tự học, tự nghiên cứu tài liệu liên quan đến học phần để đáp ứng quá trình học tập và công tác sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Người học hiểu khái quát về sự phát triển của Mĩ thuật thời phong kiến, nghệ thuật tranh dân gian và Mĩ thuật hiện đại Việt Nam một cách hệ thống. Nắm vững các phương pháp và hình thức tổ chức học Mĩ thuật ở Tiểu học

- CLO2: Người học có khả năng thưởng thức, phân tích, đánh giá về vẻ đẹp của một tác phẩm nghệ thuật (Hội họa, điêu khắc) và tranh vẽ của học sinh. Biết tổ chức cho học sinh tham gia thưởng thức, nhận xét kết quả học tập và thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật (tranh, tượng) của các họa sĩ.

- CLO3: Người học biết thiết kế giáo án Mĩ thuật để giảng dạy phù hợp với nội dung chương trình và đối tượng lớp học; biết làm đồ dùng dạy học có chất lượng và sử dụng đồ dùng hiệu quả trong quá trình dạy giảng dạy.

- CLO4: Người học có khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mĩ thuật phù hợp cho từng loại bài, nội dung tiết học và đối tượng học sinh tiểu học.

- CLO5: Người học thành thạo các kỹ năng thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học mĩ thuật, kỹ năng truyền đạt kiến thức, thuyết trình nhuần nhuyễn kết hợp với khả năng minh họa khoa học, có hiệu quả. Có kỹ năng hướng dẫn học sinh thực hành một cách thuần thục.

- CLO6: Người học có đủ năng lực học tập, nghiên cứu, tiếp thu kiến thức, rèn luyện các kỹ năng sư phạm, năng lực giảng dạy đáp ứng được quá trình học tập và công tác sau này.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái quát về Mỹ thuật Việt Nam qua các thời kỳ 1. Nguồn gốc của Mỹ thuật 2. Mỹ thuật thời kỳ phong kiến 3. Tranh dân gian Việt Nam 4. Mỹ thuật Việt Nam hiện đại	2	1				7,5
Chương 2: Phân tích tác phẩm 1. Một vài điều cần biết khi đánh giá tác phẩm 2. Phân tích tác phẩm hội họa Việt Nam 3. Phân tích tác phẩm điêu khắc Việt Nam 4. Bài tập	2		2	1		10,5
Chương 3: Giới thiệu về chương trình Mỹ thuật ở Tiểu học 1. Mục tiêu 2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực. 3. Nội dung 4. Đặc điểm ngôn ngữ tạo hình của học sinh lứa tuổi tiểu học	3	1	1			12
Chương 4: Những PPDH thường vận dụng để dạy Mỹ thuật ở tiểu học 1. Một số vấn đề chung 2. Những phương pháp dạy học thường vận dụng để dạy Mỹ thuật ở Tiểu học.	4	2				15
Chương 5: Những yêu cầu của giáo án Mỹ thuật ở tiểu học 1. Cấu trúc của giáo án 2. Cách soạn	3		2			12
Chương 6: Làm đồ dung dạy học và phương pháp sử dụng đồ dung dạy học mỹ thuật ở tiểu học	2		2	1		10,5

1. Đồ dung dạy học Mỹ thuật ở Tiểu học 2. Cách sưu tầm, cách làm và cách sử dụng đồ dung dạy học mỹ thuật ở tiểu học 3. Bài tập						
Chương 7: Các hình thức tổ chức dạy học Mỹ thuật ở tiểu học 1. Tổ chức cho cả lớp vẽ chung 2. Tổ chức vẽ theo nhóm 3. Tổ chức cho học sinh xem băng hình 4. Tổ chức cho học sinh vẽ ngoài trời	2		1			7,5
Chương 8: Soạn giáo án và tập giảng 1. Soạn giáo án 2. Tập giảng 3. Thực hành			6	4		15
Tổng	18	4	14	6		90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành-luyện tập, vấn đáp, thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Viết	Rubric 5	CLO3,8	30%
2	Bài tập thực hành	Rubric 3	CLO3,4	
3	Thuyết trình nhóm (Tập giảng)	Rubric 4	CLO4,7	
II	Kiểm tra giữa kỳ(01)			
1	Viết	Rubric 5	CLO1,3	20%
III	Thi cuối kì - Bài tập lớn/Tiểu luận			
1	Bài tập lớn/Tiểu luận (thay thế bài thi cuối kỳ)	Rubric 6	CLO 1,2,3,4,5	50%
2	Bài thi vấn đáp	Rubric 7	CLO 1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kì và được đánh giá kết quả học phần:

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu [1].
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kì.
- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên có thể làm bài tiểu luận/ làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần.
- + Điều kiện thực hiện tiểu luận/làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần: Đến thời điểm lập danh sách, sinh viên không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7.0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ đạt từ 8.0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Thị Đông, Nguyễn Khải Kiên, Phạm Đình Bình (2019), *Hướng dẫn dạy học môn nghệ thuật ở tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông mới phần Mỹ thuật*, Nxb Đại học Sư phạm

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Lăng Bình (2006), *Mỹ thuật và PPDH Mỹ thuật ở Tiểu học*, Nhà xuất bản Giáo dục.
- [2]. Phạm Thị Chinh (2007), *Lịch sử Mỹ thuật Việt nam*. Nxb Đại học sư phạm.

b) Mỹ thuật (Kiến thức nâng cao) / Advanced Knowledgeart

- Số tín chỉ: 02 (18LT; 18BT; 6TH)
- Mã học phần: **143003**
- Bộ môn quản lý học phần: Mỹ thuật
- Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần:

Học phần được đề cập đến các ND kiến thức cơ bản của môn Mỹ thuật và PPDH Mỹ thuật ở tiểu học: Vẽ tranh tĩnh vật; Vẽ tranh chân dung; Ứng dụng chữ trong trang trí; Vẽ tranh phong cảnh; Vẽ tự do; Những PPDH thường vận dụng để dạy Mỹ thuật ở Tiểu học; Cách soạn giáo án và tổ chức một giờ dạy Mỹ thuật ở Tiểu học.

Sinh viên nắm vững kiến thức lý luận về các nội dung học phần, hình thành kỹ năng và phát triển thị hiếu thẩm mỹ, nhận thức thẩm mỹ.

Vận dụng các kiến thức, kỹ thuật tạo hình để tạo ra các sản phẩm nghệ thuật; PP và cách tổ chức dạy học để phục vụ cho công tác giảng dạy đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục hiện nay.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững kiến thức lý luận về các nội dung học phần: Vẽ tranh tĩnh vật; Vẽ tranh chân dung; Ứng dụng chữ trong trang trí; Vẽ tranh phong cảnh; Vẽ tự do; Những PPDH thường vận dụng để dạy Mỹ thuật ở Tiểu học; Cách soạn giáo án và tổ chức một giờ dạy Mỹ thuật ở Tiểu học.

- CO2: Rèn luyện cho người học các kỹ năng vẽ hình, vẽ màu, cách sắp xếp bố cục tranh để vẽ được các loại tranh tĩnh vật, tranh chân dung, tranh phong cảnh, trang trí chữ, và phát triển nhận thức thẩm mỹ và biết phân tích cảm thụ tác phẩm tạo hình. Rèn luyện kỹ năng thiết kế bài giảng, tổ chức các hoạt động dạy học mỹ thuật và kỹ năng truyền đạt kiến thức.

- CO3: Người học có đủ năng lực tự học, tự nghiên cứu tài liệu liên quan đến học phần để đáp ứng quá trình học tập và công tác sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học nhớ được kiến thức lý luận cơ bản về vẽ các loại tranh tĩnh vật, tranh chân dung, tranh phong cảnh, chữ trang trí, các PP dạy Mỹ thuật ở Tiểu học, cách soạn giáo án và tổ chức một giờ dạy Mỹ thuật ở Tiểu học.

- CLO2 : Người học hiểu được các phương pháp thể hiện bài vẽ tranh tĩnh vật, tranh chân dung, tranh phong cảnh, phương pháp kẻ khẩu hiệu, cách soạn một giáo án mỹ thuật và cách tổ chức một giờ dạy Mỹ thuật ở Tiểu học.

- CLO3: Người học thực hiện thành thạo các kỹ năng vẽ hình, vẽ màu tạo hòa sắc, tạo tương quan đậm nhạt, kỹ năng xây dựng bố cục tranh để tạo được các sản phẩm có giá trị. Thành thạo trong thiết kế các dạng bài dạy và tập giảng giờ dạy mỹ thuật ở tiểu học.

- CLO 4: Người học có khả năng phối hợp khéo léo linh hoạt các kỹ năng, kỹ thuật và có khả năng sáng tạo ra nhiều sản phẩm tạo hình đẹp và biết phân tích, nhận xét đánh giá vẻ đẹp của sản phẩm tạo hình. Có khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mỹ thuật phù hợp cho từng loại bài, nội dung tiết học và đối tượng học sinh tiểu học.

- CLO5: Người học đủ năng lực đáp ứng các nội dung trong học phần, từ đó học tập, nghiên cứu, rèn luyện kỹ năng, kỹ thuật tạo hình và nâng cao nhận thức thẩm mỹ để đáp ứng được quá trình học tập và công tác sau này.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Vẽ tranh tĩnh vật màu 1. Khái niệm chung về tranh tĩnh vật 2. Chuẩn bị mẫu 3. phương pháp tiến hành 4. Một số điều cần ghi nhớ khi vẽ màu	2 tiết		3 tiết			10,5

Chương 2: Vẽ tranh chân dung 1. Khái niệm về tranh chân dung 2. Phương pháp thể hiện 2.1. Quan sát nhận xét 2.2. Phác hình 2.3. Chỉnh hình 2.4. Vẽ đậm nhạt (vẽ màu)	2 tiết		3 tiết			10,5
Chương 3: Ứng dụng chữ trong trang trí 1. Vai trò của chữ trong trang trí 2. Một số kiểu chữ chính 2.1 Chữ Baton (Ba tông) 2.2. Chữ Romain (Rô manh) 3. Một số điều cần ghi nhớ khi kẻ chữ 4. Phương pháp kẻ khẩu hiệu	3 tiết		3 tiết	1 tiết		15
Chương 4: Vẽ tự do 1. Khái niệm về vẽ tự do 2. Phương pháp tiến hành 2.1 . Nghiên cứu chủ đề tự chọn 2.2. làm phác thảo 2.3. Tìm hình 2.4. Thể hiện	2 tiết		3 tiết	2 tiết		13,5
Chương 5: Vẽ tranh phong cảnh 1. Khái niệm chung về tranh phong cảnh 2. Các loại tranh phong cảnh 3. Phương pháp thể hiện 3.1 Tìm phác thảo 3.2. Thể hiện	3 tiết		3 tiết			13,5
Chương 6: Chương Những PPDH thường vận dụng để dạy Mĩ thuật ở Tiểu học 1. Một số vấn đề chung	3 tiết	1 tiết				10,5

2.Những phương pháp dạy học thường vận dụng để dạy Mỹ thuật ở Tiểu học: 2.1. Phương pháp quan sát 2.2. PP trực quan 2.3. PP vấn đáp 2.4. PP gợi mở 2.5. PP luyện tập 2.6. PP liên hệ với thực tiễn 2.7. PP trò chơi 2.8. PP hợp tác nhóm						
Chương 7: Cách soạn giáo án và tổ chức một giờ dạy Mỹ thuật ở Tiểu học 1. Cách soạn giáo án 1.1. Cách soạn cho giờ dạy theo PP trình bày viết bảng 1.2. Cách soạn cho giờ dạy bằng công nghệ thông tin 1.3. Cách soạn cho giờ dạy theo định hướng phát triển năng lực 2. Cách tổ chức một giờ dạy Mỹ thuật ở Tiểu học 2.1. Tổ chức cho cả lớp vẽ chung 2.2. Tổ chức vẽ theo nhóm 2.3. Tổ chức cho học sinh xem băng hình 2.4. Tổ chức học sinh vẽ ngoài trời 5. Tổ chức theo hình thức dạy học kết hợp Mỹ thuật tạo hình và Mỹ thuật ứng dụng	3 tiết		2 tiết	3 tiết		16,5
Tổng số:	18 tiết	1 tiết	17 tiết	6 tiết		90 tiết

5. Phương pháp dạy - học

Các hình thức dạy học sử dụng trong học phần gồm: *thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành.*

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo: *chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm.*

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1,2	30%
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1,2	
3	Bài tập thực hành cá nhân	Rubric 4	CLO 3,4,5	
4	Bài tập thực hành cá nhân	Rubric 4	CLO 3,4,5	
5	Bài tập thực hành nhóm	Rubric 5	CLO 2,3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Bài tập thực hành cá nhân.	Rubric 4	CLO3,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
1	Viết – Thực hành	Rubric 7	CLO1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kì và được đánh giá kết quả học phần:

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu [1].
- Sinh viên chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng học tập, có chất lượng và phù hợp với nội dung của bài học khi lên lớp.
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số giờ học lý thuyết, thảo luận, thực hành trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kì..
- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên có thể làm bài tiểu luận/ làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần.
- + Điều kiện thực hiện tiểu luận/ làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần: Đến thời điểm lập danh sách, sinh viên có 1 điểm kiểm tra thường xuyên từ 8,0 và điểm kiểm tra giữa kỳ đạt 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Ngô Bá Công (2012), *Giáo trình Mĩ thuật cơ bản*, Nxb Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Đàm Luyện (2008), *Giáo trình bố cục*, Nxb Đại học Sư phạm.

[2]. Trịnh Thiệp -Ung Thị Châu (1999), *Mĩ thuật và phương pháp dạy học*, Nxb giáo dục.

[3]. Ngô Trần Ái – Nguyễn Quý Thao, *Mĩ thuật và phương pháp dạy học Mĩ thuật*.

Học phần 40. Toán học tự chọn 3 / Maths optional 3 (Chọn 1 trong 2 học phần)

a) Một số phương pháp sáng tác bài toán ở Tiểu học / Some Methods of Composing Math Problems in Elementary School

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 141058
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán – Khoa Giáo dục Tiểu học.
- Điều kiện tiên quyết: Rèn kỹ năng giải toán Tiểu học

1. Mô tả học phần

Trình bày một số vấn đề chung về sáng tác bài toán ở Tiểu học trong đó làm rõ một số yêu cầu khi sáng tác một bài toán. Cung cấp một số phương pháp sáng tác bài toán ở Tiểu học bao gồm: sáng tác bài toán mới tương tự bài toán đã giải; sáng tác bài toán ngược với bài toán đã giải; sáng tác bài toán bằng cách ghép nối các bài toán đơn, các bài toán điển hình lại với nhau; sáng tác bài toán bằng cách khái quát hóa; sáng tác bài toán từ một dãy tính gộp; sáng tác bài toán dựa trên cách giải bằng dãy tính của một bài toán cũ; tóm tắt bài toán bằng bảng kẻ ô, sơ đồ rồi dựa vào số liệu cho trong bảng, sơ đồ để đặt ra bài toán mới; sáng tác bài toán chứa những nội dung thực tế đã định trước.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác bài toán ở Tiểu học như: khái niệm bài toán, các yêu cầu, cấu trúc của một bài toán; các dạng toán cơ bản và cách giải của nó trong chương trình Tiểu học; các phương pháp sáng tác đề toán trong dạy học Toán ở Tiểu học.

- CO2: Người học được phát triển các kỹ năng: khái quát hóa, tổng quát hóa, cụ thể hóa, đặc biệt hóa, tương tự hóa các dạng toán cơ bản trong chương trình để sáng tác các bài toán cho học sinh Tiểu học. Từ đó, vận dụng linh hoạt kiến thức về phương pháp sáng tác đề toán vào việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm, dạy học phân hóa cho học sinh.

- CO3: Người học rèn luyện được năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục Tiểu học; có năng lực tự học, tự cập nhật tích lũy kiến thức liên quan đến chương trình ở tiểu học; Có ý thức cập nhật phương pháp, hình thức dạy học mới và thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm; kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu rõ các khái niệm cơ bản: bài toán, các phương pháp sáng tác đề toán.
- CLO2: Nắm vững các yêu cầu, cấu trúc của một bài toán; các dạng toán cơ bản và cách giải của nó trong chương trình Tiểu học; cách sáng tác đề toán trong dạy học Toán ở Tiểu học.
- CLO3: Sáng tác và phát triển các đề toán phù hợp với các hoạt động dạy học môn Toán, phù hợp với từng đối tượng học sinh Tiểu học.
- CLO4: Vận dụng sáng tạo các kiến thức về phương pháp sáng tác bài toán ở Tiểu học vào hoạt động thiết kế kế hoạch dạy học môn Toán ở tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

- CLO5: Có tác phong làm việc khoa học, chuẩn mực; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có ý thức tự học, tự nghiên cứu các vấn đề về phương pháp sáng tác bài toán ở Tiểu học cũng như các vấn đề khoa học có liên quan để nâng cao để nâng cao năng lực nghề nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức DH								
	LT	TL	N	BT	HĐTH	TH	KTĐG		
Chương 1: Một số vấn đề chung về sáng tác bài toán ở TH	2	1	1	2	1	16	1		
1.1. Ý nghĩa và tầm quan trọng của việc sáng tác bài toán ở TH		1			1	4			
1.2. Định hướng sáng tác bài toán ở TH									
1.3. Một số kỹ năng cần được rèn luyện để phát triển năng lực thực hành sáng tác bài toán ở TH	1		1	1		10			
1.4. Một số yêu cầu khi sáng tác một bài toán	1			1					
Kiểm tra bài 1						2	1		
Chương 2: Một số PP sáng tác bài toán ở TH	16	2	2	9	2	64	3		
2.1. Sáng tác bài toán mới tương tự với bài toán đã giải	2	1	1	1	1	16			
2.2. Sáng tác các bài toán ngược với bài toán đã giải	2			1					
Kiểm tra bài 2									
2.3. Sáng tác bài toán bằng cách ghép nối các bài toán đơn, các bài toán điển hình lại với nhau	2			1					
2.4. Sáng tác bài toán bằng cách khái quát hoá	2			1		14			
Kiểm tra bài 3 (giữa kì)						2	1		
2.5. Sáng tác bài toán từ một dãy tính gộp	2	1	1	1	1	16			
2.6. Sáng tác bài toán dựa trên cách giải bằng dãy tính của 1 bài toán cũ	2			1					
2.7. Tóm tắt bài toán bằng bảng kẻ ô, sơ đồ, biểu đồ rồi dựa vào số liệu cho trong bảng, sơ đồ, biểu đồ đó để đặt bài toán mới	2			1		1	1	14	
2.8. Sáng tác bài toán chứa những nội dung thực tế đã định trước	2						2		
Kiểm tra bài 4						2	1		
Tổng	18	3	3	11	3	90	4		

5. Hình thức, phương pháp dạy – học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5.	30%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đáp án, thang điểm	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	
3	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	
	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5.	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết tự luận	Đáp án, thang điểm	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	20%
III Thi kết thúc học phần				
	Viết tự luận	Đáp án, thang điểm	CLO1 – CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Phạm Đình Thực, (2002), *Phương pháp sáng tác bài toán ở Tiểu*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Diên Hiến, (2009), *Giáo trình chuyên đề “Bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở Tiểu học”*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

[2]. Trần Diên Hiến (2008), *Rèn kỹ năng giải toán Tiểu học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

b) Lý thuyết đồng dư / Congruence Theory

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 141063
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán
- Điều kiện tiên quyết: Rèn kỹ năng giải toán Tiểu học

1. Mô tả học phần

Cung cấp các kiến thức về đồng dư: khái niệm về đồng dư thức, hàm Ôle ; các tính chất, định lý Ôle, định lý PhécMa cùng các ứng dụng. Lí thuyết về phương trình đồng dư, bao gồm: khái niệm; cách giải phương trình đồng dư bậc nhất một ẩn, hệ phương trình đồng dư bậc nhất và bậc hai một ẩn, phương trình đồng dư và phương trình Đi - ô - phăng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về Đồng dư thức, định nghĩa và các điều kiện tương đương; hàm Ôle, định lý Ôle, định lý PhécMa; phương trình đồng dư một ẩn; hệ phương trình đồng dư một ẩn, Các tính chất và các hệ quả của đồng dư thức; Cách vận dụng lý thuyết đồng dư tìm được số dư trong phép chia và chứng minh sự chia hết của một phép chia; Cách xây dựng dấu hiệu chia hết nhờ vào tính chất của đồng dư thức; Các ứng dụng của định lý Ôle và định lý Fecma; Các phép biến đổi tương đương của phương trình đồng dư một ẩn; Các phép biến đổi tương đương của hệ phương trình đồng dư một ẩn, điều kiện có nghiệm của hệ phương trình đồng dư một ẩn.

- CO2: Người học được phát triển các kỹ năng: Kỹ năng nghiên cứu, phân tích và tổng hợp khi giải các bài toán về đồng dư thức ở môn Toán cấp Tiểu học, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ Toán thông qua các hoạt động nhóm, kỹ năng sử dụng tài liệu trong môn Toán thông qua việc tìm tòi cách giải các bài toán liên quan đến môn học. Từ đó, vận dụng linh hoạt kiến thức về đồng dư thức vào việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm, dạy học phân hóa cho học sinh.

- CO3: Vận dụng sáng tạo các kiến thức về phép chia hết, phép chia có dư, định lý Fecma, định lý Ôle, ... trong việc học Toán và các hoạt động dạy học môn Toán ở Tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nắm được các khái niệm: đồng dư thức, hàm Ôle, phương trình đồng dư một ẩn; hệ phương trình đồng dư một ẩn.

- CLO2: Nắm vững các tính chất của đồng dư thức, định lý Ôle, định lý PhécMa và các ứng dụng; cách giải phương trình đồng dư một ẩn; hệ phương trình đồng dư một ẩn,...

- CLO3: Vận dụng các kiến thức về lý thuyết đồng dư vào giải quyết các bài tập liên quan: Chứng minh tính chia hết, tìm số dư trong phép chia có dư, giải phương trình và hệ phương trình đồng dư một ẩn,...

dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh Tiểu học.

- CLO4: Vận dụng sáng tạo các kiến thức về lý thuyết đồng dư vào thiết kế kế hoạch dạy học môn Toán ở tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học; để giải quyết, phản biện vấn đề một cách hiệu quả.

- CLO5: Tự học, tự nghiên cứu các vấn đề về lý thuyết đồng dư và các lĩnh vực liên quan khác để nâng cao năng lực nghề nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần						
	LT	TL	BT	Thực hành	TH		Khác
Đồng dư thức	4	1	2		8		
Vành các lớp thặng dư	2		2		8		
Hệ thặng dư	2		2		8		
Định lý Ôle, Phécma	2		4		10		
Các khái niệm chung, điều kiện có nghiệm	2		1		8		
Phương trình đồng dư bậc nhất một ẩn	2		1		8		
Phương trình đồng dư bậc cao theo mô đun nguyên tố	1	1	1		6		
Các khái niệm, điều kiện có nghiệm	1			1	8		
Hệ phương trình đồng dư tương đương	1				8		
Thực hành giải hệ phương trình đồng dư bậc nhất và bậc hai một ẩn			2		8		
Phương trình đồng dư và phương trình Di – ô – phăng	1				10		
Tổng	18	2	15	1	90		6

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan, ...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	CLO1-CLO5	30%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đáp án, thang điểm	CLO1-CLO3	
3	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-CLO3	
	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1 - CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết tự luận	Đáp án, thang điểm	CLO1- CLO3	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Viết tự luận	Đáp án, thang điểm	CLO1-CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Tiến Tài, Nguyễn Hữu Hoan (2008), *Lí thuyết đồng dư (Giáo trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở)*, Dự án phát triển giáo viên Bộ giáo dục và đào tạo, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Diên Hiền, Nguyễn Thủy Chung (2018), *Cơ sở Toán học của môn Toán tiểu học*, NXB ĐHSP.

[2]. Nguyễn Hữu Hoan (2007), *Lí thuyết số*, NXB ĐHSP Hà Nội.

Học phần 41. Tiếng Việt tự chọn 2 / Vietnamese Language Optional 2 (Chọn 1 trong 2 học phần)

- Mã học phần: 142020
- Số tín chỉ: 2TC (18LT; 24BT, TH)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt tự chọn 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp chức năng, kiến thức về 3 bình diện của câu tiếng Việt: bình diện ngữ pháp, bình diện ngữ nghĩa, bình diện dung học. Trên cơ sở đó, người học hiểu thêm về một hướng tiếp cận câu tiếng Việt nói riêng, các vấn đề về câu nói chung theo hướng mới, hiện đại, có năng lực miêu tả và giải thích cao.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức khái quát về ngữ pháp chức năng, về 3 bình diện của câu (bình diện ngữ pháp, bình diện ngữ nghĩa, bình diện dung học). Trên cơ sở đó thấy được sự phân biệt và mối quan hệ giữa 3 bình diện của câu, phân tích được cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện, cấu trúc đề thuyết của câu

- CO2: Hình thành cho người học kỹ năng nhận diện câu, cú, sự tình, các vai nghĩa, các tham thể, kỹ năng phân tích cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện, cấu trúc đề thuyết của câu.

- CO3: Giúp người học vận dụng kiến thức đã học để dạy kiến thức ngữ pháp tiếng Việt trong chương trình tiếng Việt ở trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của ngữ pháp chức năng, về 3 bình diện của câu (bình diện ngữ pháp, bình diện ngữ nghĩa, bình diện dung học). Trên cơ sở đó thấy được sự phân biệt và mối quan hệ giữa 3 bình diện của câu, phân tích được cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện, cấu trúc đề thuyết của câu

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức để có kỹ năng nhận diện câu, cú, sự tình, các vai

nghĩa, các tham thế, kĩ năng phân tích cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện, cấu trúc đề thuyết của câu.

- CLO3: Người học vận dụng kiến thức đã học để dạy kiến thức ngữ pháp tiếng Việt trong chương trình tiếng Việt ở trường Tiểu học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Dẫn luận về Ngữ pháp chức năng	4	3	0	0	0	20
Bình diện ngữ pháp của câu tiếng Việt	6	5	0	0	0	20
Bình diện ngữ nghĩa của câu tiếng Việt	6	8	0	0	0	30
Bình diện dụng học của câu tiếng Việt	4	8	0	0	0	20
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Viết	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
1	Làm bài kiểm tra	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 6 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt* NXB Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Hoàng Văn Vân dịch (2004), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Cao Xuân Hạo (2004), *Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Hoàng Văn Vân (2002), *Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt mô tả theo quan điểm Ngữ pháp chức năng*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

b) Lí thuyết hội thoại / Conversational Theories

- Mã học phần: 142020

- Số tín chỉ: 2TC (18LT; 24BT,TH)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt tự chọn 1

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 4 chủ đề chính: Khái quát về hội thoại, hành vi ngôn ngữ, lập luận trong ngôn bản; nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn; từ đó, người học có thể hiểu vận dụng giải quyết các vấn đề cơ bản về trong quá trình học tập và nghiên cứu cũng như trong việc vận dụng kiến thức liên quan đến giảng dạy môn tiếng Việt ở trường tiểu học.

Người học có năng lực tự học, tự tích lũy các kiến thức về hội thoại; Có năng lực vận dụng kiến thức hội thoại trong giảng dạy môn Tiếng Việt trong trường tiểu học; Có năng lực hướng dẫn cho học sinh tiểu học kỹ năng giao tiếp, xây dựng cuộc thoại, phân tích nghĩa của từ, câu trong ngữ cảnh; Có năng lực đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của học sinh tiểu học.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và kiến thức nền tảng về hệ thống kiến thức cơ bản về hội thoại, về hành vi ngôn ngữ, về lập luận trong ngôn bản, về nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn.

- CO2: Hình thành cho người học kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để nhận diện diện các yếu tố của cấu trúc hội thoại, nhận diện các hành vi ngôn ngữ, lập luận trong ngôn bản, nhận diện nghĩa tường minh, phân tích nghĩa hàm ẩn.

- CO3: Giúp người học vận dụng kiến thức đã học để dạy học Tiếng Việt ở trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản về hội thoại, về hành vi ngôn ngữ, về lập luận trong ngôn bản, về nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn.

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức để nhận diện diện các yếu tố của cấu trúc hội thoại, nhận diện các hành vi ngôn ngữ, lập luận trong ngôn bản, nhận diện nghĩa tường minh, phân tích nghĩa hàm ẩn.

- CLO3: Người học vận dụng kiến thức đã học để dạy học Tiếng Việt ở trường Tiểu học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái quát về hội thoại	8	3	7	0	0	30
Hành vi ngôn ngữ	6	1	5	0	0	30
Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn	4	2	6	0	0	30
Tổng	18	6	18	0	0	90

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric 2 (đánh giá mức độ làm bài tập cá nhân)	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Tham gia thảo luận	Rubric 3,4 (đánh giá mức độ làm bài tập nhóm và tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
3	Làm bài kiểm tra	Rubric 6 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
4	Viết	Rubric 7 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Tài liệu tham khảo chính

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Đỗ Hữu Châu (2005), *Tuyển tập tập 2 (Phần Đại cương, Ngữ dụng học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Đỗ Thị Kim Liên (2002), *Ngữ dụng học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[2]. Đỗ Thị Kim Liên (1999), *Lí thuyết Hội thoại*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

Học phần 42. Văn học tự chọn / Literature Optional (Chọn 1 trong 2 học phần)

a) Văn học 3 / Literature 3

- Mã học phần: 142044

- Số tín chỉ: 2TC (18LT; 24BT, TH)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Văn học 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần giới thiệu ba tác giả tiêu biểu của bộ phận văn học thiếu nhi Việt Nam: Võ Quảng, Phạm Hồ và Đoàn Giỏi. Chỉ ra được các yếu tố ảnh hưởng đến con người và sự nghiệp tác giả: thời đại, gia đình và tài năng. Giúp người học có khả năng hiểu, cảm thụ, phân tích các tác phẩm văn học tiêu biểu của Phạm Hồ, Võ Quảng và Đoàn Giỏi trên hai bình diện nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và kiến thức nền tảng về văn học thiếu nhi Việt Nam. Cụ thể là đi sâu tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác cũng như nội dung và nghệ thuật các sáng tác dành riêng cho thiếu nhi của ba tác giả: Võ Quảng, Phạm Hồ và Đoàn Giỏi.

- CO2: Hình thành cho người học kỹ năng vận dụng kiến thức để tìm hiểu tác giả, phân tích nội dung và nghệ thuật các sáng tác dành cho thiếu nhi cũng như những tác phẩm văn học cụ thể theo từng giai đoạn, chủ đề khác nhau của một số tác giả văn học thiếu nhi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

- CO3: Giúp người học vận dụng kiến thức đã học để lí giải một số vấn đề có liên quan đến nội dung môn tiếng Việt trong trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của nền tảng về văn học thiếu nhi Việt Nam cũng như cuộc đời và sự nghiệp sáng tác, nội dung và nghệ thuật các sáng tác dành riêng cho thiếu nhi của một số tác giả văn học thiếu nhi Việt Nam tiêu biểu.

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức để tìm hiểu tác giả, phân tích nội dung và nghệ thuật các sáng tác dành cho thiếu nhi cũng như những tác phẩm văn học cụ thể theo từng giai đoạn, chủ đề khác nhau của một số tác giả văn học thiếu nhi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

- CLO3: Người học vận dụng kiến thức đã học để phân tích, lí giải một số vấn đề có liên quan đến nội dung môn tiếng Việt trong trường Tiểu học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tìm hiểu tác giả Võ Quảng và sáng tác cho thiếu nhi.	6	8	0	0	0	30
Tác giả Phạm Hồ và sáng tác cho thiếu nhi.	7	8	0	0	0	30
Tác giả Đoàn Giỏi với tiểu thuyết Đất rừng phương Nam	5	8	0	0	0	30
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Viết	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
4	Làm bài kiểm tra	Rubric 6 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
5	Viết	Rubric 7 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1].Lã Thị Bắc Lý (2013), *Giáo trình Văn học trẻ em*, NXB ĐHSP Hà Nội,

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Phạm Hồ (1999), *Tuyển tập Phạm Hồ*, NXB Văn học.

[2]. Vân Thanh (2019), *Văn học Thiếu nhi Việt Nam: Một số vấn đề về tác phẩm và thể loại*, NXB ĐH Quốc gia.

[3]. Trần Đăng Khoa (1983), *Góc sân và khoảng trời*, NXB Đồng Tháp.

[4]. Châu Tuấn, Võ Quảng (2020), *Một đời thơ văn*, NXB Kim Đồng.

[5]. Đoàn Giỏi (2015), *Đất rừng phương Nam*, NXB Văn học.

b) Thi pháp văn học dân gian / Traditional Literature

- Mã học phần: 142035

- Số tín chỉ: 2TC (18LT; 24BT,TH)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Văn học 2

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về thi pháp văn học dân gian như: Thi pháp truyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, ca dao.

Người học có những kiến thức chung về thi pháp văn học dân gian như: Thi pháp truyện thần thoại, truyện cổ tích, ca dao; hiểu và cảm thụ được tác phẩm văn học dân gian trên hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật; vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học dân gian vào quá trình học tập, nghiên cứu, dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và kiến thức nền tảng về thi pháp văn học dân gian, bao gồm các kiến thức về truyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, ca dao.

- CO2: Hình thành cho người học kỹ năng vận dụng kiến thức để tìm hiểu tác giả, phân tích tác phẩm văn học dân gian hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật.

- CO3: Giúp người học vận dụng kiến thức đã học để lí giải một số vấn đề có liên quan đến nội dung môn tiếng Việt trong trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của thi pháp văn học dân gian: bao gồm các kiến thức về truyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, ca dao.

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức để tìm hiểu, phân tích tác phẩm văn học dân gian hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật.

- CLO3: Người học vận dụng kiến thức lí giải một số vấn đề có liên quan đến nội dung môn tiếng Việt trong trường Tiểu học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Giới thiệu chung về thi pháp	4	3	0	0	0	30
Khái quát về thi pháp truyện dân gian	6	9	0	0	0	30
Khái quát về thi pháp ca dao	8	12	0	0	0	30
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Tham gia thảo luận	Rubric 3,4 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
2	Bài tập cá nhân	Rubric 2 (đánh giá mức độ làm bài tập cá nhân)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
4	Làm bài kiểm tra	Rubric 6 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
II. Thi kết thúc học phần				
5	Viết	Rubric 7 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

- [1]. Nguyễn Xuân Đức (1990), *Thi pháp truyện cổ tích*, NXB ĐH Vinh.
- [2]. Nguyễn Xuân Kính (1998), *Thi pháp ca dao*, NXB KHXH.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Trần Đình Sử (1993), *Thi pháp học hiện đại*, NXB GD.
- [2]. Trần Đình Sử (1999), *Mấy vấn đề về thi pháp văn học Trung đại Việt Nam*, NXB GD.
- [3]. Phương Lưu (1986), *Lí luận văn học*, NXB GD.

Học phần 43. Chọn 1 trong 4 học phần

a) Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên / Train the Teaching Skill Regularly

- Số tín chỉ: **02 (18 LT, 24 TL, 0 TH)**
- Mã học phần: **181004**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học các học phần Giáo dục học tiểu học.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên bao gồm những nội dung kiến thức về rèn luyện cho sinh viên CĐ và ĐHGĐ Tiểu học những kỹ năng cơ bản về dạy học và giáo dục ở trường tiểu học, gồm: Nhóm kỹ năng dạy học và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; nhóm kỹ năng giáo dục; nhóm kỹ năng xử lý tình huống sư phạm.

Người học có năng lực thực hiện có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp phù hợp với nhiệm vụ của người GV ở trường tiểu học, như: giảng dạy các môn học; tổ chức các hoạt động giáo dục; tư vấn cho học sinh, phụ huynh về một số vấn đề giáo dục thanh thiếu niên ở gia đình; tham gia có hiệu quả các hoạt động xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững kiến thức cơ bản về lý luận dạy học và giáo dục ở trường tiểu học, trau dồi các nhóm kỹ năng như: Nhóm kỹ năng dạy học và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; nhóm kỹ năng giáo dục; nhóm kỹ năng xử lý tình huống sư phạm.

- CO2: Nắm vững kiến thức cơ bản và thực hiện được các bước xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân, kỹ năng dạy học nhóm, xây dựng kế hoạch dạy học bồi dưỡng học sinh giỏi hoặc yếu kém, kỹ năng lập kế hoạch và triển khai kế hoạch tự học tự bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tin tưởng vào đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; xác định đúng đắn trong việc rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Nắm vững kiến thức cơ bản và thực hiện được các bước xây dựng kỹ năng học hỏi, đánh giá giờ giảng đồng nghiệp. Kỹ năng lựa chọn và viết sáng kiến kinh nghiệm. kỹ năng thiết kế và tổ chức các cuộc họp phụ huynh.

- CLO2: Nắm vững kiến thức cơ bản và thực hiện được các bước xây dựng kỹ năng thiết kế, tổ chức thực hiện hoạt động sinh hoạt lớp. Kỹ năng thiết kế, tổ chức thực hiện hoạt động sinh

hoạt theo chủ đề, kỹ năng lập kế hoạch tìm hiểu hoàn cảnh, phẩm chất, tính cách HS. Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai giáo dục học sinh cá biệt.

- CLO3: Biết sử dụng lý luận dạy học và lý luận giáo dục nhận diện tình huống trong dạy học và giáo dục, phân tích tình huống, giải quyết tình huống linh hoạt và tinh tế.

- CLO5: Có kỹ năng lập kế hoạch và triển khai kế hoạch dạy học cá nhân. Các kỹ năng dạy học nhóm. Có kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học bồi dưỡng học sinh giỏi hoặc yếu kém. Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai kế hoạch tự học tự bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

- CLO6: Có kỹ năng học hỏi, đánh giá giờ giảng đồng nghiệp. Kỹ năng lựa chọn và viết sáng kiến kinh nghiệm. Có kỹ năng lập kế hoạch tìm hiểu hoàn cảnh, phẩm chất, tính cách HS. Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai giáo dục học sinh cá biệt

- CLO7: Có kỹ năng nhận diện tình huống trong dạy học và giáo dục, kỹ năng phân loại tình huống trong dạy học và giáo dục. Có kỹ năng phân tích tình huống trong dạy học và giáo dục, kỹ năng giải quyết tình huống trong dạy học và giáo dục.

- CLO 8: Có thái độ nghiêm túc, tích cực khi trong quá trình học tập môn học. Có tinh thần làm việc nhóm, có tinh thần phối hợp khi xây dựng kế hoạch hoạt động chung, việc giải quyết các tình huống trong thực tiễn giáo dục.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
<p>CHƯƠNG 1. NHÓM KỸ NĂNG DẠY HỌC VÀ BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ</p> <p>1.1. Kỹ năng lập kế hoạch triển khai kế hoạch dạy học cá nhân.</p> <p>1.2. Các kỹ năng dạy học nhóm.</p> <p>1.3. Kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học bồi dưỡng học sinh giỏi hoặc yếu kém.</p> <p>1.4. Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai kế hoạch tự học tự bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>1.5. Kỹ năng học hỏi, đánh giá giờ giảng đồng nghiệp.</p> <p>1.6. Kỹ năng lựa chọn và viết sáng kiến kinh nghiệm</p>				24		
<p>CHƯƠNG 2. NHÓM KỸ NĂNG GIÁO DỤC</p> <p>2.1. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức sinh hoạt lớp.</p>				18		

2.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động theo chủ đề. 2.3. Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai hợp phụ huynh. 2.4. Kỹ năng lập kế hoạch tìm hiểu hoàn cảnh, phẩm chất, tính cách HS. 2.5. Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai giáo dục học sinh cá biệt.					
CHƯƠNG 3. NHÓM KỸ NĂNG XỬ LÝ TÌNH HUỐNG 3.1. Kỹ năng nhận diện tình huống trong dạy học và giáo dục. 3.2. Kỹ năng phân loại tình huống trong dạy học và giáo dục. 3.3. Kỹ năng phân tích tình huống trong dạy học và giáo dục. 3.4. Kỹ năng giải quyết tình huống trong dạy học và giáo dục			18		

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 6,7,8	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-8	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-8	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kỳ	CLO1,2,3,5,6	20%
III	Thi cuối kỳ			
5	Vấn đáp	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1-8	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Việt Bắc (chủ biên) (2007), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ cao đẳng và đại học)*, Nxb Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Phạm Trung Thanh (Chủ biên) (2007), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (Giáo trình dùng cho các trường CĐSP)*, NXB ĐHSP.

[2]. Hoàng Anh (2003), *300 tình huống giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục.

b) Thực hành công tác Đội và Tổ chức hoạt động giáo dục NGLL ở trường Tiểu học / Practice Team Work and Organize Educational Activities outside of Class time in Elementary Schools

- Số tín chỉ: **02 (12 LT, 12 TL, 26 TH; 90 TH)**

- Mã học phần: **181170**

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học các học phần Triết học Mác – Lênin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lý luận chung về công tác đội TNTP Hồ Chí Minh như: Lịch sử Đội TNTP Hồ Chí Minh, mục đích, tính chất và nhiệm vụ của đội, hệ thống tổ chức đội; Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh, chỉ huy nghi thức đội, đội hình đội ngũ, nghi lễ của đội; Những hoạt động nghiệp vụ của Đội: Hát múa thiếu nhi, trò chơi thiếu nhi, Hội thi thiếu nhi; Hoạt động NGLL ở trường Tiểu học: Mục đích, ý nghĩa, các chủ đề, chủ điểm hoạt động NGLL ở trường Tiểu học trong năm học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về lý luận chung về công tác đội TNTP Hồ Chí Minh; Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh, chỉ huy nghi thức đội, đội hình đội ngũ, nghi lễ của đội; Những hoạt động nghiệp vụ của Đội; Mục đích, ý nghĩa, các chủ đề, chủ điểm hoạt động NGLL ở trường Tiểu học trong năm học.

- CO2: Người học vận dụng thành thạo các kiến thức lý luận về Công tác đội vào việc tổ chức thực hành, rèn luyện Nghi thức Đội, hoạt động nghiệp vụ của Đội và tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp theo chủ đề, chủ điểm ở trường tiểu học.

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tin tưởng vào đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác giáo dục đội viên; xác định đúng đắn trong việc rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học hiểu rõ lịch sử hình thành và phát triển của Đội TNTP Hồ Chí Minh; mục đích, tính chất và nhiệm vụ của Đội, hệ thống tổ chức Đội; Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh, chỉ huy nghi thức đội, đội hình đội ngũ, nghi lễ của đội;

- CLO2: Người học hiểu rõ những hoạt động nghiệp vụ của Đội: Hát múa thiếu nhi, trò chơi thiếu nhi, Hội thi thiếu nhi; Hoạt động NGLL ở trường Tiểu học: Mục đích, ý nghĩa, các chủ đề, chủ điểm hoạt động NGLL ở trường Tiểu học trong năm học.

- CLO3: Người học phân tích được cách thức tổ chức và hoạt động của Đội; Nghi thức Đội và các hoạt động nghiệp vụ của Đội; hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học.

- CLO4: Người học thực hiện thành thạo bước tổ chức thực hành nghi thức Đội; hoạt động nghiệp vụ của Đội; hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học trong năm học.

- CLO5: Sinh viên vận dụng được nội dung Nghi thức Đội; hoạt động nghiệp vụ của Đội; Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp vào thực tiễn học tập và thực tiễn hoạt động nghề nghiệp ở trường tiểu học.

- CLO6: Sinh viên có khả năng thực hành nhóm và tự lập kế hoạch học tập, độc lập nghiên cứu và giải quyết các nhiệm vụ môn học.

- CLO7: Sinh viên có khả năng chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch, mục tiêu học tập đáp ứng yêu cầu mục tiêu đào tạo giáo viên tiểu học; có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động học tập và tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp trong tương lai.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương 1. Những vấn đề chung về công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh. 1. Tóm tắt lịch sử Đội thiếu niên tiền phong HCM. 2. Mục đích, tính chất, nhiệm vụ của Đội 2.1. Mục đích.	2					
2.2. Tính chất. 2.3. Nhiệm vụ		3				
3. Hệ thống tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh						15
Chương 2. Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh (4 LT; 3 TL; 10 TH; 30 TH) 1. Khái niệm nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh 2. Ý nghĩa, vai trò, tác dụng của nghi thức Đội	4					
4. Một số quy định chung về nghi thức Đội.		3				
5. Những kỹ năng cơ bản đối với người đội viên 6. Chỉ huy nghi thức Đội. 7. Đội hình - Đội ngũ.				10		
3. Các biểu trưng nghi thức Đội. 8. Nghi lễ của Đội TNTP HCM						30
Chương 3. Một số hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh (4 LT; 3 TL; 10 TH; 30 TH) 1. Hát múa thiếu nhi. 1.1. Ý nghĩa, tác dụng của hát múa đối với thiếu nhi. 1.2. Các bước tiến hành dạy hát cho thiếu nhi.	4					

1.3. Các bước tiến hành dạy múa cho thiếu nhi. 3.3. Các nội dung chủ yếu phù hợp với hội thi thiếu nhi						
3.4. Các loại hình hội thi phổ biến của thiếu nhi 3.5. Quy trình tiến hành tổ chức hội thi thiếu nhi.		3				
1.4. Thực hành một số bài hát múa thiếu nhi. 2.3. Thực hành một số trò chơi thiếu nhi. 3.6. Thực hành tổ chức hội thi thiếu nhi				10		
2. Trò chơi thiếu nhi 2.1. Ý nghĩa, tác dụng. 2.2. Các bước tiến hành tổ chức trò chơi thiếu nhi. 3. Hội thi thiếu nhi. 3.1. Ý nghĩa. 3.2. Tác dụng.						30
Chương 4. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học (2 LT; 3 TL; 6 TH; 15 TH) 1. Khái quát chung về hoạt động ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học 1.1. Vị trí 1.2. Vai trò:	2					
1.3. Mục tiêu:		3				
3. Thực hành thiết kế hoạt động GDNGLL.				6		
2. Các chủ đề hoạt động ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học						15

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3,8,9	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-7	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-7	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Thực hành	Rubric đánh giá giữa kỳ	CLO1,2,3,5,6	20%
III	Thi cuối kỳ			
5	Thực hành	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1-7	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thực hành, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Bùi Sĩ Tụng (2005), *Phương pháp giảng dạy môn Công tác đội*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bùi Sĩ Tụng (2000), *Nghi thức và những hoạt động nghiệp vụ của Đội*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Hà Nhật Thăng (2004), *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường THCS và Tiểu học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

c) Giáo dục hòa nhập / Inclusive Education

- Số tín chỉ: **02 (18 LT, 24 TL, 0 TH)**
- Mã học phần: **182058**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học các học phần Giáo dục học tiểu học.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật; Những nguyên tắc cơ bản của dạy học hoà nhập; Chương trình dạy học phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ khuyết tật; Học hợp tác nhóm trong dạy học hoà nhập; Thiết kế và tiến hành bài học hoà nhập có hiệu quả. Nhóm bạn bè, nhóm hỗ trợ cộng đồng, quản lý giáo dục hoà nhập trong nhà trường. Giáo dục hòa nhập cho trẻ khiếm thị, khiếm thính, trẻ chậm phát triển trí tuệ, phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học và cách đánh giá...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học xác định được những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật: Hiểu rõ bản chất của giáo dục hòa nhập, tính tất yếu của giáo dục hòa nhập và cách tiến hành giáo dục hòa nhập ở tiểu học. Nắm vững những nguyên tắc cơ bản của việc dạy học hoà nhập.

- CO2: Biết phối hợp các lực lượng hỗ trợ trong giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật nói chung. Đồng thời sinh viên kỹ năng dạy học hoà nhập phù hợp với đặc điểm khuyết tật của từng loại trẻ.

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, xác định đúng đắn trong việc rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học hiểu hiểu rõ những vấn đề bản chất của giáo dục hòa nhập và vận dụng trong công tác giáo dục trẻ khuyết tật. Nắm vững chương trình dạy học của trẻ khuyết tật; Hiểu rõ hợp tác nhóm trong dạy học hòa nhập, thiết kế được các bài dạy phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ khuyết tật ở TH.

- CLO2: Hiểu rõ vai trò, chức năng của các nhóm hỗ trợ trong giáo dục hòa nhập và biết phối hợp các nhóm hỗ trợ trong giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở TH. Nắm vững qui trình xây dựng kế hoạch và tiến hành hỗ trợ cho trẻ khuyết tật tại cộng đồng. Sinh viên hiểu rõ đặc điểm của trẻ khiếm thị, khiếm thính, chậm phát triển trí tuệ và lựa chọn được các phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học và cách đánh giá phù hợp.

- CLO3: Sinh viên nắm vững phương pháp và phương tiện dạy học đặc thù các phân môn trong chương TH. Vận dụng có hiệu quả trong GD trẻ hòa nhập, phù hợp với từng nhóm trẻ khuyết tật.

- CLO4: Có kỹ năng lựa chọn và vận dụng các phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học phù hợp với trẻ khiếm thị, khiếm thính, chậm phát triển trí tuệ ở TH.

- CLO5: Có kỹ năng phối hợp các nhóm hỗ trợ, các lực lượng giáo dục trong giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở TH; Có kỹ năng tư vấn cộng đồng; Thiết kế và tiến hành bài học hòa nhập có hiệu quả

- CLO6: Thiết kế và thực hiện được bài dạy phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ khuyết tật ở Tiểu học. Tự chủ, sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch, điều chỉnh nội dung, chương trình dạy học phù hợp với trẻ khuyết tật ở Tiểu học. Tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương 1: Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật 1.1. Khái niệm giáo dục hòa nhập 1.2. Bản chất của giáo dục hòa nhập 1.3. Tính tất yếu của giáo dục hòa nhập 1.4. Những mặt tích cực của giáo dục HN 1.5. Quy trình giáo dục hòa nhập	4	4				
Chương 2: Dạy học hòa nhập cho trẻ khuyết tật 2.1. Những nguyên tắc cơ bản của dạy học hòa nhập 2.2. Điều chỉnh chương trình dạy học 2.3. Hợp tác nhóm trong dạy học hòa nhập.	4	5				

2.4. thiết kế và tiến hành bài học hòa nhập hiệu quả						
Chương 3: Hỗ trợ giáo dục hòa nhập 3.1. Nhóm bạn bè 3.2. Nhóm hỗ trợ cộng đồng 3.3. Quản lý giáo dục hòa nhập trong nhà trường	3	3				
Chương 4: Giáo dục hòa nhập cho trẻ khiếm thị 4.1. Phương tiện dạy học cho HS khiếm thị 4.2. Phương pháp và phương tiện dạy học đặc thù các phân môn trong chương TH.	2	4				
Chương 5: Giáo dục hòa nhập cho trẻ chậm PTTT 5.1. Kỹ thuật dạy học cho trẻ chậm phát triển trí tuệ 5.2. Đánh giá kết quả giáo dục trẻ chậm PTTT.	3	4				
Chương 6: Giáo dục hòa nhập cho trẻ khiếm thính 6.1. Giao tiếp cho trẻ khiếm thính 6.2. Hướng dẫn cho trẻ khiếm thính lĩnh hội khái niệm.	2	4				

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3,4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-6	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1-6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kỳ	CLO1,2,3,5,6	20%
III	Thi cuối kì			
5	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1].Lê Văn Tạc (chủ biên)(2006), *Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật bậc tiểu học*, NXB Lao động xã hội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1].(2006), *Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật ở tiểu học*, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên tiểu học, NXB Giáo dục.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2000), *Kỹ năng dạy hoà nhập trẻ khuyết tật*, Dự án lớp linh hoạt, HN.

d) Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học / Organize Experiential Activities in Primary School

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL, 0 TH)
- Mã học phần: 182006
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học tiểu học
- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học tiểu học

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm một số vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm ở tiểu học: các khái niệm cơ bản về hoạt động trải nghiệm, vị trí, vai trò của hoạt động trải nghiệm, đặc điểm của hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học; Phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học; Thiết kế các hoạt động trải nghiệm và đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm của học sinh tiểu học.

4. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm ở tiểu học, hiểu rõ vị trí, vai trò của hoạt động trải nghiệm và đặc điểm của hoạt động trải nghiệm, các phương pháp và các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, cách thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở tiểu học, các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm của sinh viên.
- CO2: Hình thành một số kỹ năng cơ bản như: kỹ năng thiết kế các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển phẩm chất, năng lực người học; kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển phẩm chất, năng lực người học; kỹ năng đánh giá, phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường; kỹ năng độc lập thực hiện các hoạt động trải nghiệm.

- CO3: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc phát triển năng lực nghề nghiệp cho bản thân; Có tinh thần tự giác học tập và tự nghiên cứu bài giảng, tài liệu tham khảo; xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân, có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu rõ những kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm ở tiểu học, hiểu rõ vị trí, vai trò của hoạt động trải nghiệm và đặc điểm của hoạt động trải nghiệm;

- CLO2: Hiểu rõ về các phương pháp và các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm; Hiểu rõ cách thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở tiểu học;

- CLO3: Hiểu rõ các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm của học sinh tiểu học.

- CLO4: Có kỹ năng thiết kế các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển phẩm chất, năng lực người học;

- CLO5: Kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển phẩm chất, năng lực người học; kỹ năng độc lập thực hiện các hoạt động trải nghiệm; kỹ năng phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm của học sinh tiểu học.

- CLO6: Có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập môn học, thực hiện các yêu cầu nhiệm vụ dạy học nâng cao NL sư phạm; tinh thần làm việc nhóm, Có tinh thần hợp tác khi giải quyết các nhiệm vụ học tập.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
<p>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM</p> <p>1. Khái niệm hoạt động trải nghiệm</p> <p>2. Vị trí, vai trò của hoạt động trải nghiệm</p> <p>3. Đặc điểm của hoạt động trải nghiệm</p> <p>4.. Phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm</p> <p>4.1. <i>Phương thức khám phá</i></p> <p>4.2. <i>Phương thức thể nghiệm tương tác</i></p> <p>4.3. <i>Phương thức công hiến</i></p> <p>4.4. <i>Phương thức nghiên cứu</i></p> <p>5. Các loại hình cơ bản tổ chức hoạt động trải nghiệm</p> <p>5.1. <i>Sinh hoạt dưới cờ</i></p> <p>5.2. <i>Trải nghiệm thường xuyên theo chủ đề</i></p> <p>5.3. <i>Sinh hoạt lớp</i></p> <p>5.4. <i>Câu lạc bộ</i></p>	6	5				
<p>Chương 2. CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC</p>	3	6				

<p>1. Mục tiêu hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học</p> <p>2. Phân phối chương trình hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học</p> <p>3. Nội dung hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học.</p>						
<p>Chương 2. CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC</p> <p>1. Mục tiêu hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học</p> <p>2. Phân phối chương trình hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học</p> <p>3. Nội dung hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học</p>	3	6				
<p>Chương 3: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC 10 tiết (5LT + 5 TL)</p> <p>1. Khái niệm kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm</p> <p>2. Yêu cầu xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm</p> <p>3. Kế hoạch tổ nhóm chuyên môn (kế hoạch tổng thể theo khối lớp).</p> <p>4. Kế hoạch theo các loại hình hoạt động trải nghiệm</p> <p>4.1 Cấu trúc kế hoạch sinh hoạt dưới cờ</p> <p>4.2 Cấu trúc kế hoạch trải nghiệm thường xuyên theo chủ đề</p> <p>4.3 Cấu trúc kế hoạch sinh hoạt lớp</p> <p>4.4 Cấu trúc kế hoạch câu lạc bộ</p> <p>5. Các hoạt động chính trong kế hoạch và các bước thực hiện</p> <p>5.1 Các hoạt động chính trong kế hoạch trải nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện khám phá/ kết nối kinh nghiệm/ luyện tập thực hành/vận dụng mở rộng. <p>5.2 Các bước thực hiện hoạt động trải nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển giao nhiệm vụ hoạt động/ thực hiện nhiệm vụ hoạt động/ báo cáo kết quả hoạt động/ đánh giá sản phẩm hoạt động. 	5	5				

<p>Chương 4: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CỦA HỌC SINH Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC</p> <p>1. Các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm</p> <p>2. Các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm</p> <p>2.1 <i>Đánh giá thường xuyên</i></p> <p>2.2 <i>Đánh giá định kỳ</i></p> <p>3. Các phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm</p> <p>3.1 <i>Các phương pháp kiểm tra, đánh giá</i></p> <p>3.2 <i>Các công cụ kiểm tra, đánh giá</i></p> <p>4. Quy trình thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm</p> <p>- <i>Xác định yêu cầu cần đạt và biểu hiện/ xác định thời điểm, thời gian kiểm tra/ lựa chọn phương pháp công cụ đánh giá/ thiết kế công cụ tiến hành kiểm tra/ phân tích và phản hồi thông tin đánh giá/ sử dụng kết quả phát triển phẩm chất năng lực học sinh.</i></p>	5	5				
---	---	---	--	--	--	--

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên(05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5,6	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-6	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
5	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên) (2019), Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chương trình giáo dục phổ thông mới, NXB ĐHSP

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Dự án đổi mới giáo dục phổ thông GREP (2020), tài liệu bồi dưỡng kiểm tra đánh giá học sinh tiểu học theo phẩm chất, năng lực hoạt động trải nghiệm.

[2]. Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên) (2017), Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học, NXB Giáo dục.

[3]. Chương trình hoạt động trải nghiệm 2018. Bộ GDĐT kèm thông tư Số: 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới.

Học phần 44. Kiến tập sư phạm / Teaching Practice Observation

- Số TC: 2 TC
- Mã học phần: 141010
- Đơn vị phụ trách: Khoa Giáo dục Tiểu học
- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong học phần Giáo dục học Tiểu học

1. Mô tả học phần

Sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên ngành Giáo dục tiểu học để thực hiện các nội dung kiến tập sư phạm ở các trường tiểu học như: Tìm hiểu chung về trường, lớp, các mô hình giáo dục tiểu học, chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu của giáo dục tiểu học, chương trình giáo dục tiểu học đang thực hiện tại trường và về các hoạt động chung của trường; tập làm giáo viên chủ nhiệm lớp, dự giờ, đánh giá, rút kinh nghiệm các hoạt động giáo dục và giờ giảng trong quá trình kiến tập.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên được tiếp xúc thực tế giáo dục thông qua quan sát trường học, lớp học, các hoạt động của giáo viên và học sinh ở trường tiểu học. Sinh viên theo dõi, ghi chép, quan sát, tổng hợp thông tin về những hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học, từ đó nắm được những nội dung hoạt động của trường tiểu học, các chức năng nhiệm vụ của người giáo viên.

- CO2: Vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn ở trường tiểu học, để hình thành và phát triển các năng lực giáo dục và năng lực dạy học cơ bản. Qua đợt KTSP, sinh viên có điều

kiện học tốt hơn các học phần nghiệp vụ sư phạm và chuẩn bị tốt cho đợt TTSP, được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề để thực hiện chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên được tiếp xúc thực tế giáo dục với vai trò của người giáo viên thực tập thông qua quan sát trường học, lớp học, các hoạt động của giáo viên và học sinh.

- CLO2: Sinh viên theo dõi, ghi chép, quan sát, tổng hợp thông tin về những hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học, từ đó nắm được những nội dung hoạt động của trường TT, các chức năng nhiệm vụ của người giáo viên.

- CLO3: Vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn ở trường tiểu học, để hình thành và phát triển các năng lực giáo dục và năng lực dạy học cơ bản. Qua đợt KTSP, sinh viên có điều kiện học tốt hơn các học phần nghiệp vụ sư phạm và chuẩn bị tốt cho đợt TTSP.

- CLO4: Sinh viên được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề để thực hiện chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

4. Nội dung học phần

Trong thời gian KTSP, SV phải thực hiện và hoàn thành các nội dung sau:

1. Kiến tập giảng dạy (KTGD)

a. Tìm hiểu nội dung công việc giảng dạy của người giáo viên tiểu học, của tổ bộ môn ở trường đến kiến tập, thông qua giáo viên hướng dẫn và tổ chuyên môn; tìm hiểu nội dung, chương trình dạy học ở bậc tiểu học.

b. Tìm hiểu về nội dung, chương trình, phương pháp dạy học, kế hoạch dạy học, hoạt động giáo dục, sinh hoạt tổ chuyên môn.. của trường tiểu học.

c. Tìm hiểu các loại hồ sơ, sổ sách lớp học; cách đánh giá, và các tài liệu hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý.

d. Dự giờ dạy của giáo viên trường thực tập:

- Sinh viên sẽ dự 1, 2 giờ dạy mẫu do giáo viên chuẩn bị, sau đó các sinh viên phải thực hiện đi đủ **10 tiết**/SV. Đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học: Dự giờ giảng dạy nhiều môn, riêng Toán và Tiếng Việt phải ở nhiều khối lớp.

SV phải làm đề cương trước khi dự giờ, tiến hành ghi chép trên phiếu dự giờ (*theo mẫu*), dự giờ xong phải tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.

e. Sinh viên tập giảng trong nhóm và trước lớp

- Mỗi sinh viên đăng ký để soạn 01 giáo án tương đương 01 tiết dạy, nghiên cứu tài liệu chuyên môn, soạn giáo án dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn;

- Tập giảng trong nhóm theo giáo án đã được chuẩn bị để nhóm rút kinh nghiệm, góp ý, bổ sung trên cơ sở đó, lựa chọn một sinh viên có khả năng dạy tốt nhất đại diện cho nhóm giới thiệu với giáo viên hướng dẫn;

- Tập giảng trên lớp: Sau khi được lựa chọn, giáo án giờ dạy của giáo sinh đại diện của nhóm phải được giáo viên hướng dẫn ký duyệt 02 ngày trước khi lên lớp và thực hiện tập giảng theo quy định của trường kiến tập.

* Cuối đợt kiến tập giảng dạy, sinh viên viết thu hoạch cá nhân (cho các mục a., b., và c.) nộp cho GV hướng dẫn. GV đánh giá bài thu hoạch và các tiết dự giờ của SV để cho điểm phần kiến tập giảng dạy (theo mẫu: Phụ lục 5).

2. Kiến tập chủ nhiệm (KTCN)

a. Tìm hiểu về nội dung công việc của người giáo viên chủ nhiệm lớp; nội dung, kế hoạch thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, thông qua giáo viên lên lớp dự giờ kiến tập chủ nhiệm; tìm hiểu về tình hình hoạt động của nhà trường; tìm hiểu hồ sơ sổ sách của nhóm lớp, của cá nhân học sinh; đối với sinh viên các ngành KTSP tại trường Tiểu học: Dự 3 tiết sinh hoạt chủ nhiệm ở lớp được phân công tại trường TT; dự các buổi sinh hoạt lớp và các buổi sinh hoạt Đoàn, Đội, các buổi sinh hoạt ngoại khoá và văn thể do giáo viên chủ nhiệm chủ trì.

b. Tìm hiểu về hồ sơ công tác chủ nhiệm lớp, cách đánh giá học lực, thể lực, hạnh kiểm của học sinh, thông qua lớp dự giờ kiến tập chủ nhiệm.

SV phải làm đề cương trước khi dự giờ, tiến hành ghi chép trên phiếu dự giờ (theo mẫu), dự giờ xong phải tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.

* Cuối đợt kiến tập chủ nhiệm, sinh viên viết thu hoạch cá nhân (cho các mục a, b) nộp cho GV hướng dẫn. GV đánh giá bài thu hoạch và các tiết dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm để cho điểm phần kiến tập chủ nhiệm (theo mẫu: Phụ lục 6).

5. Phương pháp dạy - học

Trước khi sinh viên đi kiến tập, giảng viên phụ trách nghiệp vụ có trách nhiệm lập kế hoạch tư vấn cho sinh viên, giảng viên dạy môn học có liên quan có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc, tìm hiểu tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên. Trong quá trình kiến tập của sinh viên nếu có vấn đề phát sinh phải phối hợp với trường sở tại để giải quyết.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

6.1. Điểm nội dung KTSP, gồm các phần

- Kiến tập giảng dạy: Điểm bài thu hoạch + TBC điểm các tiết dự giờ;
- Kiến tập chủ nhiệm: Điểm bài thu hoạch + TBC điểm các tiết dự giờ;

6.2. Công thức tính điểm nội dung KTSP

$$\text{Điểm KTSP} = \frac{\text{KTGD} + \text{KTCN}}{2} + (\text{hoặc -}) \text{điểm thưởng/phạt}$$

Ban chỉ đạo trường thực tập tổng hợp điểm nội dung KTSP.

+ *Điểm thưởng/phạt*: Điểm này được cộng hoặc trừ vào kết quả đã được tính trung bình chung của điểm KTSP, theo 3 mức: 0,1; 0,2; 0,3.

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các qui định tại Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức.
- Chấp hành tốt nội qui qui định của Trường đến kiến tập.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Quyết định số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Quyết định số 906/QĐ-ĐHHD ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc ban hành quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức.

Học phần 45. Thực tập sư phạm / Pedagogical Practicum

- Số TC: 5 TC
- Mã học phần: 141060
- Đơn vị phụ trách: Khoa Giáo dục Tiểu học
- Điều kiện tiên quyết: Kiến tập sư phạm

1. Mô tả học phần

Sinh viên tìm hiểu toàn diện thực tiễn của trường tiểu học như: chức năng, nhiệm vụ của trường tiểu học, giáo viên tiểu học, mục tiêu chương trình, sách giáo khoa tiểu học, công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường tiểu học nơi sinh viên thực tập. Tham gia thực tập giảng dạy như lập kế hoạch dạy học, soạn giáo án, dự giờ và tập giảng dạy các tiết dạy ở bậc tiểu học; tham gia sinh hoạt tổ chuyên môn. Thực tập chủ nhiệm các lớp học bậc tiểu học như dự giờ chủ nhiệm, lập kế hoạch chủ nhiệm, tham gia chủ nhiệm lớp. Đánh giá rút kinh nghiệm, viết báo cáo quá trình thực tập.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Sinh viên được tiếp xúc thực tế giáo dục với vai trò của người giáo viên thực tập thông qua quan sát trường học, lớp học, các hoạt động của giáo viên và học sinh. Sinh viên theo dõi, ghi chép, quan sát, tổng hợp thông tin về những hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học, từ đó nắm được những nội dung hoạt động của trường TT, các chức năng nhiệm vụ của người giáo viên.

- CO2: Vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn ở trường tiểu học, để hình thành và phát triển các năng lực giáo dục và năng lực dạy học cơ bản. Qua đợt TTSP, sinh viên có điều kiện học tốt hơn các học phần nghiệp vụ sư phạm, được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề để thực hiện chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp.

- CLO2: Tích lũy và rèn luyện kỹ năng cơ bản về soạn bài các tiết dạy học, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập và giáo dục của học sinh.

- CLO3: Lên lớp giảng bài và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập. Phát triển các kỹ năng giao tiếp, quan sát, ghi chép, tổng hợp và phân tích, xử lý thông tin, làm việc nhóm, quản lý tập thể và ra quyết định.

- CLO4: Sinh viên được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

4. Nội dung học phần

Trong thời gian TTSP, SV phải thực hiện và hoàn thành các nội dung sau:

4.1. Tìm hiểu thực tế việc dạy học ở trường thực tập

a. SV viết bài thu hoạch về tìm hiểu thực tế giáo dục ở trường TT (*theo mẫu*) sau khi nghe trường TT báo cáo về tình hình cơ cấu tổ chức hoạt động, nhiệm vụ năm học của nhà trường; chủ trương, biện pháp đổi mới công tác quản lý dạy- học của ngành; kinh nghiệm giảng dạy của giáo

viên trong trường; tình hình địa phương nơi trường đóng; các hoạt động khác của nhà trường và hoạt động của các đoàn thể cùng tham gia công tác giáo dục...; những chức năng, nhiệm vụ cơ bản của giáo viên...

b. SV nghiên cứu nội dung, chương trình, SGK tiểu học, phương pháp dạy học, các thiết bị dạy học; nắm tình hình thực hiện chương trình và dạy học môn học cụ thể ở trường thực tập, tìm hiểu sinh hoạt tổ chuyên môn.

Nội dung này do Trường Ban chỉ đạo hoặc người được ủy quyền đánh giá.

4.2. Thực tập giảng dạy

a. Trong suốt thời gian thực tập giảng dạy (TTGD), mỗi SV được một giáo viên của trường TT hướng dẫn.

b. Số tiết thực tập giảng dạy của một SV trong toàn đợt, được quy định như sau:

- Ở trường Tiểu học: **08 tiết**, thực tập giảng dạy nhiều môn, riêng môn Toán và tiếng Việt phải giảng tập nhiều khối lớp.

c. Giáo án lên lớp phải đạt các yêu cầu sau:

- Phải được giáo viên hướng dẫn góp ý kiến và ký duyệt chậm nhất 02 ngày trước khi lên lớp; đã tập giảng trước nhóm và góp ý trước khi lên lớp; không được tập giảng trước học sinh trường TT.

- Bài giảng phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về mặt sư phạm, phải thể hiện rõ đổi mới phương pháp dạy học; chú ý sử dụng các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và các kỹ thuật dạy học khác, ...

- Thực tập với nhiều loại hình: lý thuyết, thực hành, ngoại khóa, ôn tập, chấm bài kiểm tra, chữa bài tập...; tập duyệt toàn bộ các khâu của quá trình dạy học từ việc chuẩn bị đến việc lên lớp, củng cố kiến thức, ôn tập, kiểm tra- đánh giá ...

d. Sau các tiết lên lớp của SV, GVHD tổ chức rút kinh nghiệm để đánh giá giờ dạy, có SV cùng ngành học đi dự giờ tham dự.

e. Các tiết lên lớp của SV đều nằm trong kế hoạch đánh giá; SV không được lên lớp ngoài kế hoạch và vượt số tiết đã quy định.

4.3. Thực tập chủ nhiệm

a. Mỗi nhóm SV (từ 2 - 3 người) thực tập chủ nhiệm (TTCN) 6 tiết/một lớp ở trường TT (không tính tuần đầu và tuần cuối, mỗi tuần 1 tiết), dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp đó. Giáo viên hướng dẫn giao nhiệm vụ cụ thể cho nhóm và cho từng SV. Mỗi SV, ngoài việc thực hiện công tác được nhóm phân công, tự mình nhận một công tác cụ thể để chủ động tập duyệt làm tốt công tác đó.

b. SV lập kế hoạch chủ nhiệm lớp cụ thể đến từng tuần. Bản kế hoạch phải được giáo viên hướng dẫn góp ý, ký duyệt trước khi thực hiện. Trong kế hoạch cần ghi rõ nội dung công tác cụ thể, những biện pháp giáo dục chính sẽ vận dụng và chỉ tiêu cần đạt trong từng giai đoạn (*theo mẫu*).

c. Những trọng tâm thực tập chủ nhiệm:

+ Tìm hiểu tình hình lớp, xây dựng đội ngũ cán bộ lớp; tổ chức các phong trào thi đua học tập và rèn luyện cho học sinh; giáo dục học sinh cá biệt, thăm một số gia đình học sinh; phối hợp với hội phụ huynh học sinh và các đoàn thể trong trường để giáo dục học sinh. Phân tích các sự kiện từ thực tế giáo dục để rút kinh nghiệm.

+ Thực hiện các chức năng, nghiệp vụ của người GVCN: Nắm vững các quy chế, quy định về nghiệp vụ sư phạm của người giáo viên; chức năng của GV bộ môn, GV chủ nhiệm lớp; cách cho điểm, xếp loại học lực của học sinh; cách nhận xét, xếp loại hạnh kiểm, ghi sổ điểm, học bạ....

d. Kết hợp với lãnh đạo các đoàn thể của trường TT để tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, các hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội, ...; việc tổ chức các hoạt động này cũng cần xác định nội dung, xây dựng kế hoạch, biện pháp và phân công tổ chức thực hiện, hướng dẫn, rút kinh nghiệm, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá chất lượng, hiệu quả....

4.4. Dự các tiết thực tập của giáo viên và SV cùng ngành học

a. SV phải dự đủ số tiết thực tập đủ số tiết theo quy định sau:

- Tại trường Tiểu học: từ 6- 8 tiết, ở các khối lớp, các môn khác nhau.

Trong đó: Dự giờ dạy mẫu của giáo viên: 1-2 tiết; Số còn lại dự giờ của SV cùng ngành.

b. SV phải nghiên cứu và làm đề cương bài dạy trước khi dự giờ, ghi nhận xét dự giờ vào sổ TTSP.

Đây là cơ sở để GVHD đánh giá về năng lực giảng dạy của mỗi SV.

c. Sau khi dự giờ, cùng dự họp với GVHD để rút kinh nghiệm.

5. Phương pháp dạy - học

Trước khi sinh viên đi thực tập, giảng viên phụ trách nghiệp vụ có trách nhiệm lập kế hoạch tư vấn cho sinh viên, hướng dẫn sinh viên đọc, tìm hiểu tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên. Trong quá trình thực tập của sinh viên nếu có vấn đề phát sinh phải phối hợp với trường sở tại để giải quyết.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

6.1. Điểm thành phần của nội dung thực tập sư phạm

a. Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục tại trường thực tập (THTTGD): Đánh giá việc THTTGD của SV qua bài thu hoạch về nội dung này, theo thang điểm 10.

b. Điểm thực tập giảng dạy

- Đánh giá toàn bộ công tác TTGD, gồm các tiết lên lớp, dự giờ của SV cùng ngành, các hoạt động giảng dạy khác và căn cứ tiêu chí và thang điểm đã được quy định, theo thang điểm 10.

- Trong đánh giá lưu ý đến phần kiến thức cơ bản và đổi mới phương pháp dạy học bộ môn, sử dụng thiết bị - đồ dùng dạy học. Nếu sai kiến thức cơ bản hoặc chỉ dùng phương pháp thuyết trình và đọc chép thì giờ giảng đó chỉ ở mức tối đa là trung bình.

- Công thức tính điểm:

Điểm TTGD = Trung bình cộng các tiết lên lớp có đánh giá.

c. Điểm thực tập chủ nhiệm

Đánh giá từng tuần thực tập, theo thang điểm 10. Đánh giá theo nhóm và khả năng từng SV để tính điểm cho mỗi SV. Được thực hiện hằng tuần, và căn cứ tiêu chí và thang điểm đã được quy định để đánh giá, gồm 3 phần:

- Khả năng làm kế hoạch, tổ chức chỉ đạo.

- Khả năng thực hiện chức năng nghiệp vụ của người giáo viên.

- Hiệu quả của công tác thực tập chủ nhiệm.

Tùy tình hình thực tế, Ban chỉ đạo trường thực tập quy định cách thức và xác định điểm cho mỗi nhóm TTCN trong từng tuần. Đề khuyến khích từng SV trong nhóm hoạt động tích

cực hơn, điểm của từng SV trong nhóm được xác định trên cơ sở điểm của toàn nhóm đã đạt được và hiệu quả hoạt động của từng SV.

- Công thức tính điểm: **Điểm TTCN = Trung bình cộng điểm các tuần TTSP.**

6. 2. Điểm tổng kết nội dung thực tập sư phạm

Điểm tổng kết nội dung thực tập sư phạm, gồm:

- Điểm bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục (THTTGD), hệ số 1.
- Điểm thực tập chủ nhiệm (TTCN), hệ số 1.
- Điểm thực tập giảng dạy (TTGD), hệ số 2

6.3. Công thức tính điểm nội dung thực tập sư phạm

$$\text{Điểm TTSP} = \frac{\text{THTTGD} + \text{TTCN} + (\text{TTGD} \times 2)}{4} + (\text{hoặc-}) \text{điểm thưởng/phạt}$$

**Điểm thưởng/phạt*: Điểm này được cộng hoặc trừ vào kết quả đã được tính trung bình chung của điểm TTSP, theo 3 mức: 0,1; 0,2; 0,3.

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các qui định tại Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức

- Chấp hành tốt nội qui qui định của Trường đến thực tập.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Quyết định số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Quyết định số 906/QĐ-ĐHHD ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc ban hành quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức.

Học phần 46. Khóa luận tốt nghiệp / Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

46.1. Khóa luận tốt nghiệp

- Số tín chỉ: 6
- Mã học phần: 141087
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa Giáo dục Tiểu học
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy tối thiểu 70% khối lượng của CTĐT ngành và đạt trung bình chung tích lũy từ 1.95 trở lên; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập. Sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy 3 năm đầu học tập đạt 2,5 điểm trở lên, số các tín chỉ phải học lại không quá 5% tổng số tín chỉ đã học đến thời điểm xét và không bị hình thức lý luật từ cảnh cáo trở lên được phép đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp (số sinh viên được giao thực hiện khóa luận tốt nghiệp không quá 25% số sinh viên của lớp ngành).

1. Mô tả học phần

Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu một vấn đề chuyên sâu của chuyên ngành Giáo dục Tiểu học và trình bày dưới dạng một báo cáo khoa học, đồng thời bảo vệ vấn đề nghiên cứu trước hội đồng chấm khóa luận của ngành.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có những kiến thức cơ bản về chuyên môn và phương pháp NCKH chuyên ngành để tìm hiểu và trình bày vấn đề theo đúng cấu trúc của một khóa luận tốt nghiệp.

- CO2: Biết sử dụng các kiến thức được học để lập đề cương KLTN, biết lựa chọn phương pháp thích hợp để thực hiện đề tài nghiên cứu, biết trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu trước hội đồng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng được các kiến thức về NCKH chuyên ngành Giáo dục Tiểu học vào việc tìm hiểu đề tài, lập đề cương nghiên cứu, trình bày vấn đề đúng chuẩn cấu trúc của một khóa luận tốt nghiệp, biết các bước thực hiện và cách đánh giá một khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Giáo dục Tiểu học.

- CLO2: Biết lựa chọn phương pháp thích hợp để thực hiện đề tài nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp, biết cách tổ chức thực hiện nghiên cứu một khóa luận tốt nghiệp.

- CLO3: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học để trình bày nội dung khóa luận một cách chính xác, khoa học, cũng như thực hiện việc báo cáo kết quả của đề tài trước hội đồng chấm khóa luận chuyên ngành Giáo dục Tiểu học.

- CLO4: Thể hiện được khả năng nghiên cứu khoa học và làm việc độc lập.

4. Nội dung học phần

4.1. Nội dung tổng thể

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

1. Tìm hiểu tổng thể về vấn đề nghiên cứu
2. Xác định tính cấp thiết vấn đề cần nghiên cứu
3. Xây dựng đề cương nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Chương 2: Nội dung nghiên cứu

1. Tìm hiểu cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề nghiên cứu (nếu có)
2. Trình bày các nội dung nghiên cứu, kết quả đạt được
3. Kết luận (nếu có)

Chương 3: Kiến nghị/đề xuất giải pháp (nếu có)

1. Định hướng phát triển
2. Kiến nghị giải pháp

Kết luận

Tài liệu tham khảo và phụ lục

4.2. Quy định viết khoá luận

a. Về bố cục

Khoá luận bao gồm những phần và chương sau:

- Mở đầu: Lý do chọn đề tài, mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết cấu đề tài.

- Nội dung: gồm các chương

- Kết luận

- Kiến nghị (nếu có)

- Danh mục tài liệu tham khảo

- Phụ lục (nếu có)

b. Về trình bày

- Khoá luận tốt nghiệp phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xoá, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị.

- Khoá luận phải in 3 bản:

+ 1 bản bìa cứng, in chữ nhũ có đủ dấu tiếng Việt nộp về Thư viện Trường.

+ 2 bản bìa mềm nộp về bộ môn quản lý.

- Khoá luận phải có trang phụ bìa

- Khoá luận tốt nghiệp sử dụng chữ Times New Roman, cỡ 13-14.

- Mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ.

- Dẫn dòng: chế độ 1,5 lines, lề trên 2,0 cm, lề dưới 2,0 cm, lề trái 3,0 cm, lề phải 2 cm.

- Số trang được đánh ở giữa, phía cuối mỗi trang.

- Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang của khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang.

- Khoá luận tốt nghiệp được in trên một mặt giấy trắng khổ A4 (210*297mm), tối thiểu 20 trang, không kể phụ lục.

*** Bảng biểu, hình vẽ, công thức (Đối với những Khoá luận chuyên ngành PPDH Toán Tiểu học).**

- Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ phải gắn với số chương, chẳng hạn “Hình 3.1” có nghĩa là hình thứ 1 trong Chương 3.

- Mọi đồ thị, bảng biểu lấy từ nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ (nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục Tài liệu tham khảo).

- Đầu đề của bảng biểu ghi phía trên bảng, đầu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình.

- Các bảng, hình vẽ dài có thể để ở những trang riêng nhưng phải tiếp theo ngay phần nội dung đề cập tới bảng, hình vẽ ở lần đầu tiên.

- Các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ và in bằng mực không nhoè để có thể sao chụp lại, có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề, cỡ chữ bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản.

- Khi đề cập đến bảng biểu, hình vẽ phải nêu rõ số của hình hoặc bảng biểu đó. Ví dụ: “...được nêu trong bảng 3.1” hoặc “hình 3.2”

- Việc trình bày công thức: phải thống nhất trong toàn Khoá luận tốt nghiệp về cách trình bày công thức.

*** Viết tắt**

- Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong khoá luận tốt nghiệp.

- Không viết tắt những cụm từ dài; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong khoá luận tốt nghiệp.

- Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên cơ quan, tổ chức,... thì được viết tắt sau lần thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn.

- Nếu khoá luận tốt nghiệp có nhiều từ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu khoá luận tốt nghiệp.

*** Tài liệu tham khảo và cách trích dẫn**

- Việc trích dẫn, tham khảo chủ yếu nhằm thừa nhận nguồn của những ý tưởng có giá trị và giúp người đọc theo được mạch suy nghĩ của tác giả, không làm trở ngại việc đọc.

- Mọi ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý không phải của riêng tác giả và mọi tham khảo khác phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục Tài liệu tham khảo của Khoá luận tốt nghiệp. Phải nêu rõ cả việc sử dụng những đề xuất hoặc kết quả của đồng tác giả. Nếu sử dụng tài liệu của người khác và của đồng tác giả (bảng, biểu, hình vẽ, ...) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì khoá luận tốt nghiệp không được duyệt để bảo vệ.

- Nếu không có điều kiện tiếp cận được một tài liệu gốc mà phải trích dẫn thông qua một tài liệu khác thì phải nêu rõ cách trích dẫn này, đồng thời tài liệu gốc đó không được liệt kê trong danh mục Tài liệu tham khảo của khoá luận tốt nghiệp.

- Khi cần trích dẫn một đoạn hoặc ít hơn hai câu hoặc bốn dòng đánh máy thì có thể sử dụng dấu ngoặc kép để mở đầu và kết thúc phần trích dẫn. Nếu cần trích dẫn dài hơn thì phải tách phần này thành một đoạn riêng khỏi phần nội dung đang trình bày, với lề trái lùi vào thêm 2 cm. Khi này mở đầu và kết thúc đoạn trích này không phải sử dụng dấu ngoặc kép.

- Việc trích dẫn là theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ [12, tr.213]. Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ [12], [13], ...

*** Phụ lục**

Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội dung Khoá luận tốt nghiệp như số liệu, mẫu biểu, tranh ảnh,... Nếu khoá luận tốt nghiệp sử dụng những câu trả lời cho một bản câu hỏi thì bản câu hỏi mẫu này phải được đưa vào phần Phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi. Phụ lục không được nhiều trang hơn phần chính của Khoá luận tốt nghiệp.

*** Các quy định khác:** Phải làm 1 bản đề cương chi tiết để bảo vệ trước Hội đồng chuyên môn duyệt trước khi làm khoá luận tốt nghiệp. Sau khi chỉnh sửa nộp 1 bản có xác nhận của giáo viên hướng dẫn về Khoa.

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Đặt và giải quyết vấn đề; phương pháp dạy học nhóm; Phương pháp dạy học theo lý thuyết tình huống.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- KLTN phải thực hiện bảo vệ trước Hội đồng chấm. - KLTN do hai giảng viên có chuyên môn đúng hoặc gần đảm nhiệm, danh sách cán bộ chấm do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của khoa, bộ môn.

- Công thức tính điểm: Trung bình cộng điểm thành phần (giảng viên hướng dẫn và các cán bộ chấm của các thành viên trong Hội đồng) theo thang điểm 10 làm lẻ đến 1 chữ số thập phân và quy về điểm chữ theo quy định.

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các qui định tại Quyết định Số 906/QĐ-ĐHHD ngày 25 tháng 5 năm 2021, về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức

- Chấp hành tốt yêu cầu của giảng viên hướng dẫn.

- Có thái độ nghiêm túc trong quá trình thực hiện khoá luận.

- Hoàn thiện đúng tiến độ quy định.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Quyết định số 906/QĐ-ĐHHĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc ban hành quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức.

46.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

a) Chọn 1 trong 2 học phần

a1) Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở Tiểu học / Fostering the Vietnamese Language for Students Who have Gifted

- Mã học phần: 142059
- Số tín chỉ: 3TC (27; 36)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt tự chọn 2, Văn học tự chọn

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 5 chủ đề chính cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp bồi dưỡng HSG nói chung và HSG môn Tiếng Việt ở trường Tiểu học, bao gồm các kiến thức về đặc điểm tâm sinh lý, đặc điểm tư duy, cảm xúc, các kiến thức về phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi liên quan đến chữ viết và chính tả chữ Việt, Luyện từ và câu, Đọc hiểu văn bản văn học, Tập làm văn và các tri thức khác trong văn học và cuộc sống.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về phương pháp bồi dưỡng HSG nói chung và HSG môn Tiếng Việt ở trường Tiểu học, bao gồm các kiến thức về đặc điểm tâm sinh lý, đặc điểm tư duy, cảm xúc, các kiến thức về phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi liên quan đến chữ viết và chính tả chữ Việt, Luyện từ và câu, Đọc hiểu văn bản văn học, Tập làm văn và các tri thức khác trong văn học và cuộc sống.

- CO2: Hình thành cho người học phương pháp bồi dưỡng HSG môn Tiếng Việt ở Tiểu học; bao gồm những kiến thức chung về nguyên tắc, nhiệm vụ, phương pháp bồi dưỡng; các kiến thức và kỹ năng về chữ viết, chính tả chữ Việt, Luyện từ và câu, đọc hiểu và cảm thụ văn bản văn học, tập làm văn và các tri thức khác trong văn học và cuộc sống; từ đó, người học hình thành năng lực hướng dẫn học sinh thực hiện các bài tập nâng cao; soạn bài và dạy học tốt môn Tiếng Việt theo quan điểm phân hóa để thực hiện bồi dưỡng HSG một cách thường xuyên.

- CO3: Giúp người học vận dụng kiến thức đã học để bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn tiếng Việt ở trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được hệ thống kiến thức cơ bản về phương pháp bồi dưỡng HSG nói chung và HSG môn Tiếng Việt ở trường Tiểu học, bao gồm các kiến thức về đặc điểm tâm sinh lý, đặc điểm tư duy, cảm xúc, các kiến thức về phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi liên quan đến chữ viết và chính tả chữ Việt, Luyện từ và câu, Đọc hiểu văn bản văn học, Tập làm văn và các tri thức khác trong văn học và cuộc sống.

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức để có phương pháp bồi dưỡng HSG môn Tiếng Việt ở Tiểu học; bao gồm những kiến thức chung về nguyên tắc, nhiệm vụ, phương pháp bồi dưỡng; các kiến thức và kỹ năng về chữ viết, chính tả chữ Việt, Luyện từ và câu, đọc hiểu và cảm thụ văn bản văn học, tập làm văn và các tri thức khác trong văn học và cuộc sống; từ đó, người

học hình thành năng lực hướng dẫn học sinh thực hiện các bài tập nâng cao; soạn bài và dạy học tốt môn Tiếng Việt theo quan điểm phân hóa để thực hiện bồi dưỡng HSG một cách thường xuyên.

- CLO3:Người học vận dụng kiến thức đã học để bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn tiếng Việt ở trường Tiểu học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái quát về công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn TV ở tiểu học	6	4	0	0	0	10
Bồi dưỡng HSNK luyện viết chữ đẹp	4	9	0	0	0	30
Bồi dưỡng HSNK năng lực tiếp nhận ngôn bản	4	7	0	0	0	20
Bồi dưỡng HSNK kĩ năng viết văn bản	8	7	0	0	0	45
Nâng cao kiến thức TV cho HSNK môn TV ở tiểu học	5	9	0	0	0	30
Tổng	27	36	0	0	0	135

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
4	Viết	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
5	Làm bài kiểm tra	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
6	Viết	Rubric 6 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

[1]. Lê Phương Nga (2011), *Bồi dưỡng học sinh giỏi môn tiếng Việt ở tiểu học*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Hà Phương Anh (2016), *Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 1*, NXB ĐHSP.

[2]. Hà Phương Anh (2016), *Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 2*, NXB ĐHSP.

[3] *Sách giáo khoa Tiếng Việt ở tiểu học, Sách giáo viên theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, 2018, NXB GD.

a2) Kiến thức Tiếng Việt trong trường Tiểu học / Knowledge of Vietnamese Language in Elementary School

- Mã học phần: 142050

- Số tín chỉ: 3TC (27LT; 30BT,TL; 6TH)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt tự chọn 2, Văn học tự chọn

1. Mô tả học phần

Học phần có 5 chủ đề, các chủ đề này gồm: khái quát chung về vấn đề kiến thức Tiếng Việt trong trường tiểu học; khái quát kiến thức ngôn ngữ học đại cương và ngữ âm học trong CT Tiểu học; khái quát kiến thức về từ vựng ngữ nghĩa và ngữ pháp trong Chương trình Tiểu học; khái quát kiến thức về phong cách học và tu từ học trong Chương trình Tiểu học; khái quát kiến thức ngữ pháp văn bản và ngữ dụng học trong Chương trình Tiểu học.

Người học khái quát được kiến thức chung về Tiếng Việt, bao gồm: kiến thức ngữ âm học, kiến thức từ vựng ngữ nghĩa học, ngữ pháp tiếng Việt, phong cách học tiếng Việt; khái quát được chương trình SGK Tiếng Việt ở Tiểu học. Trên cơ sở đó, phân tích và vận dụng kiến thức tiếng Việt vào việc dạy Tiếng Việt ở Tiểu học.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nội dung dạy học Tiếng Việt trong chương trình Tiếng Việt ở tiểu học; hệ thống hóa các tri thức cơ bản của Tiếng Việt, phân tích được sự thể hiện của chúng trong chương trình SGK Tiếng Việt ở tiểu học.

- CO2: Người học vận dụng kiến thức để hệ thống hóa các kiến thức tiếng Việt trong CT đã học; kỹ năng phân tích kiến thức tiếng Việt trong CT Tiếng Việt ở tiểu học; kỹ năng vận dụng

kiến thức Tiếng Việt trong dạy học tiếng Việt ở tiểu học; giải quyết các vấn đề cơ bản của tiếng Việt và vận dụng những kiến thức tiếng Việt vào giải quyết các vấn đề về ngữ âm và từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt cụ thể.

- CO3: Giúp người học vận dụng kiến thức đã học để dạy môn tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 5 ở trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản về nội dung dạy học tiếng Việt trong CT tiểu học; hệ thống hóa các tri thức cơ bản của Tiếng Việt, phân tích được sự thể hiện của chúng trong chương trình SGK Tiếng Việt ở tiểu học.

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức để hệ thống hóa các kiến thức tiếng Việt trong Chương trình đã học; kỹ năng phân tích kiến thức tiếng Việt trong Chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học; kỹ năng vận dụng kiến thức Tiếng Việt trong dạy học các phân môn tiếng Việt ở Tiểu học; giải quyết các vấn đề cơ bản của tiếng Việt và vận dụng những kiến thức tiếng Việt vào giải quyết các vấn đề về ngữ âm và từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt cụ thể.

- CLO3: Người học vận dụng kiến thức đã học để dạy học Tiếng Việt ở trường Tiểu học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Khái quát chung về vấn đề kiến thức Tiếng Việt trong trường tiểu học	5	3	3	1	0	25
Chương 2. Kiến thức ngôn ngữ học đại cương và ngữ âm học trong CT Tiếng Việt ở tiểu học	6	3	3	2	0	30
Chương 3. Kiến thức từ vựng ngữ nghĩa và ngữ pháp trong CT Tiếng Việt ở tiểu học	6	3	3	1	0	30
Chương 4. Kiến thức phong cách học và tu từ học trong CT Tiếng Việt ở tiểu học	5	3	3	1		25
Chương 5. Kiến thức ngữ pháp văn bản và ngữ dụng học trong CT Tiếng Việt ở tiểu học	5	3	3	1		25
Tổng	27	15	15	6	0	135

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric 2 (đánh giá mức độ làm bài tập cá nhân)	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Tham gia thảo luận	Rubric 3,4 (đánh giá mức độ làm bài tập nhóm và tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
4	Viết	Rubric 5 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
5	Làm bài kiểm tra	Rubric 6 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
6	Viết	Rubric 7 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Tài liệu tham khảo chính

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Lê Phương Nga (Chủ biên)(2009), Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I (Dành cho hệ Cử nhân giáo dục Tiểu học từ xa), NXB ĐHSP Hà Nội.

[2]. Lê Phương Nga (2010), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1 (Dành cho hệ Cử nhân giáo dục Tiểu học từ xa)*, NXB ĐHSP Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nhiều tác giả (2006), *Đánh giá kết quả học tập ở Tiểu học (Dự án phát triển giáo viên Tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo)*, NXB Giáo dục Hà Nội.

[2]. Tiếng Việt 1,2, 3, 4, 5, 2002- 2010 (SGK và SGV) và SGK Theo chương trình mới (2018), NXB Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Các modul, *Chuyên đề của Bộ GDĐT về đổi mới PPDH theo Chương trình*, SGK.

b) Chọn 1 trong 2 học phần

b1) Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn toán ở Tiểu học

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TL)

- Mã học phần: 141014
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán
- Điều kiện tiên quyết: Rèn kỹ năng giải toán Tiểu học

1. Mô tả học phần

Cung cấp kiến thức tổng quan về vấn đề bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn toán ở tiểu học, bao gồm: Phát hiện học sinh có năng khiếu môn toán ở tiểu học; PP bồi dưỡng HS có năng khiếu môn toán; các kỹ thuật khai thác và phát triển một bài toán ở tiểu học. Trang bị phương pháp giải các dạng bài toán bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn toán ở tiểu học. Vận dụng các phương pháp vào giải, hướng dẫn học sinh tiểu học giải và phát triển các bài toán nâng cao ở tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu biết các vấn đề cơ bản về lí luận bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn toán ở tiểu học.
- CO2: Áp dụng các PP thường dùng trong giải toán để nhận dạng bài toán; cách trình bày lời giải các bài toán bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn toán ở tiểu học.
- CO3: Vận dụng sáng tạo các phương pháp thường dùng trong giải toán tiểu học để giải, hướng dẫn học sinh có năng khiếu môn toán giải các bài toán nâng cao và thực hiện kế hoạch dạy học môn Toán ở tiểu học.
- CO4: Phát triển bài toán từ một bài toán vừa giải.
- CO5: Hình thành kỹ năng sử dụng tài liệu dạy học môn Toán ở tiểu học; sử dụng CNTT trong việc tìm kiếm thông tin; tìm hiểu và nghiên cứu vấn đề về giải toán ở tiểu học. Phát triển năng lực tự học và phát triển bản thân.
- CO6: Phát triển kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp xử lý các tình huống trong dạy học giải toán ở tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu rõ mục đích, nội dung của việc bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn toán ở TH.
- CLO2: Nắm vững các dạng toán bồi dưỡng HS có NK môn Toán cùng các kiến thức cần củng cố và bổ sung để giải các dạng toán đó.
- CLO3: Hiểu sâu sắc, kỹ thuật khai thác và phát triển bài toán ở tiểu học.
- CLO4: Vận dụng sáng tạo các phương pháp giải toán để giải và hướng dẫn học sinh có năng khiếu môn toán ở tiểu học giải các dạng toán nâng cao.
- CLO5: Vận dụng kỹ thuật khai thác và phát triển bài toán để khai thác và phát triển các bài toán bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn toán ở tiểu học.
- CLO6: Sử dụng tài liệu dạy học môn Toán ở tiểu học; sử dụng CNTT trong việc tìm kiếm thông tin; tìm hiểu và nghiên cứu vấn đề về bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn toán ở TH.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu môn toán ở TH.	2	1	0	0	0	9
Một số kỹ thuật khai thác và phát triển bài toán ở tiểu học.	2	1	3	0	0	18
Các bài toán về số và chữ số.	2	1	1	0	1	10
Các bài toán về dãy số.	2	1	2	0	0	10
Các bài toán về điền số vào phép tính.	3	1	2	0	0	12
Các bài toán về chia hết.	2	1	1	0	0	10
Các bài toán về phân số và số thập phân.	3	1	2	0	0	12
Một số dạng toán có lời văn điển hình.	3	1	1	0	0	10
Các bài toán về chuyển động.	2	1	2	0	0	10
Các bài toán vui và toán cổ ở tiểu học.	2	2	1	0	0	12
Các bài toán về suy luận logic.	2	1	1	0	0	10
Các bài toán có nội dung hình học	3	1	2	0	0	12
Tổng	21	18	0	0	0	0

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO6 CLO7	5%
2	Bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	Rubric 2 (đánh giá bài tập nhóm / thảo luận nhóm)	CLO6 CLO8 CLO9	25%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đáp án, thang điểm	CLO2 CLO3 CLO4	
4	Bài tập cá nhân	Rubric 3 (đánh giá bài tập cá nhân)	CLO3 CLO4 CLO5 CLO9	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
5	Viết tự luận	Đáp án, thang điểm	CLO2 CLO4 CLO5 CLO9	20%
III. Thi kết thúc học phần				
6	Vấn đáp	Rubric 4 (đánh giá bài thi vấn đáp)	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO7	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Trần Diên Hiền (2009), *Giáo trình chuyên đề "Bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở Tiểu học"*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Diên Hiền (2008), *Rèn kỹ năng giải toán Tiểu học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

[2]. Trần Ngọc Lan (Chủ biên), Đỗ Hoàng Mai (2020), *Giúp em giỏi toán lớp 1*, NXB Đại học Sư phạm.

[3]. Phạm Đình Thực (2017), *Bài tập cơ bản, nâng cao Toán 5*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[4]. Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, *Sách giáo khoa Toán ở tiểu học, Sách giáo viên* theo chương trình giáo dục phổ thông mới 2018, NXB GD.

b2) Rèn luyện tư duy cho học sinh trong dạy học toán ở Tiểu học / Training Students' Thinking in Teaching Mathematics in Primary School

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TL)

- Mã học phần: 141066

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán.

- Điều kiện tiên quyết: Rèn kỹ năng giải toán tiểu học

1. Mô tả học phần

Cung cấp kiến thức đại cương về tư duy và tư duy toán học, cơ sở của việc rèn luyện tư duy cho HS trong DH Toán ở tiểu học. Trình bày các PP rèn luyện tư duy và cách thực hành rèn luyện tư duy cho HS trong DH Toán ở tiểu học. Vận dụng thực hành rèn luyện tư duy cho HS trong DH Toán ở tiểu học thông qua các tình huống và bài tập.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu biết các vấn đề cơ bản về tư duy, tư duy toán học và các phương pháp rèn luyện tư duy cho học sinh trong dạy học.

- CO2: Vận dụng sáng tạo các phương pháp rèn luyện tư duy để thực hành rèn luyện tư duy cho HS trong DH Toán ở tiểu học.

- CO3: Tự học, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững các kiến thức về tư duy: khái niệm, tính chất, quá trình tư duy, các thao tác và các loại hình tư duy; về tư duy toán học: khái niệm, các thao tác và các loại hình tư duy toán học ; về rèn luyện tư duy.

- CLO2: Nắm vững các PP rèn luyện tư duy, yêu cầu và cách thực hành rèn luyện tư duy cho HS trong DH Toán ở tiểu học.

- CLO3: Vận dụng PP rèn luyện tư duy để thực hành rèn luyện tư duy cho HS trong DH Toán ở tiểu học, thiết kế các tình huống, các bài tập và từng bước khai thác, phát triển bài toán phù hợp với năng lực thực tế của HS.

- CLO4: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có ý thức tự học, tự nghiên cứu các vấn đề về phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học cũng như các vấn đề khoa học có liên quan để nâng cao để nâng cao năng lực nghề nghiệp.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đại cương về tư duy	4	1	3	0	0	5
Tư duy toán học	5	2	5	0	0	10
Một số vấn đề cơ sở của việc rèn luyện tư duy cho HS trong DH toán ở tiểu học	4	1	2	0	0	30
Phương pháp rèn luyện tư duy cho HS trong DH toán ở tiểu học	5	1	3	0	1	30
Thực hành rèn luyện tư duy cho HS trong DH toán ở tiểu học	9	3	13	0	1	60
Tổng	27	8	26	0	2	135

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống,...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần				
	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO4	5%
II. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	Rubric 2 (đánh giá bài tập nhóm / thảo luận nhóm)	CLO3 CLO4	25%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đáp án, thang điểm	CLO2 CLO3 CLO1	
3	Bài tập cá nhân	Rubric 3 (đánh giá bài tập cá nhân)	CLO3 CLO4	
III. Kiểm tra giữa kỳ				
	Viết tự luận	Đáp án, thang điểm	CLO1 CLO2	20%
IV. Thi kết thúc học phần				
	Tự luận	Rubric 4 (đánh giá bài thi vấn đáp)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Trần Ngọc Lan (2009), *Rèn luyện tư duy cho học sinh trong dạy học Toán bậc Tiểu học* NXB trẻ, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Thúc Trình (2003), *Rèn tư duy trong dạy học Toán*, Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội.

[2]. Dự án Việt - Bỉ (2000), *Dạy kỹ năng tư duy: Lý luận và thực tiễn*

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

[1]. Chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

[3]. Chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Vinh.

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đậu Bá Thìn